

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

NGÀNH ĐÀO TẠO:	HÓA DƯỢC
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH:	7720203
HỆ ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY

HÀ NỘI, 2019

MỤC LỤC

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo	1
1.2. Sự cần thiết về việc mở ngành.....	3
II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH	5
2.1. Năng lực của cơ sở đào tạo (<i>đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình; hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế</i>).....	6
2.1.1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên.....	6
2.1.2. Giảng đường và phòng thí nghiệm thực hành	15
2.1.3. Thư viện và học liệu	62
2.1.4. Cơ sở thực hành, thực tế.....	98
2.2. Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo (bao gồm cả đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu)	99
2.3. Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua đề án mở ngành đào tạo.....	126
III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN	126
3.1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học	128
3.2. Đề nghị của cơ sở đào tạo.....	128
3.3. Cam kết triển khai thực hiện	128

Số: /DHN-ĐA

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Hóa dược; Mã số: 7720203

Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục đại học)

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Dược Hà Nội tiền thân là Trường Thuốc Đông Dương tại Hà Nội do Chính phủ Pháp thành lập ngày 08/01/1902. Trải qua nhiều thời kỳ khác nhau, cùng với nhiều lần đổi tên, ngày 29/9/1961, do yêu cầu phát triển của ngành Dược, Trường Đại học Dược khoa được tách ra từ Trường Đại học Y Dược khoa (theo Quyết định 828/BYT-QĐ, ngày 29/9/1961) và chính thức có tên là Trường Đại học Dược Hà Nội từ ngày 11/9/1985 (theo Quyết định số 1004/BYT-QĐ ngày 11/9/1985).

Với lịch sử hơn 100 năm đào tạo dược sỹ, Trường đã đào tạo được hơn 10 ngàn dược sỹ đại học, hơn 600 thạc sỹ dược và hàng trăm tiến sỹ dược học. Hiện Trường đang triển khai đào tạo nhiều hệ với các loại hình khác nhau, gồm: Tiến sỹ dược học với 7 chuyên ngành (Công nghệ dược phẩm và bào chế - mã ngành 9720202, Dược lý và Dược lâm sàng - mã ngành 9720205, Dược liệu và Dược học cổ truyền - mã ngành 9720206, Tổ chức quản lý dược - mã ngành 9720212, Hóa sinh dược - mã ngành 9720208, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất - mã ngành 9720206, Hóa dược - mã ngành 9720203); Thạc sỹ dược học với 6 chuyên ngành (Công nghệ dược phẩm & Bào chế - mã ngành 8720202, Dược lý và dược lâm sàng - mã ngành 8720205, Dược liệu – Dược học cổ truyền – mã ngành 8720206, Tổ chức quản lý dược – mã ngành 8720212, Hóa sinh dược – mã ngành 8720208, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất – mã ngành 8720210), dược sỹ đại học hệ chính quy – mã ngành 7720201 với 5 định hướng chuyên ngành (Công nghiệp dược, Dược lý – Dược lâm sàng, Dược liệu – Dược học cổ truyền, Tổ chức quản lý dược, Đảm bảo chất lượng thuốc). Ngoài ra, Trường còn đào tạo dược sỹ chuyên khoa cấp I, dược sỹ chuyên khoa cấp II và triển khai các khóa đào tạo liên tục phục vụ cho nhu cầu cập nhật, nâng cao chất lượng của dược sỹ cho ngành y tế.

Về cơ cấu tổ chức, Trường có 21 bộ môn trực thuộc đảm nhiệm nhiệm vụ giảng dạy tất cả các môn học trong các chương trình đào tạo, 16 phòng - ban chức năng. Ngoài ra Trường còn có Viện nghiên cứu Công nghệ Dược phẩm Quốc gia và Trung tâm Quốc gia về thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc. Liên quan đến lĩnh vực Hóa dược, Trường có bộ môn Hóa dược được thành lập từ năm 1955, là một trong các bộ môn có bề dày truyền thống lâu đời nhất của Trường. Ngoài ra bộ môn Hóa Hữu cơ của Trường cũng có đội ngũ giảng viên và lĩnh vực nghiên cứu là Hóa dược. Bộ môn Công nghiệp dược có bộ phận tổng hợp hóa dược với nhiều kinh nghiệm sâu trong lĩnh vực này.

Về đội ngũ cán bộ giảng dạy, Trường hiện có 178 giảng viên, trong đó có 04 giáo sư, 35 phó giáo sư, 81 tiến sĩ (bao gồm cả GS và PGS), 85 thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm 44%, đội ngũ giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 92%. Ngoài ra Trường còn có 150 giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện, cơ quan quản lý và công ty dược. Liên quan đến chuyên ngành Hóa dược, Trường hiện có 2 giáo sư, 8 phó giáo sư và 14 tiến sĩ đúng chuyên ngành. Ngoài ra còn có 45 tiến sĩ, thạc sĩ chuyên ngành gần.

Về cơ sở vật chất, Trường hiện có - 25 phòng học với tổng diện tích là 3.099 m² (01 giảng đường lớn trên 200 chỗ ngồi, 09 giảng đường từ 100 - 140 chỗ ngồi, 12 giảng đường từ 70 - 90 chỗ ngồi, 01 phòng học ngoại ngữ (có 44 chỗ), 01 phòng tin học (có 45 chỗ). 05 phòng hội thảo (diện tích 902 m²): P. Hội thảo I, Phòng Hội đồng, P. Giáo sư, Văn phòng Đảng ủy; 01 Hội trường – giảng đường lớn (diện tích: 470 m²); 02 phòng học đa phương tiện (diện tích 209 m²); 01 thư viện (663 m²); 01 sân tập (diện tích: 726 m²); 01 vườn thực vật (diện tích 882m²); 31 phòng thí nghiệm (diện tích 1.476 m²); 43 phòng thực hành (diện tích 2734 m²); 01 xưởng thực tập (diện tích 13m²).

Về học liệu, Nhà trường có tổng số đầu sách là 25.516 bao gồm sách, tạp chí, e-book. Trong đó tài liệu giấy 12.575 và tài liệu đã được số hóa 12.941. Thư viện đã liên kết với cổng HINARI.

Các giảng đường, phòng thí nghiệm có đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã đầu tư khá lớn để cải thiện các giảng đường và phòng thí nghiệm. Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Trường bố trí sử dụng các phòng thí nghiệm, phòng thực hành với tuần suất có thể đảm nhiệm 4 ca/ngày. Nhà trường hiện có 2.040 tài sản với tổng giá trị khoảng 1.245 tỷ đồng phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học (trong đó, có nhiều thiết bị phục vụ thí nghiệm và nghiên cứu khoa học chuyên ngành như: hệ thống phân tích khối phổ LCM/ESI/APCI, hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao HPTLC, hệ thống sắc ký khối phổ GC-MS, hệ thống chiết xuất siêu tới hạn và tạo hạt, máy phân tích nhiệt vi sai, máy

bào chế mini...). Cơ sở vật chất và nguồn lực hiện tại của Trường đã đáp ứng tốt cho đào tạo hiện nay và hoàn toàn có thể mở rộng quy mô. Để nhanh chóng đạt mục tiêu “ngang tầm khu vực vào năm 2020 và ngang tầm thế giới vào năm 2030”, Nhà trường đang đẩy mạnh tiến độ dự án “Xây dựng Trường Đại học Dược Hà Nội thành trường chuyên ngành trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực vào năm 2020” với diện tích 21 ha bằng nguồn vốn vay ưu đãi của Chính phủ Hàn Quốc 45 triệu USD và vốn đối ứng 12 triệu USD.

1.2. Sự cần thiết về việc mở ngành

- Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Tại Quy hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2009 - 2020 và định hướng đến năm 2030 được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt, Trường Đại học Dược Hà Nội đã công khai sứ mạng: “Trường Đại học Dược Hà Nội là trường có sứ mạng đi tiên phong trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ dược cho ngành Y tế Việt Nam, đặc biệt là đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao ngang tầm với khu vực và thế giới. Trường phải là một trong những trung tâm hàng đầu của cả nước về nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, là đầu mối giao lưu quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và NCKH của ngành Dược”. Hóa dược là một trong những ngành nằm trong mã dược học (77203). Với sứ mạng là đi tiên phong trong đào tạo đội ngũ cán bộ Dược cho ngành Y tế, việc đào tạo ngành hóa dược là điều tất yếu để thực hiện sứ mạng của Nhà trường. Việc mở mã ngành đào tạo hóa dược cũng phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường “*Xây dựng Trường Đại học Dược Hà Nội thành một trường trọng điểm quốc gia, một trung tâm đào tạo cán bộ và nghiên cứu về Dược của cả nước, ngang tầm với khu vực vào năm 2020 và thế giới vào năm 2030*”. Gắn liền với quan điểm phát triển nền kinh tế tri thức, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói chung, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, theo hướng hình thành trường đại học định hướng nghiên cứu. Đào tạo ngành hóa dược phù hợp với chiến lược phát triển của Trường Đại học Dược Hà Nội, định hướng đến năm 2025 trở thành trường đại học đa ngành.

- Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

Công nghiệp dược là một lĩnh vực quan trọng của ngành dược hiện nay. Ngành công nghiệp dược có hai lĩnh vực chính là bào chế dược phẩm và sản xuất nguyên liệu làm thuốc. Trong hơn 10 năm qua, ngành công nghiệp dược Việt Nam là một trong những ngành phát triển nhanh với tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt đến 18-20%. Năm 2017, tổng giá trị ngành công nghiệp dược Việt Nam đạt trên 4 tỷ USD, trong đó hơn 50% thuốc đã được bào chế sản xuất trong nước. Tuy nhiên, một thực tế hiện nay là trên 90% nguyên liệu hóa dược dùng để sản xuất thuốc trong nước vẫn phải nhập khẩu từ

các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Hàn Quốc. Như vậy, hàng năm Việt Nam vẫn phải sử dụng hàng trăm triệu USD chi phí cho nhập khẩu nguyên liệu hóa dược phục vụ cho sản xuất thuốc trong nước, cùng với hàng trăm triệu USD khác để nhập các thuốc thành phẩm phục vụ cho nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Lĩnh vực nghiên cứu phát triển thuốc mới ở Việt Nam cũng còn chưa phát triển.

Để đánh giá phân loại mức độ phát triển của nền công nghiệp dược của một nước WHO đã đưa ra 4 mức:

- + Mức độ 1: Phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu.
- + Mức độ 2: Sản xuất được một số thuốc generic, đa số phải nhập khẩu.
- + Mức độ 3: Có công nghiệp dược nội địa sản xuất thuốc generic, xuất khẩu được một số dược phẩm.
- + Mức độ 4: Sản xuất được nguyên liệu và phát minh thuốc mới.

Căn cứ vào phân loại trên của WHO và từ thực tế Việt Nam vẫn thuộc một trong hơn 80 nước trên thế giới có nền công nghiệp bào sản xuất thành phẩm dựa chủ yếu vào nguyên liệu nhập khẩu của nước ngoài thì có thể thấy Việt Nam hiện đang ở mức cận 3.

Ý thức được vai trò mũi nhọn của ngành công nghiệp hóa dược, tại Quyết định số 61/2007/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 5 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia phát triển công nghiệp hóa dược đến năm 2020” (gọi tắt là Chương trình Hóa dược) với các nhiệm vụ chủ yếu:

1. Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai và sản xuất thử nghiệm sản phẩm ở quy mô pilot phục vụ phát triển ngành công nghiệp hóa dược;
2. Xây dựng tiềm lực cho nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ phát triển ngành công nghiệp hóa dược;
3. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp hóa dược;
4. Góp phần xây dựng và phát triển ngành công nghiệp hóa dược thông qua ứng dụng kết quả nghiên cứu, tăng cường năng lực nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Chương trình hóa dược được coi là một trong những giải pháp quyết liệt nhằm đạt được các mục tiêu mà “Chiến lược phát triển ngành dược đến năm 2020, tầm nhìn 2030” do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Sau hơn 10 năm triển khai đã có hàng chục đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm dược thực hiện. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu trên

mới chỉ dừng lại ở quy mô phòng thí nghiệm mà chưa thể triển khai sản xuất được ở quy mô công nghiệp phục vụ nhu cầu sản xuất thuốc trong nước. Với lĩnh vực nghiên cứu phát triển thuốc mới, Việt Nam cho đến nay vẫn chưa có thuốc mới nào được nghiên cứu phát triển thành công. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, song một trong những nguyên nhân quan trọng nhất vẫn là do thiếu hụt đội ngũ cán bộ, chuyên gia hóa dược có trình độ đáp ứng nhu cầu cho ngành hóa dược. Mặc dù trong những năm qua đã có một số trường đại học mở ngành đào tạo cử nhân hóa dược song xu hướng chung các chương trình đào tạo cử nhân hóa dược tại các trường đại học trong nước hiện nay tập trung thiên về hóa học. Trong khi đó, chuyên gia làm việc trong lĩnh vực hóa dược, đặc biệt lĩnh vực tổng hợp nguyên liệu hóa dược và nghiên cứu phát triển thuốc mới, cần có nền tảng vững chắc về các lĩnh vực liên quan khác như sinh học, dược lý học, hóa sinh, bào chế thuốc... Chính vì vậy, việc xây dựng một chương trình đào tạo cử nhân hóa dược với những kiến thức và kỹ năng vững chắc về các lĩnh vực nói trên là hết sức cần thiết nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho trình độ phù hợp cho sự phát triển ngành công nghiệp hóa dược của Việt Nam, đặc biệt nhu cầu nhân lực làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển thuốc mới.

Ngoài ra, một lĩnh vực khác mà cử nhân hóa dược nếu được đào tạo phù hợp có thể đáp ứng tốt nhu cầu công việc là lĩnh vực kiểm nghiệm, đảm bảo chất lượng thuốc. Đây là lĩnh vực vừa đòi hỏi kiến thức, kỹ năng về hóa học, đồng thời cần có hiểu biết sâu sắc về thuốc và nguyên liệu làm thuốc. Vì vậy cử nhân hóa dược có thể coi là trình độ lý tưởng để đáp ứng nhu cầu công việc này. Hiện nay hệ thống kiểm nghiệm đảm bảo chất lượng thuốc với Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương tại Hà Nội, Viện Kiểm nghiệm thuốc thành phố Hồ Chí Minh, 63 Trung tâm kiểm nghiệm các tỉnh thành và hệ thống các Phòng Kiểm nghiệm (QC), Phòng Đảm bảo chất lượng (QA) thuộc gần 300 nhà máy dược phẩm GMP (nhà máy đạt tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt) trong cả nước hàng năm có nhu cầu nhân lực rất lớn. Vì vậy việc đào tạo cử nhân hóa dược mở rộng thêm định hướng kiểm nghiệm, đảm bảo chất lượng thuốc là nhu cầu cấp thiết của xã hội hiện nay.

Hiện nay ở Việt Nam chỉ có 5 cơ sở đào tạo cấp bằng cử nhân Hóa dược: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học KHTN – Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Cần Thơ, Đại học Thái Nguyên, Đại học Trà Vinh và 5 cơ sở đào tạo cấp bằng cử nhân Kỹ thuật Hóa học với số lượng tuyển sinh nhỏ, hơn nữa các trường này chưa có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo về thuốc nên chưa thực sự đáp ứng được mục tiêu chiến lược nghiên cứu phát triển thuốc mới trong chương trình Hóa dược Quốc gia. Trường Đại học Dược Hà Nội với sứ mạng đi tiên phong trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ dược cho ngành Y tế Việt Nam, đặc biệt là đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao ngang tầm

với khu vực và thế giới, là một trong những trung tâm hàng đầu của cả nước về nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, là đầu mối giao lưu quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và NCKH của ngành Dược. Hóa dược là một trong hai ngành nằm trong nhóm ngành Dược học, khối ngành Sức khỏe. Vì vậy, Trường Đại học Dược Hà Nội có rất nhiều điều kiện thuận lợi để đảm bảo chất lượng trong đào tạo cử nhân ngành Hóa dược đáp ứng nhu cầu xã hội.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

2.1. Năng lực của cơ sở đào tạo (*đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình; hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế*).

2.1.1. *Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên*

Trường có 21 bộ môn trực thuộc có thể đảm nhiệm nhiệm vụ giảng dạy tất cả các môn học trong chương trình đào tạo cử nhân hóa dược dự kiến. Cụ thể, trường hiện có 178 giảng viên, trong đó có 04 giáo sư, 35 phó giáo sư, 81 tiến sĩ (bao gồm cả GS. và PGS.), 85 thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm 44%, đội ngũ giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm trên 92%. Ngoài ra Trường còn có 150 giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện, cơ quan quản lý và công ty dược.

Danh sách các bộ môn và danh sách giảng viên cơ hữu và danh sách kỹ thuật viên tham gia giảng dạy các môn học/học phần của ngành đăng ký đào tạo dự kiến trong các bảng 2.1, 2.2 và 2.3 sau:

Bảng 2.1. Danh sách các bộ môn trực thuộc Trường

TT	Tên bộ môn	STT	Tên bộ môn
1	Bộ môn Bào chế	12	Bộ môn Hóa phân tích và Độc chất
2	Bộ môn Công nghiệp dược	13	Bộ môn Hóa sinh
3	Bộ môn Dược học cổ truyền	14	Bộ môn Mác- Lênin
4	Bộ môn Dược lâm sàng	15	Bộ môn Ngoại ngữ
5	Bộ môn Dược liệu	16	Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược
6	Bộ môn Dược lực	17	Bộ môn Thực vật
7	Bộ môn Giáo dục thể chất	18	Bộ môn Toán tin
8	Bộ môn Giáo dục quốc phòng	19	Bộ môn Vật lý - Hóa lý
9	Bộ môn Hóa dược	20	Bộ môn Vi sinh và Sinh học
10	Bộ môn Hóa đại cương- Vô cơ	21	Bộ môn Y học cơ sở
11	Bộ môn Hóa hữu cơ		

Bảng 2.2. Danh sách giảng viên dự kiến giảng dạy các học phần/môn học dự kiến trong Chương trình cử nhân hóa dược

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh Năm phong Học vị, Nước cấp Năm được cấp	Chuyên ngành/ngành	Đơn vị
1	Vũ Ngọc Mai	1988	Thạc sỹ -Australia -2018	Dược học	Bộ môn Bào chế
2	Phạm Bảo Tùng	1982	Tiến sỹ -Hà Lan - 2016	Công nghệ dược phẩm và sinh dược học/Dược học	Bộ môn Bào chế
3	Nguyễn Thạch Tùng	1982	Tiến sỹ -Hàn Quốc -2012	Bào chế/Dược học	Bộ môn Bào chế
4	Trần Thị Hải Yến	1982	Tiến sỹ -Nga -2010	Bào chế/Dược học	Bộ môn Bào chế
5	Nguyễn Cảnh Hưng	1991	Thạc sỹ -Pháp - 2016	Công nghệ dược phẩm- Sinh dược học /Dược học	Bộ môn Bào chế
6	Nguyễn Thị Mai Anh	1973	Tiến sỹ -Việt Nam -2014	Bào chế/Dược học	Bộ môn Bào chế
7	Nguyễn Trần Linh	1973	Tiến sỹ -Việt Nam -2006	Công nghệ dược phẩm- Bào chế/Dược học	Bộ môn Bào chế
8	Dương Thị Hồng Ánh	1983	Tiến sỹ -Việt Nam -2018	Công nghệ dược phẩm- Bào chế/Dược học	Bộ môn Bào chế
9	Nguyễn Văn Lâm	1987	Thạc sỹ -Việt Nam -2012	Bào chế/Dược học	Bộ môn Bào chế
10	Đàm Thanh Xuân	1965	Phó Giáo sư – 2018 Tiến sỹ -Nga -1994	Hóa dược/Hóa học	Bộ môn Công nghiệp Dược
11	Nguyễn Đình Luyện	1957	Phó Giáo sư – 2011 Tiến sỹ -Việt Nam -2007	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Công nghiệp Dược
12	Lê Ngọc Khánh	1987	Thạc sỹ - Vương quốc Bỉ -2018	Sinh học phân tử	Bộ môn Công nghiệp Dược
13	Trần Ngọc Bảo	1988	Thạc sỹ -Ailen 2016	Dược học	Bộ môn Công nghiệp Dược/ Dược học
14	Bùi Thị Thuý Luyện	1987	Tiến sỹ -Hàn Quốc -2015	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Công nghiệp Dược/Hoá Dược

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh Năm phong Học vị, Nước cấp Năm được cấp	Chuyên ngành/ngành	Đơn vị
15	Nguyễn Văn Hải	1982	Tiến sỹ -Nga -2014	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Công nghiệp Dược/Dược học
16	Nguyễn Thị Trinh Lan	1977	Tiến sỹ -Pháp -207	Công nghệ dược phẩm/Dược học	Bộ môn Công nghiệp Dược/Dược học
17	Nguyễn Khắc Tiệp	1986	Thạc sỹ -Pháp - 2015	Dược học	Bộ môn Công nghiệp Dược/Dược học
18	Lê Thị Thu Hoà	1977	Thạc sỹ -Việt Nam -2004	Công nghệ dược phẩm- Bào chế/Dược học	Bộ môn Công nghiệp Dược/Dược học
19	Đào Nguyệt Sương Huyền	1984	Tiến sỹ -Việt Nam -2019	Công nghệ dược phẩm – Bào chế/Dược học	Bộ môn Công nghiệp Dược/Dược học
20	Nguyễn Văn Giang	1987	Tiến sỹ -Việt Nam -2019	Công nghệ dược phẩm – Bào chế/Dược học	Bộ môn Công nghiệp Dược/Dược học
21	Trần Trọng Biên	1992	Thạc sỹ -Việt Nam -2019	Công nghệ dược phẩm – Bào chế/Dược học	Bộ môn Công nghiệp Dược/Dược học
22	Nguyễn Quỳnh Chi	1978	Tiến sỹ -Pháp - 2009	Hóa lý/Dược học	Bộ môn Dược liệu/Dược học
23	Phạm Tuấn Anh	1981	Thạc sỹ -Việt Nam -2008	Dược liệu-Dược cổ truyền /Dược học	Bộ môn Dược liệu/Dược học
24	Ngô Thanh Hoa	1983	Thạc sỹ -Việt Nam -2012	Dược học	Bộ môn Dược lực/Dược học
25	Đỗ Thị Nguyệt Quế	1975	Tiến sỹ -Việt Nam -2014	Dược lý/Dược học	Bộ môn Dược lực/Dược học
26	Đỗ Mạnh Dũng	1991	Đại học -Việt Nam -2013	Giáo dục thể chất	Bộ môn Giáo dục thể chất/Giáo dục thể chất
27	Vũ Tiến Thành	1980	Đại học -Việt Nam -2002	Thể dục thể thao	Bộ môn Giáo dục thể chất/Thể dục Thể thao
28	Nguyễn Phương Nhung	1989	Thạc sỹ -Việt Nam -2014	Công nghệ sinh học-Dược học	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ/Công nghệ Sinh học- Dược học

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh Năm phong Học vị, Nước cấp Năm được cấp	Chuyên ngành/ngành	Đơn vị
29	Mai Xuân Bách	1983	Thạc sỹ -Đức - 2012	Dược học	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ/Dược học
30	Hoàng Thị Tuyết Nhưng	1975	Tiến sỹ -Việt Nam -2013	Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất/Dược học	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ/Dược học
31	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1976	Tiến sỹ -Việt Nam -2016	Công nghệ dược phẩm-Bào chế/Dược học	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ/Dược học
32	Lê Đình Quang	1977	Thạc sỹ -Việt Nam -2007	Công nghệ dược phẩm-Bào chế /Dược học	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ/Dược học
33	Trần Đình Nghĩa	1980	Thạc sỹ -Việt Nam -2009	Hóa học	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ/Hoá học
34	Nguyễn Hải Nam	1972	Giáo sư – 2015 Tiến sỹ -Hàn Quốc -2002	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Hoá Dược/Hoá Dược
35	Phan Thị Phương Dung	1970	Phó Giáo sư – 2016 Tiến sỹ -Việt Nam -2012	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Hoá Dược/Dược học
36	Đào Thị Kim Oanh	1978	Phó Giáo sư – 2018 Tiến sỹ -Việt Nam -2013	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Hoá Dược/Dược học
37	Phạm Thế Hải	1984	Tiến sỹ -Cu Ba - 2014	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Hoá Dược/Dược học
38	Trần Phương Thảo	1985	Tiến sỹ -Hàn Quốc -2015	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Hoá Dược/Dược học
39	Nguyễn Thị Thuận	1970	Tiến sỹ -Pháp - 2010	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Hoá Dược/Dược học
40	Đỗ Thị Thanh Thủy	1975	Thạc sỹ -Việt Nam -2009	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất/Dược học	Bộ môn Hoá Dược/Dược học
41	Đinh Thị Thanh Hải	1969	Phó Giáo sư – 2012 Tiến sỹ -Việt Nam -2004	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Hoá Hữu cơ/Dược học

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh Năm phong Học vị, Nước cấp Năm được cấp	Chuyên ngành/ngành	Đơn vị
42	Văn Thị Mỹ Huệ	1975	Phó Giáo sư – 2018 Tiến sỹ -Hàn Quốc -2008	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Hoá Hữu cơ/Dược học
43	Vũ Trần Anh	1975	Phó Giáo sư – 2016 Tiến sỹ -Việt Nam -2011	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Hoá Hữu cơ/Dược học
44	Ngô Xuân Hoàng	1987	Thạc sỹ -Việt Nam -2015	Công nghệ dược phẩm – Bảo chế/Dược học	Bộ môn Hoá Hữu cơ/Dược học
45	Hoàng Thu Trang	1982	Thạc sỹ -Việt Nam -2007	Hóa hữu cơ	Bộ môn Hoá Hữu cơ/Hoá học
46	Bùi Thị Thanh Hà	1986	Thạc sỹ -Việt Nam -2012	Hóa hữu cơ	Bộ môn Hoá Hữu cơ/Hoá học
47	Thái Nguyễn Hùng Thu	1956	Giáo sư – 2015 Tiến sỹ -Việt Nam -2002	Hóa dược/Dược học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Dược học
48	Bùi Đình Sơn	1982	Thạc sỹ -Australia -2012	Môi trường	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Môi trường
49	Vũ Ngân Bình	1986	Thạc sỹ -Bồ Đào Nha, Đức, Đan Mạch, Tây Ba Nha -2012	Hóa môi trường	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Nghiên cứu môi trường
50	Lê Đình Chi	1977	Tiến sỹ -Pháp - 2006	Hóa phân tích/Hóa học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Hoá phân tích
51	Trần Nguyên Hà	1975	Tiến sỹ -Việt Nam -2011	Khoa học môi trường	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Khoa học môi trường
52	Nguyễn Lâm Hồng	1974	Thạc sỹ -Việt Nam -2000	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất/Dược học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Dược học
53	Tống Thị Thanh Vượng	1980	Tiến sỹ -Việt Nam -2019	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất/Dược học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Dược học

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh Năm phong Học vị, Nước cấp Năm được cấp	Chuyên ngành/ngành	Đơn vị
54	Đặng Thị Ngọc Lan	1984	Tiến sỹ -Việt Nam -2017	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất/Dược học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Dược học
55	Phạm Lê Minh	1987	Thạc sỹ -Việt Nam -2013	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất/Dược học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Dược học
56	Ngô Minh Thúy	1987	Thạc sỹ -Việt Nam -2014	Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất/Dược học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Dược học
57	Nguyễn Mai Hương	1991	Thạc sỹ -Việt Nam -2018	Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất/Dược học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Dược học
58	Vũ Tùng Lâm	1981	Thạc sỹ -Việt Nam -2015	Hóa học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Hoá học
59	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	1986	Thạc sỹ -Việt Nam -2013	Hóa phân tích/Hóa học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Hoá học
60	Nguyễn Hoàng Lê	1988	Thạc sỹ -Việt Nam -2014	Hóa học	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất/Hoá học
61	Nguyễn Xuân Bắc	1983	Tiến sỹ -Bi -2017	Dược học	Bộ môn Hoá Sinh/Dược học
62	Đào Thị Mai Anh	1978	Tiến sỹ -Pháp - 2011	Sinh học phân tử	Bộ môn Hoá Sinh/Sinh học phân tử
63	Lê Thị Thảo	1973	Thạc sỹ -Việt Nam -2005	Kinh tế chính trị	Bộ môn Mác - Lênin/Kinh tế chính trị
64	Vũ Thị Thảo	1990	Thạc sỹ -Việt Nam -2014	Triết học	Bộ môn Mác - Lênin/Triết học
65	Nguyễn Ngân Hà	1990	Thạc sỹ -Việt Nam -2017	Triết học	Bộ môn Mác - Lênin/Triết học
66	Nguyễn Thị Thanh Vân	1976	Thạc sỹ -Việt Nam -2009	Tiếng Anh	Bộ môn Ngoại ngữ/Tiếng Anh
67	Trịnh Thị Thanh Xuân	1983	Thạc sỹ -Việt Nam -2014	Tiếng Anh	Bộ môn Ngoại ngữ/Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh Năm phong Học vị, Nước cấp Năm được cấp	Chuyên ngành/ngành	Đơn vị
68	Nguyễn Thị Phương Thuý	1984	Thạc sỹ -Việt Nam -2012	Tổ chức quản lý dược/Dược học	Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược/Dược học
69	Lê Thu Thủy	1986	Thạc sỹ -Việt Nam -2012	Tổ chức quản lý dược/Dược học	Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược/Dược học
70	Đỗ Thành Long	1976	Thạc sỹ -Việt Nam -2017	Công nghệ thông tin	Bộ môn Toán- tin/Công nghệ thông tin
71	Quách Thị Sen	1982	Thạc sỹ -Việt Nam -2011	Toán học	Bộ môn Toán- tin/Toán học
72	Võ Quốc Ánh	1976	Tiến sỹ -Mỹ -2019	Bào chế/Dược học	Bộ môn Vật lý - Hoá lý/Dược học
73	Lê Thị Thu Trang	1982	Thạc sỹ -Việt Nam -2010	Dược học	Bộ môn Vật lý - Hoá lý/Dược học
74	Trần Trịnh Công	1961	Tiến sỹ -Việt Nam -2015	Công nghệ dược phẩm- Bào ché/Dược học	Bộ môn Vi sinh và Sinh học/Dược học
75	Tạ Thu Lan	1987	Thạc sỹ -Việt Nam -2014	Dược học	Bộ môn Vi sinh và Sinh học/Dược học
76	Trần Thị Lan Hương	1976	Thạc sỹ -Việt Nam -2006	Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất/Dược học	Phòng Đào tạo/Dược học
77	Kiều Thị Hồng	1972	Thạc sỹ -Việt Nam -1999	Công nghệ dược phẩm- Bào ché/Dược học	Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng/Dược học
78	Nguyễn Thị Kiều Anh	1967	Phó Giáo sư – 2011 Tiến sỹ -Việt Nam -2006	Hóa dược/Dược học	Viện Công nghệ Dược phẩm Quốc gia/Dược học

Bảng 2.3. Danh sách kỹ thuật viên dự kiến tham gia hỗ trợ giảng dạy phần thực hành các học phần/môn học dự kiến trong Chương trình cử nhân hóa dược

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn khi tuyển dụng	Trình độ chuyên môn năm tốt nghiệp hiện nay	Đơn vị
1	Nguyễn Tiến Đạt	1989	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Cao đẳng -Dược học -2014	Bộ môn Bào chế

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn khi tuyển dụng	Trình độ chuyên môn năm tốt nghiệp hiện nay	Đơn vị
2	Bùi Văn Thuận	1983	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2018	Bộ môn Bào chế
3	Nguyễn Thị Yên	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2015	Bộ môn Bào chế
4	Nguyễn Thị Kim Chi	1988	Dược sĩ trung học	Cao đẳng -Dược học -2014	Bộ môn Công nghiệp Dược
5	Phạm Thị Thanh Huyền	1985	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Hoá học -2012	Bộ môn Công nghiệp Dược
6	Bùi Thị Thắng	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2016	Bộ môn Công nghiệp Dược
7	Từ Thị Thu Trang	1988	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Cao đẳng -Dược học -2014	Bộ môn Công nghiệp Dược
8	Trí Quỳnh Anh	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Hoá học -2011	Bộ môn Dược học cổ truyền
9	Bùi Thị Thuý	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Trung cấp -Dược học -2004	Bộ môn Dược học cổ truyền
10	Doãn Thị Thu Thuý	1981	Dược sĩ trung học	Đại học -Dược học -2012	Bộ môn Dược liệu
11	Nguyễn Đức Hạnh	1985	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2019	Bộ môn Dược liệu
12	Nguyễn Văn Hoà	1982	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2018	Bộ môn Dược liệu
13	Lê Trọng Hoàng	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2016	Bộ môn Dược liệu
14	Đình Đại Độ	1977	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2015	Bộ môn Dược lực
15	Đình Thị Kiều Giang	1985	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2016	Bộ môn Dược lực
16	Nguyễn Thị Thuý	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Trung cấp -Dược học -2004	Bộ môn Dược lực
17	Vũ Thị Huệ	1983	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Trung cấp -Dược học -2004	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ
18	Nguyễn Đức Lượng	1981	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2016	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ
19	Nguyễn Nhật Tân	1980	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Hoá học -2013	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ
20	Đỗ Thị Mai Hương	1982	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2019	Bộ môn Hoá Dược
21	Nguyễn Thị Ngọc Hòì	1983	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2016	Bộ môn Hoá Dược

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn khi tuyển dụng	Trình độ chuyên môn năm tốt nghiệp hiện nay	Đơn vị
22	Phạm Thị Hoa	1972	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2010	Bộ môn Hoá Dược
23	Trần Quốc Trung	1983	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Hoá học -2010	Bộ môn Hoá Dược
24	Dương Văn Diễn	1976	Cao đẳng hóa học	Đại học -Hoá CN -2011	Bộ môn Hoá Hữu cơ
25	Nguyễn Thị Thanh Hương	1985	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2018	Bộ môn Hoá Hữu cơ
26	Nguyễn Thị Thanh	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2018	Bộ môn Hoá Hữu cơ
27	Phạm Đình Triều	1990	Dược sĩ trung học	Trung cấp -Dược học -2011	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất
28	Trịnh Minh Cường	1982	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Hoá học -2011	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất
29	Vũ Thị Minh Huệ	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2017	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất
30	Nguyễn Thị Nhung	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Trung cấp -Dược học -2005	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất
31	Nguyễn Quang Thắng	1983	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Trung cấp -Dược học -2004	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất
32	Ngô Thị Phương Thuý	1983	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2015	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất
33	Phạm Thị Kim Thoa	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Hoá học -2011	Bộ môn Hoá Sinh
34	Phạm Thị Bích Du	1973	Trung cấp kỹ sinh trùng	Đại học -Kinh tế -2006	Bộ môn Hoá Sinh
35	Vũ Thị ánh	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Tài chính tổng hợp -2012	Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược
36	Phạm Mỹ Hạnh	1983	Dược sĩ trung học	Trung cấp -Dược học -2004	Bộ môn Thực vật
37	Đỗ Thu Hiền	1989	Dược sĩ trung học	Trung cấp -Dược học -2011	Bộ môn Thực vật
38	Chu Thị Thoa	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2014	Bộ môn Thực vật
39	Vũ Thị Châm	1981	Dược sĩ trung học	Đại học -Dược học -2012	Bộ môn Vật lý - Hoá lý
40	Đặng Thuý Hồng	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2019	Bộ môn Vật lý - Hoá lý
41	Vương Đức Tâm	1984	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Trung cấp -Dược học -2004	Bộ môn Vật lý - Hoá lý

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn khi tuyển dụng	Trình độ chuyên môn năm tốt nghiệp hiện nay	Đơn vị
42	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1985	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Trung cấp -Dược học -2005	Bộ môn Vật lý - Hoá lý
43	Nguyễn Thị Liên	1983	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2015	Bộ môn Vi sinh và Sinh học
44	Bùi Thị Bích Thủy	1973	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2011	Bộ môn Vi sinh và Sinh học
45	Nguyễn Thị Toán	1985	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Đại học -Dược học -2019	Bộ môn Vi sinh và Sinh học
46	Đào Thanh Tùng	1991	Cao đẳng điều dưỡng	Cao đẳng -Điều dưỡng -2012	Bộ môn Y học cơ sở
47	Cao Thị Cẩm Vân	1985	Dược sĩ trung học	Đại học -Dược học -2016	Bộ môn Y học cơ sở
48	Cao Thị Quyên	1988	Kỹ thuật viên trung cấp dược	Cao đẳng -Dược học -2014	Bộ môn Y học cơ sở

2.1.2. Giảng đường và phòng thí nghiệm thực hành

Trường hiện có:

- 25 phòng học với tổng diện tích là 3.099 m² (01 giảng đường lớn trên 200 chỗ ngồi, 09 giảng đường từ 100 - 140 chỗ ngồi, 12 giảng đường từ 70 - 90 chỗ ngồi, 01 phòng học ngoại ngữ (có 44 chỗ), 01 phòng tin học (có 45 chỗ).

05 phòng hội thảo (diện tích 902 m²): P. Hội thảo I, Phòng Hội đồng, P. Giáo sư, Văn phòng Đảng ủy và GD12.

- 01 Hội trường (diện tích: 470 m²) (đồng thời là giảng đường lớn)
- 02 phòng học đa phương tiện (diện tích 209 m²)
- 01 thư viện (663 m²)
- 01 sân tập (diện tích: 726 m²)
- 01 vườn thực vật (diện tích 882m²)
- 43 phòng thí nghiệm thực hành (diện tích 2734 m²)
- 31 phòng nghiên cứu (diện tích 1.476 m²)
- 01 xưởng thực tập (diện tích 13m²)

Các giảng đường, phòng thí nghiệm có đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã đầu tư khá lớn để cải thiện các giảng đường và phòng thí nghiệm. Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học,

Trường bố trí sử dụng các, phòng thí nghiệm, phòng thực hành với tuần suất có thể đảm nhiệm 4 ca/ngày.

Bảng 2.4. Danh sách các phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	
1	Hội trường lớn, Giảng đường lớn >200 chỗ	01	470	Máy chiếu, loa, điều hòa	01 bộ	Các HP lý thuyết	
2	Phòng hội thảo	05	902 (tổng diện tích)	Máy chiếu, loa, điều hòa	01 bộ/phòng	Các HP lý thuyết	
3	Giảng đường 100-140 chỗ	09	220 (mỗi GD)	Máy chiếu, quạt	01 bộ	Các HP lý thuyết	
4	Giảng đường 70-90 chỗ	12	150 (mỗi GD)	Máy chiếu, quạt	01 bộ	Các HP lý thuyết	
5	Phòng học ngoại ngữ	01	105	Máy chiếu, máy tính, điều hòa	01 máy chiếu, 44 máy tính	Ngoại ngữ	
6	Phòng học tin học	01	104	Máy chiếu, máy tính, điều hòa	01 máy chiếu, 45 máy tính	Tin học	

Bảng 2.5. Danh sách các phòng thí nghiệm thực hành chính

Số TT	Tên phòng thực tập	Diện tích (m ²)	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần	Ghi chú
1	Bộ môn Hóa sinh: Phòng thực tập 1, 2	111	2	Hóa sinh	
2	Bộ môn Công nghiệp dược: Phòng thực tập Vi sinh kháng sinh	83	1	Công nghệ vi sinh trong SX dược phẩm	

Số TT	Tên phòng thực tập	Diện tích (m ²)	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần	Ghi chú
3	Bộ môn Công nghiệp dược: Phòng thực tập công nghệ sinh học 1, 2	70	2	Công nghệ vi sinh trong SX dược phẩm	
4	Bộ môn Công nghiệp dược: Phòng thực tập bào chế công nghiệp 1, 2	225	2	Bào chế công nghiệp, Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	
5	Bộ môn Công nghiệp dược: Phòng thực tập chiết xuất dược liệu 1, 2	84	2	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	
6	Bộ môn Công nghiệp dược: Phòng thực tập tổng hợp hóa dược 1, 2	126	2	Kỹ thuật tổng hợp hóa dược	
7	Bộ môn Vật lý Hoa lý: Phòng thực tập số 1, 2	139	2	Vật lý I, II	
8	Bộ môn Dược liệu: Phòng thực tập số 1, 2	119	2	Dược liệu I, II	
9	Bộ môn Thực vật: Phòng thực tập số 1, 2	146	2	Thực vật	
10	Bộ môn Bào chế: Phòng thực tập số 1	110	1	Bào chế đại cương, Bào chế I, II	
11	Bộ môn Bào chế: Phòng thực tập số 2	87	1	Bào chế đại cương, Bào chế I, II	
12	Bộ môn Dược lực: Phòng thực tập số 1, 2	137	2	Dược lý đại cương, Dược lý I, II	
13	Bộ môn Vi sinh và Sinh học: Phòng thực tập	100	1	Vi sinh sinh học	
14	Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược: Phòng thực tập số 1, 2, 3	125	3	Quản trị học đại cương	
15	Bộ môn Dược lâm sàng: Phòng thực hành DLS	43	1	Dược động học	
16	Bộ môn Dược lâm sàng: Phòng thực hành kỹ năng giao tiếp	43	1	Dược động học	

Số TT	Tên phòng thực tập	Diện tích (m ²)	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần	Ghi chú
17	Bộ môn Y học cơ sở : Phòng thực tập số 1, 2	163	2	Vi sinh, Sinh học	
18	Bộ môn Hóa phân tích: Phòng thực tập số 1, 2	191	2	Hóa phân tích I , Hóa phân tích II, Kiểm nghiệm dược phẩm	
19	Bộ môn Hóa hữu cơ: Phòng thực tập	146	1	Hóa hữu cơ I, Hóa hữu cơ II, Hóa học các hợp chất cao phân tử, Phương pháp xác định cấu trúc các hợp chất hữu cơ	
20	Bộ môn Hóa Dược: Phòng thực tập	144	1	Hóa dược I, II, Nghiên cứu phát triển thuốc I, II	
21	Bộ môn Hóa vô cơ: Phòng thực tập	146	1	Hóa đại cương vô cơ	
22	Bộ môn Dược học cổ truyền: Phòng thực tập	113	1	Dược liệu, Dược học cổ truyền	
23	Bộ môn Dược lực: Nhà chăn nuôi động vật thí nghiệm	60	1	Dược lý	
24	Bộ môn Thực vật: Phòng tiêu bản	60	1	Thực vật	
25	Bộ môn Thực vật: Phòng nuôi cấy mô	25	1	Thực vật	
26	Bộ môn Thực vật: Phòng TN phân loại thực vật công nghệ cao	50	1	Thực vật	

Bảng 2.6. Các cơ sở vật chất khác: sân tập, vườn thực vật, xưởng thực hành

TT	Tên	Số lượng	Diện tích (m ²)	Mục đích
1	Sân tập	1	726	Học phần giáo dục thể chất
2	Vườn thực vật	1	882	Thực hành học phần Dược liệu, Thực vật
23	Xưởng thực tập	1	13	Thực hành một số học phần công nghệ dược phẩm (KT chiết xuất, tổng hợp hóa dược, bào chế công nghiệp)

Nhà trường hiện có 2.040 tài sản với tổng giá trị khoảng 1.245 tỷ đồng phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học (trong đó, có nhiều thiết bị phục vụ thí nghiệm và nghiên cứu khoa học chuyên ngành như: hệ thống phân tích khối phổ LCM/ESI/APCI, hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao HPTLC, hệ thống sắc ký khối phổ GC-MS, hệ thống chiết xuất siêu tới hạn và tạo hạt, máy phân tích nhiệt vi sai, máy bào chế mini....). Cơ sở vật chất và nguồn lực hiện tại của Trường đã đáp ứng tốt cho đào tạo hiện nay và hoàn toàn có thể mở rộng quy mô. Danh sách các trang thiết bị chính phục vụ cho thực hành, thí nghiệm được trình bày trong bảng 2.7 dưới đây.

Để nhanh chóng đạt mục tiêu “ngang tầm khu vực vào năm 2020 và ngang tầm thế giới vào năm 2030”, Nhà trường đang đẩy mạnh tiến độ dự án “Xây dựng Trường Đại học Dược Hà Nội thành trường chuyên ngành trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực vào năm 2020” với diện tích 21 ha bằng nguồn vốn vay ưu đãi của Chính phủ Hàn Quốc 45 triệu USD và vốn đối ứng 12 triệu USD.

Bảng 2.7. Danh mục các trang thiết bị chính phục vụ thực hành, thí nghiệm

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
1	Bàn chống rung cho cân phân tích điện tử 0,00001	Cái	1	Việt Nam		2013
2	Bàn lắc 2 tầng cho máy lắc	Cái	1	Nhật	BR 300 LF-TAITEC	2005
3	Bể điều nhiệt	Cái	1	Hàn Quốc	WCR-P22 DAIHAN, Hàn Quốc	2008
4	Bể điều nhiệt	Cái	1	Hàn Quốc		2009
5	Bể điều nhiệt dung tích 20 lít	Cái	2	Đức	WNB-22, Memmert Đức	2008
7	Bể điều nhiệt tuần hoàn	Cái	2	Bồ Đào Nha	Uni 200 Raypa TBN	2005
8	Bể điều nhiệt tuần hoàn lạnh	Cái	1	Hàn Quốc		2008
10	Bể lắc có điều nhiệt	Cái	1	Hàn Quốc	Daihan Scientific, WSB-30	2013
11	Bể lắc siêu âm	Cái	1	TBN		2007
12	Bể ổn nhiệt	Cái	1	Đức		2010
14	Bể ổn nhiệt	Cái	3	Trung Quốc	Biobase, SY-1L4H	2013

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
12	Bể rửa siêu âm	Cái	1	Mỹ	Bransonic 3510E - MTH	2004
14	Bể rửa siêu âm	Cái	1	Đức	RK 106 Bandelin	2002
15	Bể rửa siêu âm khoảng 6 lít	Cái	2	Hàn Quốc	Daihan WUC-A06H	2014
16	Bể siêu âm	Cái	5	Hàn Quốc		2010
17	Bể siêu âm	Cái	3	Hàn Quốc	Daihan Scientific (WUC-A10H)	2016
18	Bể siêu âm 10 lít	Cái	1	Hàn Quốc	Daihan Scientific WUC-A10H	2015
19	Bể siêu âm để rửa dụng cụ	Cái	1	Đức	LC60/H Elma	2002
20	Bể siêu âm để rửa dụng cụ	Cái	1	Đức	LC 60/H Elma	2003
21	Bếp bảo ôn đun bình cầu 1 lít	chiếc	2	Hàn Quốc	WHM12014, Daihan Scientific	2018
22	Bếp bảo ôn đun bình cầu 2 lít	chiếc	2	Hàn Quốc	WHM12015, Daihan Scientific	2018
23	Bếp bảo ôn bình cầu 1000ml	Cái	7	Hàn Quốc	DAIHAN WHM 12014	2012
24	Bếp bọc	Cái	1	Hàn Quốc	DAIHAN, WHM	2011
25	Bếp cách thủy	Cái	1	Đức	1041 GFL	2005
26	Bếp đun bình cầu 5 lít	Cái	3	Hàn Quốc	Daihan Scientific WHM1207	2015
27	Bếp ủ ổn nhiệt	Cái	1	Hàn Quốc	WEB-8	2010
28	Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8	Cái	2	Hàn Quốc	WEB-8	2010
29	Bình cất quay 1 lít bằng thủy tinh	Cái	1	EU		2012
30	Bộ bảo quản mẫu bằng N2 lỏng	Bộ	1	Trung Quốc	Haier YDS-20	2016
31	Bộ buồng soi sắc ký bản mỏng	chiếc	1	Thụy Sĩ	UV Cabinet 4, Camag	2018
32	Bộ cất dung môi Lenz	Bộ	2	Đức	5360070, Lenz	2015

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
33	Bộ cất quay chân không	Bộ	2	Thụy sĩ	R200 Buchi	2003
34	Bộ chạy sắc ký lớp mỏng và phụ kiện	Bộ	1	Thụy sĩ	CAMAG	2010
35	Bộ chia chất lỏng vào bình đồng khô	Bộ	1	mỹ		2008
36	Bộ chiết dược liệu nóng bình	Bộ	1	Việt Nam		2014
37	Bộ chiết pha rắn	Bộ	1	Đức	SPE-24	2017
38	Bộ chiết xuất hồi lưu	Bộ	2	Đức	Lenz - Code 5360070	2015
39	Bộ chuyển đổi co thắt phế quản	Bộ	1	Bồ đào nha		2003
40	Bộ đèn soi UV soi sắc ký	Bộ	1	Pháp	CN6 Vilber Lourmart	2002
41	Bộ đèn UV soi sắc ký	Bộ	1	Pháp	CN6 Vilber Lourmat	2003
42	Bộ đèn UV soi sắc ký	Bộ	2	Pháp	CN6 Vilber Lourmart	2002
43	Bộ đèn UV soi sắc ký 1 Leybold	Bộ	1	Đức		1999
44	Bộ đĩa tạo hạt	Bộ	1	Anh		2003
45	Bộ điều khiển CK cho máy cất quay	Bộ	2	Thụy sĩ	CK V800 Buchi	2005
46	Bộ điều nhiệt cách thủy	Bộ	1	Mỹ	Shelab 1254-PC	2000
47	Bộ định lượng tinh dầu theo DĐVN	Bộ	1	Đức	ISOLAB	2011
48	Bộ định lượng tinh dầu theo dược điển Mỹ	Bộ	6	Đức/HQ	Lenz&Daihan	2014
49	Bộ định lượng tinh dầu trong dược liệu Lenz	Bộ	2	Đức/TQ	Lenz	2015
50	Bộ đo giảm đầu trên bàn chân chuột	Bộ	1	Ý		2009
51	Bộ đóng viên nắp nhôm	Bộ	1	Mỹ		2008
52	Bộ dụng cụ dùng để xác định tỷ trọng	Bộ	2	Đức	Precisa	2005

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
53	Bộ giá trữ lạnh ống	Bộ	1	Đức	EPPENDORF	2012
54	Bộ giò quay (08 bộ)	Bộ	1	Mỹ-úc	Valkel	2003
55	Bộ hydrat hóa	Bộ	1	Nhật	HVG- 1 Shimadzu	2003
56	Bộ khuếch đại tín hiệu kiểu lực cơ cơ (520-526NSADBTW)	Bộ	1	ý		2015
57	Bộ kiểm soát độ ẩm	Bộ	1	Thụy Sĩ	CAMAG	2017
58	Bộ kính hiển vi soi nổi, camera truyền hình LCD,	Bộ	1	Nhật Bản	Olympus SZ6	2011
59	Bộ lọc chân không bằng	Bộ	1	Đức	Inox Satorius	2006
60	Bộ lọc chuyên dụng dùng cho máy đông khô	Bộ	1	Mỹ		2008
61	Bộ lọc mẫu phân tích Isolab (490-502ABDNS)	Bộ	1	Đức	Isolab	2013
62	Bộ lọc nén	bộ	1	Đức	16249, Satorius	2018
63	Bộ lọc nước siêu sạch	Bộ	1	Mỹ	Easypure RF Barsted	2003
64	Bộ nồi trộn thuốc mỡ	Bộ	1	Đức		2007
65	Bộ phân tích bằng sắc ký lớp mỏng	Bộ	1	Đức	Leybold	1999
66	Bộ phản ứng có áo nhiệt	Bộ	1	Mỹ	EW-1604-073	2016
67	Bộ phun thuốc thử dẫn xuất hóa chạy điện	Bộ	1	Thụy Sĩ	TLC/HPTLC Sprayer	2016
68	Bộ pipet 1 kênh	Bộ	1	Đức	Research vµ Research plus - eppendorf	2010
69	Bộ pipet tự động 8 kênh 50-300 ML	Bộ	1	Nhật Bản		2014
70	Bộ rây phân tích	Bộ	1	Trung Quốc		2011
71	Bộ sắc ký lớp mỏng định lượng	Bộ	1	Thụy sĩ	Camag	2002
72	Bộ sàng dây phân tích kích thước hạt	Bộ	1	Trung Quốc		2012
73	Bộ tạo viên hạt cải	Bộ	1	Nhật Bản	Pelletier	2007

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
74	Bộ thí nghiệm mạch cầu	Bộ	3	Mỹ, Đức		2013
75	Bộ thùng pha chế -02 bộ (08cái)	Bộ	1	Việt Nam		2004
76	Bộ truyền động bánh răng trung gian	Bộ	1	Đức		2007
77	Bộ vi chiết pha rắn	Bộ	1	Đức	Witeg SPE-12	2016
78	Bộ xử lý mẫu cho hồng ngoại	Bộ	1	Đức	Merck Lichvolut	1998
79	Bơm chân không	Cái	1	Thụy sĩ	Butchi	2000
80	Bơm chân không (dầu)	Cái	1	Đức	Leybold CE S1,5	1998
81	Bơm chân không dầu	Cái	1	Mỹ	Leybold CE S1,5	1998
82	Bơm chân không dầu	Cái	3	Hàn Quốc	Daihan Scientific (VOP-100)	2016
83	Bơm chân không dầu VRL	Cái	2	Mỹ		2006
84	Bơm chân không màng	Cái	1	Đức	Abem ME2 EKF56CX-4	2000
85	Bơm chân không màng	Cái	1	Đức	AN18-KNF	2002
86	Bơm chân không màng	Cái	1	Thụy Sĩ	Buchi V-710	2016
87	Bơm chân không màng	Cái	1	Đức	Leybold DIVAC 1,21	1998
88	Bơm chân không màng dùng cho bộ lọc dung môi	Cái	3	Đài Loan	HPLC Rocker -US	2011
89	Bơm chân không màng KNF	Cái	2	Đức	KNF	2005
90	Bơm chân không tuần hoàn nước	Cái	9	Trung Quốc	HERLAB	2009
91	Bơm chân không tuần hoàn nước HERLAB	Cái	2	Trung Quốc	HERLAB	2012
92	Bơm chân không tuần hoàn nước Herlab SHB - III	Cái	7	Trung Quốc	Herlab SHB -III	2013

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
93	Bơm hút chân không	Cái	1	Đức	N840FT	2009
94	Bơm hút chân không Leybord DIVAC 0,6L	Cái	1	Đức	Leybord DIVAC	2001
95	Bơm hút chân không 22AN- 18 KNF Đức	Cái	1	Đức	22AN- 18KNF	2003
96	Bơm hút chân không AO 7165	Cái	1	Mỹ	AO 7165	2004
97	Bơm hút chân không AO 7165 Cope Mỹ	Cái	1	Mỹ	AO 7165	2004
98	Bơm hút chân không dầu	Cái	4	mỹ	200-7VRL	2008
99	Bơm hút chân không DX2 8902- Merck	Cái	2	Đức	DX2 8902merk	2002
100	Bơm hút chân không màng	Cái	1	Đức	N840FT	2009
101	Bơm hút chân không tuần hoàn nước Herlab SHB-III A	Cái	1	Trung Quốc	Herlab SHB-III A	2014
102	Bơm hút và đẩy DOA 604P	Cái	3	Mỹ	DOA 604P	2010
103	Bơm mẫu tự động cho AAS ASC -6100 Nhật	Cái	1	Nhật	ASC -6100	2003
104	Bơm nhu động cho máy sấy tầng sôi	Cái	1	Đức		2009
105	Bơm nhu động Longer BT100-2J	Cái	1	Trung Quốc	Longer BT100-2J	2016
106	Bơm nhu động PA-SF IKA Đức	Cái	1	Đức	PA-SF IKA	2001
107	Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng	Cái	6	mỹ	Iso 010	2009
108	Bơm tiêm điện tự động Terumo TE-SS700 (520-526NSADBTW)	Cái	2	Nhật Bản	TE-SS700	2016
109	Bơm tiêm thấm tích CMA 402 (520-526 ADBNS)	Cái	1	Th.iền/Mỹ	CMA 402	2015

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
110	Buồng cấy vi sinh class II	Cái	1	Ý	Topsafe1.5	2007
111	Buồng nuôi cấy vi sinh 1200lít Aura VF48	Cái	1	Anh	Aura VF48	2002
112	Buồng nuôi cấy vi sinh Hepa MCV 711 ATS	Cái	1	Nhật Bản	Hepa MCV 711 ATS	1999
113	Buồng nuôi cấy vi sinh Hepa Sanyo 711 ATS	Cái	1	Nhật	Hepa Sanyo 711 ATS	1999
114	Buồng nuôi cơ quan cô lập Ugo Basile 4000	Cái	1	Italia	Basile 4000	1997
115	Buồng pha chế vô khuẩn Class 2 (490-502ADBNS)	Cái	1	Italia	Class 2 (490	2013
116	Buồng pha chế vô khuẩn LHC -4AX ESCO	Cái	1	Singapore	LHC -4AX ESCO	2004
117	Buồng triển khai sắc ký tự động CAMAG-ADC 2	Cái	2	Thụy Sĩ	CAMAG-ADC 2	2012
118	Các phụ kiện cho máy dập viên xoay tròn	Cái	1	Trung Quốc		2007
119	Các phụ kiện cho máy đóng nang cứng mini để bàn	Cái	1	trung Quốc		2007
120	Cân kỹ thuật 10-2	chiếc	5	Hàn Quốc	EK410i, A&D	2018
121	Cân kỹ thuật AND, EK-400i	Cái	7	Hàn Quốc	EK-400i	2017
122	Cân kỹ thuật điện tử	Cái	5	Đức	TE3102S	2007
123	Cân kỹ thuật điện tử 0,01 Sartorius, TE412	Cái	9	Đức	SartoriusTE412	2013
124	Cân kỹ thuật điện tử Satorious 0,01	Cái	5	Đức	Satorious	2013
125	Cân ký thuật điện tử Satorius TE412	Cái	4	Đức	Satorius TE412	2012
126	Cân kỹ thuật điện tử Satorius TE412	Cái	1	Đức	Satorius TE413	2014

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
127	Cân kỹ thuật điện tử TE 3102S	Cái	1	Đức	TE 3102S	2007
128	Cân kỹ thuật hiện số BL 3200H Shimadzu Nhật	Cái	1	Nhật	BL 3200H Shimadzu	2005
129	Cân kỹ thuật hiện số SK - 60 DIGI - DT 691	Cái	1	Nhật	DIGI - DT 691	2003
130	Cân kỹ thuật Ohaus PA4102	Cái	1	Trung Quốc	Ohaus PA4102	2014
131	Cân kỹ thuật XB 320C Precisa	Cái	3	Thụy sĩ	XB 320C Precisa	2003
132	Cân phân tích 10-4	chiếc	2	Nhật bản	GR 200, A&D	2018
133	Cân phân tích AND (GR-200)	Cái	1	Nhật Bản	GR-200	2016
134	Cân phân tích AND, GR-200	Cái	3	Nhật Bản	GR-200	2017
135	Cân phân tích BP221S Satorius	Cái	1	Đức	BP221S Satorius	2002
136	Cân phân tích cơ TG 328A	Cái	1	Trung Quốc	TG 328A	2011
137	Cân phân tích điện tử	Cái	2	Đức	TE214S	2007
138	Cân phân tích điện tử 0,00001 Sartorius, CPA225D	Cái	1	Đức	Sartorius, CPA225D	2013
139	Cân phân tích điện tử 0,0001 Sartorius TE214S	Cái	5	Đức	Sartorius TE214S	2013
140	Cân phân tích điện tử Ohaus PA214	Cái	1	Trung Quốc	Ohaus PA214	2014
141	Cân phân tích điện tử Precisa ES 225SM-DR(520-526NSADBTW)	Cái	1	Thụy Sĩ	Precisa ES 225SM-DR	2016
142	Cân phân tích điện tử Sartorius TE214S	Cái	4	Đức	Sartorius TE214S	2012

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
143	Cân phân tích hiện số AY 220 Shimadzu	Cái	1	Nhật	AY 220 Shimadzu	2005
144	Cân phân tích hiện số BP 121S Satorius	Cái	1	Đức	BP 121S Satorius	1999
145	Cân phân tích hiện số Metler AB-204	Cái	1	Thụy sĩ	Metler AB-204	1998
146	Cân phân tích hiện số Mettler AB-204	Cái	1	Thụy sĩ	Metler AB-204	1993
147	Cân phân tích hiện số Satorius	Cái	2	Đức	Satorius	1999
148	Cân phân tích hiện số TE 214S	Cái	2	Đức	TE 214S	2008
149	Cân phân tích Sartorius CP 224S	Cái	2	Đức	CP 224S	2006
150	Cân phân tích Satorius BP 121P	Cái	1	Đức	BP 121P	2000
151	Cân phân tích Satorius	Cái	4	Đức	Satorius	2010
152	Cân phân tích XB 220A Precisa	Cái	2	Thụy sĩ	XB 220A Precisa	2003
153	Cân phân tích XB 220A Precisa- Thụy sĩ	Cái	1	Thụy sĩ	XB 220A Precisa- Thụy sĩ	2003
154	Cân phân tích hiện số AY 220 Shimadzu	Cái	1	Nhật	AY 220 Shimadzu	2005
155	Cân phù nhiệt MORH	Cái	3	Đức	MORH 45016	2008
156	Cân PT XB- 220A Presica	Cái	1	Thụy sĩ	XB- 220A Presica	2002
157	Cân xác định độ ẩm	Cái	2	nhật	MF-50	2009
158	Cân xác định độ ẩm XM60 Precsica	Cái	1	Thụy sĩ	XM60 Precsica	2004
159	Cân xác định hàm ẩm MB25 Ohaus	Cái	2	Trung Quốc	MB25 Ohaus	2014
160	Cân xác định hàm ẩm nhanh Ohaus MB25	Cái	3	Trung Quốc	Ohaus MB25	2013
161	Cân xác định hàm ẩm Ohaus MB-25	Cái	1	Trung Quốc	Ohaus MB-25	2014

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
162	Cân xác định hàm ẩm Satorius AM-30	Cái	1	Đức	Satorius AM-30	1998
163	Cầu Wheatstone	Cái	2	Đức		1998
164	Cell đo kiểu đứng 7ml	Cái	2	Mỹ		2012
165	Chậu siêu âm Elmahans LC60/H	Cái	1	Đức	Elmahans LC60/H	2000
166	Chiết suất siêu âm WUC-D22H	Cái	1	Hàn Quốc	WUC-D22H	2010
167	Chuồng Mê lộ	Cái	1	Tây Ban Nha		2011
168	Đèn Cathode rỗng + dd chuẩn 4 loại	Cái	1	Nhật	Cathode	2003
169	Đèn chiếu UV 254nm Vilber Lourmat VL-6MC	Cái	1	Pháp	Vilber Lourmat VL-6MC	2015
170	Đèn UV soi sắc ký Prolabo 3 bước sóng	Cái	1	Pháp	Prolabo	1997
171	Đèn UV soi sắc ký VL-6.LC	Cái	1	Pháp	VL-6.LC	2017
172	Điện di trên gel mini- Protean 3	Cái	1	Mỹ	Protean	2004
173	Hệ thống bình phản ứng chịu áp lực	HT	1	Ấn độ	Compact Autoclave, AMAREQUIP- Ên sê,	2008
174	Hệ thống bình phản ứng thủy tinh Lenz	HT	1	Đức	Lenz	2011
175	Hệ thống bình thủy tinh	HT	1	Đức	Lenz	2008
176	Hệ thống bơm chân không	HT	1	Đức	N035.1.2AN18	2007
177	Hệ thống bơm chân không dầu van quay hai cấp VRC - 400-14	HT	1	Hàn Quốc	VRC - 400-14	2015
178	Hệ thống bơm chân không Rocker	HT	1	Đài Loan	Rocker	2011

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
179	Hệ thống cất quay chân không 20lít	HT	1	Thụy sỹ	R220	2008
180	Hệ thống chiết siêu tới hạn và tạo hạt Separex 490-502ADBNS	HT	1	Pháp	Separex	2013
181	Hệ thống chụp ảnh và phân tích dữ liệu CAMAG TLC Visualizer	HT	2	Thụy Sỹ	CAMAG TLC Visualizer	2012
182	Hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen và phụ kiện UVP	HT	1	Mỹ	UVP	2010
183	Hệ thống chụp và phân tích Gel InfinityVX2 (520-526NSADBTW)	HT	1	Pháp	InfinityVX2	2015
184	Hệ thống đa chức năng dùng cho phòng thí nghiệm	HT	1	Ấn Độ	HD410AC	2007
185	Hệ thống đa phương tiện mô phỏng giảng dạySL (520-526NSADBTW)	HT	1	Úc	ADIstruments	2015
186	Hệ thống điện di đẳng điệnBio-Rad/Mini Protean 520-526NSADBTW	HT	1	TQ-Singapo	Bio-Rad/Mini Protean	2015
187	Hệ thống điện di mao quản 3D CE Agilent technologies	HT	1	Đức	CE Agilent technologies	2002
188	Hệ thống điện phân	HT	1	Việt Nam	technologies	2011
189	Hệ thống đo độ hoà tan viên thuốc tự động VK 7010 kèm QP UV-	HT	1	Mỹ-úc	VK 7010	2002
190	Hệ thống Elisa	HT	1	Mỹ	Elisa	2010

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
191	Hệ thống Elisa (Bio-Rad Laboratories) (520-526NSADBTW)	HT	2	Nhật-Pháp	Bio-Rad Laboratories	2015
192	Hệ thống hút mẫu tự động (520-526NSADBTW)	HT	1	Đức	Pharmatest	2015
193	Hệ thống lọc khí phòng máy (520-526NSADBTW)	HT	1	TQ	QRJ128	2015
194	Hệ thống lọc 142 mm Đức	HT	1	Đức		2004
195	Hệ thống lưu điện, phát điện F33S, hãng Powered by Fawde/RCG	HT	1	Trung Quốc	F33S Powered by Fawde/RCG	2014
196	Hệ thống máy chụp ảnh và phân tích dữ liệu	HT	1	Thụy Sĩ	TLC Visualizer; Camag Thụy sĩ	2016
197	Hệ thống máy khuấy đồng nhất tốc độ cao	HT	1	Canada	X1000D& EF - C5, Cat & Avesin	2010
198	Hệ thống máy Real-time PCR	HT	1	Đức	PCR	2010
199	Hệ thống máy sắc ký khí khối phổ GCMS, 7890A (490-502ADBNS)	HT	1	Mỹ	GCMS, 7890A	2013
200	Hệ thống nước trao đổi ion và thẩm thấu ngược	HT	1	Việt nam	Pharmastill	2007
201	Hệ thống PCR Eppendorf	HT	1	Đức	Eppendorf	2010
202	Hệ thống phân tích khối phổ LCMSMS/ESI/APCI (520-526NSADBTW)	HT	2	Đức/Mỹ	LCMSMS/ESI/APCI Agilent1260	2015
203	Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử AA-6800	HT	1	Nhật	AA-6800	2002

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
204	Hệ thống sắc ký bản mỏng Camag	HT	1	Thụy sĩ	Camag	2004
205	Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao Camag+ phụ kiện	HT	1	Thụy Sĩ	Camag	2011
206	Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao HPTLC (520-526NSADBTW	HT	1	Thụy sĩ	CAMAG	2015
207	Hệ thống sắc ký lỏng	HT	1	Đức	1261 Infinity, Agilent technologies	2010
208	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao	HT	1	Mỹ		2009
209	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao	hệ thống	2	Nhật bản	LC-20ADXR, Shimadzu	2018
210	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC Thermo Fingon (+ v/c	HT	1	Mỹ	Thermo Fingon	2001
211	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model 1200	HT	1	Đức	1200	2009
212	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model 1260	HT	1	Đức	1260	2010
213	Hệ thống soi và chụp ảnh gen và phụ kiện	HT	1	Mỹ	PhotoDoc-It	2010
214	Hệ thống thiết bị làm bay hơi dung môi	HT	1	Đức		2009
215	Hôt nuôi cấy vô trùng và phụ kiện BIO AIR	Cái	1	Italia	BIO AIR	2010
216	HT máy đóng ống tiêm (b.gồm li tâm lạnh, bể ổn nhiệt lạnhTH)	HT	1	Ấn Độ	HFS-30, HARSIDDH	2010

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
217	HT máy quang phổ phát xạ (m.tính, máy in) (520-526 ADBNS)	HT	1	Đức/TQ	MDS15	2015
218	HT tích hợp máy trộn,xát hạt,sửa hạt CS nhỏ (520-526NSADBTW)	HT	1	Anh	Caleva; Mini- Mixer Granulator	2015
219	Khúc xạ kế A-Kruss AR-4 ABBE	Cái	1	Đức	A-Kruss AR-4 ABBE	1998
220	Khúc xạ kế AR-4	Cái	1	Đức	AR-4	2000
221	Khúc xạ kế cơ Akruss AR4	Cái	2	Đức	Akruss AR4	2017
222	Khúc xạ kế tự động hiện số DR6100	Cái	2	Đức	DR6100	2008
223	Kính hiển vi 2 mắt và phụ kiện MBL-2000S	Cái	15	Đức	MBL-2000S	2010
224	Kính hiển vi 2 mắt YS100 Nikon	Cái	1	Nhật	YS100 Nikon	2005
225	Kính hiển vi soi nổi MSZ 5400	Cái	1	Đức	MSZ 5400	2005
226	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	3	Đức	MBL 2000	2009
227	Kính hiển vi 2 mắt Akruss	Cái	1	Đức	Akruss	2009
228	Kính hiển vi 2 mắt BME Leica	Cái	12	Đức	BME Leica	2003
229	Kính hiển vi 2 mắt Leica	Cái	7	Đức	Leica	2006
230	Kính hiển vi 2 mắt MBL-2000	Cái	11	Đức	MBL-2000	2009
231	Kính hiển vi 2 mắt nghiên cứu (520-526NSADBTW)	Cái	1	NB/TQ	CX22	2015
232	Kính hiển vi 2 mắt và phụ kiện MBL-2000S	Cái	10	Đức	MBL-2000S	2010
233	Kính hiển vi 2 mắt YS 100 Nikon	Cái	4	Nhật	YS 100 Nikon	2005

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
234	Kính hiển vi 2 thị kính Akruss MBL 2000	Cái	3	Đức	MBL 2000	2000
235	Kính hiển vi 2 thị kính Motic CE	Cái	2	Đức	Motic CE	1997
236	Kính hiển vi 2 thị kính Nikon YS 2T2	Cái	1	Nhật	Nikon YS 2T2	1996
237	Kính hiển vi có camera Carl Zeiss/Sony	Cái	1	Đức-Nhật	Carl Zeiss	2003
238	Kính hiển vi Euromex BB.4260	Cái	20	Hà Lan	Euromex BB.4260	2015
239	Kính hiển vi huỳnh quang Leica	Cái	1	Đức	Leica	2006
240	Kính hiển vi màn hình Nikon Alphaphot - 2 YS2-H	Cái	1	Nhật	Nikon Alphaphot - 2 YS2-H	1996
241	Kính hiển vi màn hình Paralux L 1100A	Cái	1	PHáp	Paralux L 1100A	1997
242	Kính hiển vi nối camera,máy tính (Eclipse Ci-L) 520-526ADBTW	Cái	3	TQ-Nhật	Eclipse Ci-L	2015
243	Kính hiển vi quang học	chiếc	22	Ấn Độ	CxL, Labomed	2018
244	Kính hiển vi quang học 2 mắt Labomed CxL	Cái	8	Ấn Độ	Labomed CxL	2017
245	Kính hiển vi quang học Euromex BB.4260	Cái	10	Hà Lan	Euromex BB.4260	2014
246	Kính hiển vi sinh học Lei ca	Cái	18	Đức	Lei ca	2002
247	Kính hiển vi sinh học Leica	Cái	1	Đức	Leica	2002
248	Kính hiển vi soi nối Euromex, NexiusZoom NZ 1903-S	Cái	3	Hà Lan	NexiusZoom NZ 1903-S	2013
249	Kính hiển vi soi ngược CKX 41-Olympus	Cái	1	Nhật Bản	CKX 41-Olympus	2010

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
250	Kính hiển vi soi nổi	Cái	2	Thụy sỹ	BZ4	2007
251	Kính hiển vi soi nổi	Cái	2	Thụy sỹ	EZ-4	2008
252	Kính hiển vi soi nổi	Cái	1	Đức	MSZ5400	2009
253	Kính hiển vi soi nổi Euromex NZ.1903-S	Cái	2	Hà Lan	Euromex NZ.1903-S	2015
254	Kính hiển vi soi nổi EZ-4	Cái	5	Thụy sỹ	EZ-4	2008
255	Kính hiển vi soi nổi kết nối camera,máy tính (520-526ADBTW)	Cái	1	TQ-Nhật	CX22	2015
256	Kính hiển vi soi nổi Leica Đức Mỹ	Cái	2	Đức	Leica	2003
257	Kính hiển vi soi nổi StereoBlue (SB.1902)	Cái	4	Hà Lan	StereoBlue (SB.1902)	2017
258	Kính hiển vi truyền hình + Tivi + Máy ảnh	Cái	1	Nhật Bản	CX31, Olympus - NB	2013
259	Kính hiển vi truyền hình Camera DMLS Leica	Cái	1	Đức	DMLS Leica	2002
260	Kính hiển vi truyền hình Camera DMLS Leica	Cái	1	Đức	DMLS Leica	2002
261	Kính lúp soi nổi AKRUSS,MSZ-5000+phụ kiện	Cái	1	Đức	AKRUSS,MSZ-5000	2011
262	Kính lúp soi nổi Nikon SMZ-2T-D	Cái	1	Nhật	Nikon SMZ-2T-D	1996
263	Lò Graphite GFA - EX7 Shimadzu	Cái	1	Nhật	GFA - EX7 Shimadzu	2003
264	Lò nung	Cái	1	Hàn Quốc	F12	2009
265	Lò nung Linn LM 312-10	Cái	1	Đức	LM 312-10	1998
266	Lò nung Linn LM 312-10	Cái	1	Đức	LM 312-10	1998
267	Lò nung Nabertherm L5/11	Cái	1	Đức	Nabertherm L5/11	2015

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
268	Lò nung nhiệt độ Linn LM 312-10	Cái	1	Đức	Linn LM 312-10	2000
269	Lò nung Stuart Sei S1203 PID/S	Cái	1	Anh	Stuart Sei S1203 PID/S	1999
270	Lò nung ThermConcept	Cái	1	Đức	ThermConcept	2006
271	Lò nung thí nghiệm L3 Nabothermal	Cái	1	Đức	L3 Nabothermal	2005
272	Lò vô cơ hóa mẫu V800 Larsal	Cái	1	Mỹ	V800 Larsal	2005
273	Ly tâm ống để bàn Rotofix 32 Hettich	Cái	1	Đức	Rotofix 32 Hettich	2002
274	Ly tâm ống để bàn Rotofix32 Hettich	Cái	1	Đức	Rotofix32 Hettich	2002
275	Mách tách chiết được liệu 1200 viên SN 450	Cái	1	TQ	SN 450	2003
276	Máy (lồng) ghi chuyên hóa (520-526NSADBTW)	Cái	1	ý	metabolic	2015
277	Máy (lồng) ghi phản xạ có điều kiện (520-526NSADBTW)	Cái	1	Tây BanNha	LE116	2015
278	Máy ảnh Canon EOS M	Cái	1	Đài Loan	Canon EOS M	2017
279	Máy bao bột khô	Cái	1	Việt Nam		2015
280	Máy bào chế ERWEKA (đầu máy)	Cái	1	Đức	ERWEKA	1974
281	Máy bao phim cỡ nhỏ	Cái	1	Mỹ	VGB1E	2008
282	Máy bao viên mini CALEVA MCD2	Cái	1	Anh	CALEVA MCD2	2012
283	Máy bơm chân không	Cái	1	Đức		2004
284	Máy bơm chân không tuần hoàn nước	chiếc	1	Việt Nam	SEL-150AE, Selton	2018
285	Máy bơm Ebara CDXM200/20	Cái	1	Italia	Ebara CDXM200/20	2016

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
286	Máy bơm hút chân không vòng dầu	chiếc	1	Hàn Quốc	VOP - 100, Daihan Scientific	2018
287	Máy cắt giấy CB 450V	Cái	1		CB 450V	2011
288	Máy cắt nước 1 lần Favorit, WCS/8L	Cái	1	Malaysia	Favorit, WCS/8L	2013
289	Máy cắt nước 2 lần GFL	Cái	1	Đức	GFL	2017
290	Máy cắt nước 2 lần Hamilton	Cái	1	Anh	Hamilton	2010
291	Máy cắt nước 2 lần Hamilton, WSC/4D	Cái	1	Anh	Hamilton, WSC/4D	2013
292	Máy cắt nước 2 lần WSC 008	Cái	1	Anh	WSC 008	2003
293	Máy cắt nước 2 lần WSC- 4D Haminton	Cái	1	Anh	WSC- 4D Haminton	2002
294	Máy cắt nước hai lần Hamilton WSC/4D	Cái	1	UK	Hamilton WSC/4D	2013
295	Máy cắt nước hai lần Hamilton WSC/4D	Cái	1	Anh	Hamilton WSC/4D	2016
296	Máy cắt quay Butchi	Cái	1	Thụy sĩ	Butchi	2000
297	Máy cắt quay chân không	Cái	5	Thụy sỹ	R220	2007
298	Máy cắt quay chân không	Cái	5	Thụy sỹ	R210	2009
299	Máy cắt quay chân không	chiếc	2	Malaysia	RV 8V, IKA Đức	2018
300	Máy cắt quay chân không BUCHI R3	Cái	1	Thụy Sỹ	BUCHI R3	2012
301	Máy cắt quay chân không R210	Cái	1	Thụy sỹ	R210	2009
302	Máy cắt quay chân không và phụ kiện HEI-VAP Value HB/G1	Cái	2	Đức	HEI-VAP Value HB/G1	2010
303	Máy cắt quay CK chuyên dụng R 200 Basic	Cái	2	Thụy sĩ	R 200 Basic	2005

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
304	Máy cắt quay Labarota Heidolph	Cái	1	Đức	Labarota Heidolph	2002
305	Máy cắt quay RE-111	Cái	1	Thụy sĩ	RE-111	1986
306	Máy cắt tiêu bản HM 325 Microm Carl Zeiss	Cái	1	Đức	HM 325 Microm Carl Zeiss	2002
307	Máy chiết siêu âm Sonics, VC 505	Cái	2	Mỹ	Sonics, VC 505	2011
308	Máy chuẩn độ điện thế	Cái	1	Thụy sỹ		2009
309	Máy chuẩn độ điện thế	chiếc	1	Thụy Sỹ	888 Titrandò, Metrohm	2018
310	Máy chuẩn độ điện thế Metler Toledo S20	Cái	1	Thụy sỹ	Metler Toledo S20	2011
311	Máy chuẩn độ điện thế Metrolim	Cái	2	Thụy sỹ	Metrolim	2009
312	Máy chuẩn độ điện thế tự động (520-526NSADBTW)	Cái	1	Thụy sĩ		2015
313	Máy chuẩn độ Karl Fischer (520-526NSADBTW)	Cái	1	Thụy sĩ	Karl Fischer	2015
314	Máy chuẩn độ tự động 809Titrandò-Mettrohm	Cái	1	Thụy sĩ	809Titrandò-Mettrohm	2004
315	Máy cố định động vật & theo dõi TD dược lý (520-526 ADBNS)	Cái	1	Mỹ	51500	2015
316	Máy cô mẫu bằng N2 Hanon HN200	Cái	1	Trung Quốc	Hanon HN200	2017
317	Máy cực phổ 797VA	Cái	1	Thụy sĩ	797VA	2010
318	Máy cung cấp khí Nitrogen cho xử lý mẫu	Cái	1	EU/UK		2014
319	Máy dán túi nilon	Cái	1	Trung Quốc		2012
320	Máy đánh giá giải phóng thuốc qua Hanson Reasearch	Cái	1	Mỹ	Hanson Reasearch	2012

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
321	Máy dập viên (520-526NSADBTW)	Cái	1	TQ	Pharmaceutical Machinery; ZPW 26	2015
322	Máy dập viên 1 chày TDP New Thượng Hải TQ	Cái	1	TQ	TDP New Thượng Hải TQ	2005
323	Máy dập viên 2 lớp 8 chày(gồm máy hút bụi CN) (520-526ADBNS)	Cái	1	ấn độ	SDL-2, SHATKI PHARMATECH;	2015
324	Máy dập viên quay tròn	Cái	1	Trung Quốc	ZP17; Shanghai Tianhe Pharmaceutical Machinery Co.Ltd	2016
325	Máy dập viên quay tròn 8 chày dùng cho phòng TN Labpress II	Cái	1	ấn Độ	Labpress II	2013
326	Máy dập viên tâm sai Gylongli DP30A	Cái	2	Trung Quốc	Gylongli DP30A	2013
327	Máy dập viên tâm sai Korsch	Cái	1	Đức	Korsch	2006
328	Máy dập viên thuốc quay tròn mini	Cái	1	ấn Độ	Mini Press II	2007
329	Máy dập viên ZPW 21A Tianxiang Chantai	Cái	1	TQ	ZPW 21A Tianxiang Chantai	2003
330	Máy đẩy ép qua màng (520-526NSADBTW)	Cái	1	Canada	LF50	2015
332	Máy đếm khuẩn lạc Sibatasci-tech CL-560	Cái	1	Nhật	Sibatasci-tech CL-560	2000
331	Máy điện di AGAROSE Consort E3200	Cái	1	EU	AGAROSE Consort E3200	2012
333	Máy điện di AND và phụ kiện	Cái	1	Anh	Scien-plas	2010
334	Máy điện di AND và phụ kiện	Cái	1	Anh	Scien-plas	2010
335	Máy điện di AND, HU10	Cái	1	Anh	HU10	2010

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
336	Máy điện di đứng BIORAD	Cái	1	Mỹ	BIORAD	2010
337	Máy điện di gel Consort E3200 (bộ nguồn EV231)	Cái	1	Bỉ	Consort E3200	2013
338	Máy điện di mao quản	Cái	1	Mỹ	P/ACE™ MDQ plus; SCIEX - USA	2016
339	Máy điện di mini Scien-plas	Cái	1	Anh	Scien-plas	2010
340	Máy điện di ngang trên giấy thạch Consort E3400	Cái	1	Bỉ	Consort E3400	2012
341	Máy điện di ứng Consort E4100	Cái	1	EU	Consort E4100	2012
342	Máy đo áp suất thẩm thấu dùng màng bán thấm Gonotec Osmomat	Cái	1	Đức	Gonotec Osmomat	2016
343	Máy đo áp suất thẩm thấu Gonotec	Cái	1	Đức	Gonotec	2006
344	Máy đo áp suất thẩm thấu Gonotec-Osmomat 3000 (520-526 ADBNS)	Cái	1	Đức	Gonotec-Osmomat 3000	2015
345	Máy đo áp suất thẩm thấu OSMAT 030 GONOTEC	Cái	1	Nhật	OSMAT 030 GONOTEC	2005
346	Máy đo điểm chảy Sanyo Gallen Kamp	Cái	1	Nhật	Sanyo Gallen Kamp	1997
347	Máy đo điểm nóng chảy	Cái	1	Nhật		2009
348	Máy đo điểm nóng chảy	Cái	1	Mỹ		2009
349	Máy đo độ bền Gel CT3	Cái	1	Mỹ	CT3	2008
350	Máy đo độ chảy Metler Toledo FP 62	Cái	1	Thụy sĩ	Toledo FP 62	2000

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
351	Máy đo độ cứng viên nén	Cái	2	Đức	PTB511E	2008
352	Máy đo độ cứng viên thuốc Erweka, TBH125TD	Cái	1	Đức	Erweka, TBH125TD	2011
353	Máy đo độ cứng viên thuốc Pharmatest PTB - 311E	Cái	1	Đức	Pharmatest PTB - 311E	2014
354	Máy đo độ dẫn để bàn EC 214	Cái	2	Italia	EC 214	2004
355	Máy đo độ dẫn điện	Cái	2	Ý		2009
356	Máy đo độ dẫn điện CON700	Cái	1	Singapore	CON700	2017
357	Máy đo độ dẫn điện Metler Toledo S30	Cái	1	Thụy sỹ	Toledo S30	2011
358	Máy đo độ dẫn điện Metler Toledo, FE 30 Kit	Cái	1	Trung Quốc	Toledo, FE 30 Kit	2013
359	Máy đo độ đục dung dịch	Cái	1	mỹ	TB1000W	2009
360	Máy đo độ hòa tan	Cái	1	Đức		2009
361	Máy đo độ hoà tan 6 cốc	Cái	1	Đức	DT607	2007
362	Máy đo độ hoà tan thuốc viên	Cái	1	Đức	DT-608 ERWEKA- §øc	2008
363	Máy đo độ mài mòn viên PTF20E-Pharmatest	Cái	1	Đức	PTF20E-Pharmatest	2004
364	Máy đo độ nhớt kiểu Prolab	Cái	1	TBN	VB 1423	2007
365	Máy đo độ nhớt quay kiểu Brookfield	Cái	1	Mỹ	DV-II	2007
366	Máy đo độ phù chân chuột LE 7500 Panlab	Cái	1	Bồ Đào Nha	LE 7500 Panlab	2003
367	Máy đo độ rã của thuốc	chiếc	1	Ấn Độ	DT 1000+, Labindia	2018
368	Máy đo độ rã viên nén ZT41 Erweka	Cái	1	Đức	ZT41 Erweka	2003

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
369	Máy đo độ trơn chảy của hạt Erweka, GTL	Cái	1	Đức	Erweka, GTL	2011
370	Máy đo độ trơn chảy Erweka GTL	Cái	1	Đức	Erweka GTL	2014
371	Máy đo dung tích biểu kiến Erweka SVM 10	Cái	1	Đức	Erweka SVM 10	1996
372	Máy đo dung tích sống Dalco&Bird Wet Spirometer	Cái	2	Mỹ	Dalco&Bird Wet Spirometer	2014
373	Máy đo HA gián tiếp LE5002 Ugobasil	Cái	1	Italia	LE5002 Ugobasil	2002
374	Máy đo hàm lượng nước Karrl-Fisher V20, Metler Toledo	Cái	1	Thụy Sĩ	Karrrl-Fisher V20, Metler Toledo	2014
375	Máy đo hằng số điện môi (520-526NSADBTW)	Cái	1	Nhật	871, Nihon Rafuto Co.,Ltd	2015
376	Máy đo hấp thụ chất rắn (520-526NSADBTW)	Cái	1	Mỹ	BET 201 A, PMI	2015
377	Máy đo hoạt tính vận động (520-526NSADBTW)	Cái	1	ý	Multiple 47420	2015
378	Máy đo khối lượng riêng của bột Erweka, SVM223	Cái	1	Đức	SVM223	2011
379	Máy đo lưu biến (520-526NSADBTW)	Cái	1	Mỹ	Erweka, SVM223	2015
380	Máy đo lưu lượng tuần hoàn máu não động vật	Chiếc	1	Mỹ	T402 - PB, Transonic	2018
381	Máy đo năng suất quay cực cơ Euromex - 99.400	Cái	1	Hà Lan	Euromex - 99.400	2015
382	Máy đo nhiệt độ nóng chảy	Cái	5	Mỹ	MPA-120	2008
383	Máy đo nhiệt độ nóng chảy Hanon MP120	Cái	1	Trung Quốc	Hanon MP120	2014

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
384	Máy đo nhiệt độ nóng chảy MPA	Cái	1	Mỹ	MPA 120	2008
385	Máy đo nhiệt độ nóng chảy tự động và phụ kiện MPA-120EZ-Melt	Cái	2	Mỹ	MPA-120EZ-Melt	2010
386	Máy đo PH để bàn	Cái	4	Mỹ	PH510	2007
387	Máy đo PH Eutech, PH700	Cái	1	Đức	Eutech, PH700	2011
388	Máy đo PH Metler Toledo FE 20 Kit	Cái	10	Trung Quốc	Toledo FE 20 Kit	2013
389	Máy đo PH Metler Toledo FE20 Kít	Cái	3	Trung Quốc	Toledo FE 20 Kit	2014
390	Máy đo PH Metler Toledo, FE 20 Kit	Cái	1	Trung Quốc	Toledo FE 20 Kit	2013
391	Máy đo PH Mettler Toledo FE20-FiveEasy TMPH	Cái	1	Trung Quốc	Toledo FE20-FiveEasy TMPH	2012
392	Máy đo PH WTW 730	Cái	1	Đức	WTW 730	2006
393	Máy đo phản xạ bằng bản nhiệt	Cái	1	TBN	LE7406	2009
394	Máy đo quang kết nối máy tính Shimadzu UV 1800	Cái	1	Nhật Bản	Shimadzu UV 1800	2011
395	Máy đo quang phổ UV-VIS	Cái	1	Nhật bản	U-1900	2008
396	Máy đo quang photometer	Cái	2	Nhật	SP300	2007
397	Máy đo sinh hóa máu Teco, TC3300 Plus	Cái	1	Mỹ	Teco, TC3300 Plus	2013
	Máy đo sinh hóa máu TECO, TC3300Plus	Cái	2	Mỹ	Teco, TC3300 Plus	2011
398	Máy đo sức căng bề mặt KRUSS, Easydyne K20	Cái	1	Đức	KRUSS, Easydyne K20	2011

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
399	Máy đo và đếm kích thước tiểu phân Zetasizer Nano ZS 90	Cái	1	Anh	Zetasizer Nano ZS 90	2010
400	Máy đo vòng vô khuẩn IUL	Cái	1	Tây Ban Nha	IUL	2011
401	Máy đồng hóa bằng siêu âm Sonic VCX-130	Cái	1	Mỹ	Sonic VCX-130	2015
402	Máy đồng hóa bằng siêu âm UP 200Ht	Cái	2	Đức	UP 200Ht	2015
403	Máy đông khô	Cái	1	Mỹ	Labconco	2008
404	Máy đông khô ALPHA 1-2 Ldplus	Cái	1	Đức	ALPHA 1-2 Ldplus	2011
405	Máy đông khô phòng thí nghiệm	Cái	1	Đức		2006
406	Máy đóng nang mini tự động	Cái	1	Ấn Độ	Minicap	2007
407	Máy đóng nang thủ công	Cái	1	Ấn Độ		1996
408	Máy đóng nang thủ công BJT-409	Cái	1	Trung Quốc	BJT-409	2004
409	Máy đồng nhất hóa áp suất cao (520-526NSADBTW)	Cái	1	Canada	EmulsiFlex-C5, Avestin	2015
410	Máy đồng nhất mẫu bằng siêu âm Qsonica Q500 (520-526NSADBTW)	Cái	1	Mỹ	Qsonica Q500	2016
411	Máy đóng thuốc phun mù và phụ kiện BS-8005 Bestone	Cái	1	Trung Quốc	BS-8005 Bestone	2010
412	Máy đóng túi thuốc bột (520-526NSADBTW)	Cái	1	VN/ý	TYPM-200A, Thành Ý	2015
413	Máy đùn - vo tạo cầu Caleva-Mini batch kit (520-526NSADBTW)	Cái	1	Anh	Caleva-Mini batch kit	2016
414	Máy đùn cốm và tạo hạt cầu QZY-350	Cái	1	TQ	QZY-350	2004

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
415	Máy đun dùng NCSX thuốc ETRODER 65 Lab Ấn Độ	Cái	1	Ấn Độ	ETRODER 65 Lab Ấn Độ	2003
416	Máy đun viên hạt cái Spheroidizen 250 Ấn Độ	Cái	1	Ấn Độ	Spheroidizen 250 Ấn Độ	2003
417	Máy ghi 1 kênh Ugo Basile	Cái	1	Italia	Ugo Basile	1998
418	Máy gia nhiệt cho phản ứng	Cái	1	Mỹ	9702	2007
419	Máy hứng phân đoạn (520-526NSADBTW)	Cái	1	Đức	PTFC-2, Pharmatest	2015
420	Máy hút ẩm Edison	Cái	2	Mỹ	Edison	2002
421	Máy hút chân không (520-526NSADBTW)	Cái	1	Thụy sĩ	Vacusaft	2015
711	Máy hút dung dịch bằng chân không Accuris V0020	Cái	1	Italia	Accuris V0020	2015
422	Máy hydrogen hóa PARR	Cái	1	Mỹ	PARR	1986
423	Máy in nhiệt cho cân phân tích RS-P26/01	Cái	1	Thụy Sĩ	RS-P26/01	2016
424	Máy in nhiệt DPU-S445 (dùng cho máy quang phổ)	Cái	1	Nhật Bản	DPU-S445	2016
425	Máy khử ẩm FR-015AP	Cái	1	Đài Loan	FR-015AP	2015
426	Máy khử trùng chống mốc (520-526NSADBTW)	Cái	1	TQ	FX100	2015
427	Máy khuấy cơ Daihan Scientific HS 120A	Cái	6	Hàn Quốc	Daihan Scientific HS 120A	2013
428	Máy khuấy cơ DLAB OS-20S	Cái	2	Trung Quốc	DLAB OS-20S	2017
429	Máy khuấy cơ học IKA	Cái	4	Trung Quốc	IKA RW-20	2008
430	Máy khuấy cơ Velp	Cái	1	Italia	Velp	2006

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
431	Máy khuấy kiểu mô tơ ES	Cái	1	Italia	ES	2002
432	Máy khuấy overhead	Cái	3	Đức	RW16	2007
433	Máy khuấy overhead và phụ kiện	Cái	1	Đức	RW16	2007
434	Máy khuấy tốc độ cao (520-526NSADBTW)	Cái	1	TQ	Eurostar 20 digital, IKAQ	2015
435	Máy khuấy từ có gia nhiệt	chiếc	5	Hàn Quốc	MSH - 20A, Daihan Scientific	2018
436	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	4	Đức	RCT Basic	2007
437	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1	Đức	RCT Basic	2010
438	Máy khuấy từ gia nhiệt 1 vị trí Daihan Scientific MSH-20A	Cái	3	Hàn Quốc	Daihan Scientific MSH-20A	2015
439	Máy khuấy từ gia nhiệt CMAG	Cái	2	Đức	CMAG	2010
440	Máy khuấy từ gia nhiệt DAIHAN MSH- 20A	Cái	7	Hàn Quốc	DAIHAN MSH-20A	2012
441	Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan MSH-20A	Cái	1	Hàn Quốc	DAIHAN MSH-20A	2014
442	Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan Scientific (MSH-20A)	Cái	12	Hàn Quốc	Daihan Scientific (MSH-20A)	2016
443	Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan Scientific MSH-20A	Cái	18	Hàn Quốc	Daihan Scientific (MSH-20A)	2013
444	Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan, MSH-20A	Cái	4	Hàn Quốc	DAIHAN MSH-20A	2017
445	Máy khuấy từ gia nhiệt IKA	Cái	1	Đức	IKA	2010
446	Máy khuấy từ gia nhiệt IKA	Cái	1	Đức	IKA	2010
447	Máy khuấy từ gia nhiệt MSH 20A	Cái	7	Hàn Quốc	MSH 20A	2014

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
448	Máy khuấy từ IKA	Cái	9	Trung Quốc	IKA	2011
449	Máy kích thích điện 1 kênh LI-12006	Cái	1	Nhật	LI-12006	1997
450	Máy kích thích điện 4 kênh LE 12406-TC	Cái	1	Italia	LE 12406-TC	2003
451	Máy kiểm tra độ trơn chảy hạt Erweka GWF	Cái	1	Đức	Erweka GWF	1996
452	Máy Kimograph PANLAB	Cái	2	Tây Ban Nha	Kimograph PANLAB	2011
453	Máy lắc	Cái	1	Hàn quốc		2009
454	Máy lắc siêu âm WUC-A22	Cái	1	Hàn Quốc	WUC-A22	2010
455	Máy lắc có điều khiển tốc độ HS 501 IKA	Cái	1	Đức	HS 501 IKA	2002
456	Máy lắc dàn có bảo ôn Bio Shaker BR300 LF	Cái	1	Nhật	Bio Shaker BR300 LF	2002
457	Máy lắc để bàn 3017-GFL-Đức	Cái	1	Đức	3017-GFL-Đức	2003
458	Máy lắc điều nhiệt nhiều chỗ BR 3000 LF-TAITEC	Cái	1	Nhật	BR 3000 LF-TAITEC	2005
459	Máy lắc IKA KS-125	Cái	1	Đức	IKA KS-125	2000
460	Máy lắc ngang Multi Bio 3D	Cái	1	Trung Quốc	Multi Bio 3D	2010
461	Máy lắc ổn nhiệt	Cái	1	Mỹ	211DS	2009
462	Máy lắc ổn nhiệt cỡ nhỏ KWF, LSI 100B	Cái	1	Trung Quốc	KWF, LSI 100B	2011
463	Máy lắc siêu âm WUC-A22	Cái	2	Hàn Quốc	WUC-A22	2010
464	Máy lắc Vortex GEMMY VM-300	Cái	4	Đài Loan	Vortex GEMMY VM-300	2012
465	Máy lắc xoay IKA HS-260 Basic	Cái	1	Trung Quốc	IKA HS-260 Basic	2011

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
466	Máy làm bay hơi mẫu bằng khí N2 Zanntek, Zipvap 8	Cái	1	Mỹ	Zanntek, Zipvap 8	2011
467	Máy làm tiêu bản AP 280 Microm Carl Zeiss	Cái	1	Đức	AP 280 Microm Carl Zeiss	2002
468	Máy lạnh đông sâu đa dụng	Cái	1	Mỹ	02183-61	2007
469	Máy lọc FH-146	Cái	1	Việt Nam	FH-146	2016
470	Máy lọc ly tâm SS300	Cái	1	Trung Quốc	SS300	2017
471	Máy lọc nước Elga Maxima	Cái	1	Anh	Elga Maxima	1998
472	Máy lọc nước siêu sạch Classic UV	Cái	1	Anh	Classic UV	2017
473	Máy lọc nước siêu sạch Elga Purelab Classic UV	Cái	1	UK	Elga Purelab Classic UV	2015
474	Máy lọc nước siêu sạch Elga, PurelabClassic UV (490-502ADBNS)	Cái	1	Anh	Elga Purelab Classic UV	2013
723	Máy ly tâm	Cái	1	Mỹ	PLC012E	2007
475	Máy ly tâm	Cái	2	Đức	EBA 20	2008
476	Máy ly tâm 8000 vòng/phút Hettich EBA 200S	Cái	1	Đức	Hettich EBA 200S	2015
477	Máy ly tâm để bàn CHERMLE-Z320	Cái	1	Đức	CHERMLE-Z320	1991
478	Máy ly tâm để bàn EBA 20 Hettich	Cái	2	Đức	EBA 20 Hettich	2004
479	Máy ly tâm để bàn Hermle	Cái	2	Đức	Hermle	2006
480	Máy ly tâm để bàn Jouan B3.11	Cái	1	Pháp	Jouan B3.11	1998
481	Máy ly tâm dùng trong sinh học phân tử để tách AND 5415R	Cái	1	Đức	5415R	2010

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
482	Máy ly tâm EBA 20	Cái	1	Đức	EBA 20	2009
483	Máy ly tâm Hettich Rotine 46	Cái	1	Đức	Hettich Rotine 46	2000
484	Máy ly tâm lạnh 5702R	Cái	1	Đức	5702R	2010
485	Máy ly tâm lạnh siêu tốc Helmre Micro 220R	Cái	1	Đức	Helmre Micro 220R	2011
486	Máy ly tâm lạnh siêu tốc Hermle Z325K	Cái	2	Đức	Hermle Z325K	2012
487	Máy ly tâm lạnh Sygma 3-18 K	Cái	1	Đức	Sygma 3-18 K	2004
488	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao	chiếc	1	Hàn Quốc	Supra R22, Hanil	2018
489	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Hettich, Mikro 220R+ phụ kiện	Cái	1	Đức	Hettich Mikro 220R	2011
490	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Kubota 6500 (520-526NSABDTW)	Cái	1	Nhật	Kubota 6500	2015
491	Máy ly tâm lạnh và phụ kiện	Cái	1	Đức	5415R	2010
492	Máy ly tâm PLC	Cái	1	VN	PLC	2005
493	Máy ly tâm PLC- 012 Germany- Đài Loan	Cái	2	Đức	PLC- 012 Germany- Đài Loan	2005
494	Máy ly tâm PLC012E	Cái	2	mỹ	PLC012E	2007
495	Máy ly tâm PLT 012 Germany	Cái	1	Đức	PLT 012 Germany	2005
496	Máy ly tâm Spin down Daihan Scientific, CF-5	Cái	1	Hàn Quốc	Daihan Scientific, CF-5	2013
497	Máy ly tâm thường Hettich, EBA20	Cái	2	Đức	Hettich, EBA20	2011
498	Máy ly tâm thường và phụ kiện Gilson	Cái	1	Pháp	Gilson GMCLAB	2010

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
499	Máy ly tâm Z200A Hermle	Cái	1	Đức	Z200A Hermle	2003
500	Máy nén khí	Cái	1	ý		2010
501	Máy nén khí không dầu SWan SDU-310	Cái	1	Đài Loan	SWan SDU-310	2015
502	Máy nén khí MDR-211	Cái	1	Italia	MDR-211	1998
503	Máy nén khí Model D3	Cái	1	Ý	D3	2009
504	Máy nghiền dạng cắt DQF-200	Cái	1	Trung Quốc	DQF-200	2016
505	Máy nghiền đồng thể bằng lưới cắt DLAB D160	Cái	1	Trung Quốc	DLAB D160	2017
506	Máy nghiền đồng thể Benchmark D1000	Cái	1	Mỹ	Benchmark D1000	2015
507	Máy nghiền đồng thể Glascol (kèm các trục nghiền)	Cái	1	Mỹ	Glascol	1999
508	Máy nghiền siêu mịn MM200 RETCH	Cái	1	Anh	MM200 RETCH	2004
509	Máy nhân gen (PCR) C1000 Touch Bio-rad (520-526NSADBTW)	Cái	1	Mỹ	C1000 Touch Bio-rad	2015
510	Máy nhân gen và phụ kiện	Cái	1	Đức	Mastercycler	2010
511	Máy nhào trộn AR-400 ERWEKA Đức	Cái	1	Đức	AR-400 ERWEKA Đức	1970
512	Máy phá mẫu bằng siêu âm UP50H	Cái	1	Đức	UP50H	2017
513	Máy phân tích cỡ hạt (520-526NSADBTW)	Cái	1	Anh	MS-3000E, Malvern	2015
514	Máy phân tích huyết học của động vật 20 thông số Urit-3000	Cái	1	Trung Quốc	Urit-3000	2015
515	Máy phân tích huyết học TECO	Cái	1	Mỹ	TECO	2011

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
516	Máy phân tích nhiệt DSC Mettler Toledo	Cái	1	Thụy sĩ	Mettler Toledo	2010
517	Máy phân tích nhiệt TGA Metler Toledo TGA/DSC 1	Cái	1	Thụy sĩ	Toledo TGA/DSC 1	2011
518	Máy phân tích sinh hóa máu	Cái	1	Mỹ	TC3300Plus	2009
519	Máy phân tích sinh hóa nước tiểu	Cái	1	Mỹ	TC101	2009
520	Máy phân tích xét nghiệm nước tiểu TECO,TC101	Cái	1	Mỹ	TECO,TC101	2011
521	Máy phun sấy B191 Buchi	Cái	1	Đan Mạch	B191 Buchi	2002
522	Máy phun sấy LABPLANT SD05	Cái	1	Anh	LABPLANT SD05	1997
523	Máy quang phổ hồng ngoại (520- 526NSADBTW)	Cái	1	Malaysia	Agilent660	2015
524	Máy quang phổ hồng ngoại IR Jasco 6700 (kèm M.tính, M.in)	Cái	1	Nhật/VN	IR Jasco 6700	2014
525	Máy quang phổ huỳnh quang Agilent/ CaryEclipse 490-502ADBNS	Cái	1	úc/Mỹ	Agilent/ CaryEclipse	2013
526	Máy quang phổ tử ngoại khả biến UV-VIS Optima SP 3000 Nano	Cái	1	Hàn Quốc	Optima SP 3000 Nano	2014
527	Máy quang phổ tử ngoại khả biếnUVD2960 Labomed(520- 526NSADBTW	Cái	2	Mỹ	UVD2960 Labomed	2015
528	Máy quang phổ UV	Cái	1	Nhật	U-1900	2007

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
529	Máy quang phổ UV VIS	Cái	1	Nhật bản	U-1900	2008
530	Máy quang phổ UV- VIS	Cái	3	Nhật	U-1900	2007
531	Máy quang phổ UV-VIS	Cái	1	Nhật Bản	U-1900	2008
532	Máy quang phổ UV-VIS Helios Gamma Unicam	Cái	1	Anh	Helios Gamma Unicam	2000
533	Máy quang phổ UV-VIS Hitachi	Cái	2	Nhật	Hitachi	2006
534	Máy quang phổ UV-VIS Hitachi U5100	Cái	3	Nhật Bản	Hitachi U5100	2017
535	Máy quang phổ UV-VIS OPTIMA SP3000 Nano	Cái	1	Nhật Bản	OPTIMA SP3000 Nano	2012
536	Máy quang phổ UV-VIS SP 3000 Nano	Cái	2	Nhật Bản	SP 3000 Nano	2011
537	Máy quang phổ UV-VIS U1900	Cái	1	Nhật bản	U1900	2009
538	Máy quang phổ UV- VISS	Cái	2	Nhật bản	U1900	2009
539	Máy rửa ống tiêm đa năng DXH-11	Cái	1	TQ	DXH-11	2005
540	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	Cái	3	Nhật Bản	LC-20AD, Shimadzu	2017
541	Máy sấy khí nito Doumic Hunter UHPN 0751	Cái	1	Anh	Doumic Hunter UHPN 0751	2000
542	Máy sấy khô khí nén	Cái	1	Đức		2005
543	Máy sấy tầng sôi Diosna Minilab	Cái	1	Đức	Diosna Minilab	2004
544	Máy sấy và bao tầng sôi (520-526NSADBTW)	Cái	1	Đức	Mini Glatt	2015
545	Máy sinh khí Hydro	Cái	1	UK	PH200	2009
546	Máy soi thuốc tiêm	Cái	1	Đức		2004
547	Máy soi tử ngoại Viber Loumat, CN6	Cái	1	Đức	Viber Loumat, CN6	2011

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
548	Máy tách chiết tinh chế Dược liệu SS 450	Cái	1	TQ	SS 450	2003
550	Máy tạo hoàn cứng tự động loại nhỏ DZ 20	Cái	1	Trung Quốc	DZ 20	2011
551	Máy tạo khí hydro HP	Cái	1	Mỹ	HP	1993
552	Máy tạo khí Hydrogen	Cái	1	Anh	HG/CHF200	2007
553	Máy tạo khí Nitơ Claind	Cái	1	Italia	Claind	1998
554	Máy tạo nang mềm ép khuôn (520-526NSADBTW)	Cái	1	TQ	SRJ-5	2015
555	Máy thái dược liệu ZQ 300	Cái	1	Trung Quốc	ZQ 300	2011
556	Máy thiết bị đồng thể hóa siêu âm Labsonic M	Cái	1	Đức	Labsonic M	2005
557	Máy thử độ đã Pharmatest DIST 3	Cái	1	Đức	Pharmatest DIST 3	2014
558	Máy thử độ giải phóng thuốc đạn Erweka DT620	Cái	1	Đức	Erweka DT620	2011
559	Máy thử độ hòa tan Erweka DT626	Cái	1	Đức	Erweka DT626	2015
560	Máy thử độ hòa tan 8 cốc hút tự động (520-526 ADBNS)	Cái	1	Đức	Pharmatest - Đức; Model:DFC – 610P	2015
561	Máy thử độ hòa tan Erweka DT-60	Cái	1	Đức	Erweka DT-60	2000
562	Máy thử độ hoà tan thuốc Erweka TYDT/USP-G	Cái	1	Đức	Erweka TYDT/USP-G	1996
563	Máy thử độ mài mòn viên thuốc Erweka,TAR120	Cái	1	Đức	Erweka,TAR120	2011
564	Máy trộn cao tốc tạo hạt (520-526NSADBTW)	Cái	1	TQ	GHL-10, Changzhou Jiafa Granulating Drying	2015

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
565	Máy trộn cơm khô mini CH 50	Cái	1	TQ	CH 50	2003
566	Máy ủ ấm dùng cho HA chuột LP 5610	Cái	1	Đức	LP 5610	2005
567	Máy ủ có lắc TSC Biometra GmbH (520-526NSADBTW)	Cái	1	Đức	TSC Biometra GmbH	2015
568	Máy vẩy ly tâm SS300	Cái	1	Trung Quốc	SS300	2010
569	Máy vi tính điều khiển (Pùng KHV MH)	Cái	1	Nhật		2002
570	Máy xác định độ rã thuốc viên ZT4-1	Cái	1	Đức	ZT4-1	1996
571	Máy xác định nhiệt nóng chảy SMP 3 Stuart	Cái	1	Anh	SMP 3 Stuart	2002
572	Máy xay bột mịn phòng thí nghiệm MF10 IKA Đức	Cái	1	Đức	MF10 IKA Đức	2001
573	Máy xay CW 180 Thượng Hải	Cái	1	TQ	CW 180 Thượng Hải	2003
574	Máy xay dược liệu CFS	Cái	1	Việt Nam	CFS	2010
575	Máy xay dược liệu DF-35	Cái	1	Trung Quốc	DF-35	2011
576	Máy xay dược liệu SGF-130A	Cái	1	TQ	SGF-130A	2004
577	Máy xay keo (520-526NSADBTW)	Cái	1	Ấn Độ	SCMG-M, Shakti Pharmatech PVT.Ltd	2015
578	Máy xay SPM 15B	Cái	1	Trung Quốc	SPM 15B	2015
579	Micropipet 1000-5000ml NICHIRYO	Cái	1	Nhật Bản	NICHIRYO	2012
580	Micropipet 8 kênh 0.5-10ml	Cái	1	EU		2012
581	Micropipette 8 kênh điều chỉnh thể tích	Cái	1	Đức	Nichipet7000	2010
582	Mô hình người	Cái	1	Pháp		1996

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
584	Nhớt kế Cole Pammer P-98936-15	Cái	1	Mỹ	Cole Pammer P-98936-15	2000
583	Nồi cách thủy 4 lỗ GFL	Cái	2	Đức	GFL	2004
585	Nồi cách thủy Daihan Scientific WB-22	Cái	2	Hàn Quốc	Daihan Scientific WB-22	2015
586	Nồi đun cách thủy 4 lỗ	chiếc	2	Trung Quốc	HH - S4	2018
587	Nồi hấp SA 30VF Đài Loan	Cái	1	Đức	30VF Đài Loan	2005
588	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	Nhật Bản	KT32S	2007
589	Nồi hấp tiệt trùng	chiếc	2	Nhật Bản	KT3045 (A), ALP -	2018
590	Nồi hấp tiệt trùng 501 (HV50 Hirayama) (520-526NSADBTW)	Cái	1	Nhật	HV50 Hirayama)	2015
591	Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA- HVE25	Cái	2	Nhật	HIRAYAMA- HVE25	1997
592	Nồi hấp tiệt trùng HV 25 Hyrayama	Cái	1	Nhật	HV 25 Hyrayama	2002
593	Nồi hấp tiệt trùng KT 2346	Cái	2	Nhật Bản	KT 2346	2008
594	Nồi hấp tiệt trùng Sanyo MLS- 2420	Cái	1	Nhật	Sanyo MLS- 2420	1997
595	Nồi hấp tiệt trùng và phụ kiện ALP	Cái	1	Nhật	ALP	2010
596	Nồi phản ứng Ankyl hóa 6 lít	Cái	1	Đức	Ankyl	2013
597	Nồi phản ứng thủy phân	Cái	1	Việt Nam		2013
598	Nồi thanh trùng UHT MK-139	Cái	1	Việt Nam	UHT MK-139	2016
599	Phân cực kế	Cái	2	Đức		2013
600	Phân cực kế	Cái	1	Đức	P1000	2009
601	Phân cực kế A- Kruss P 1000	Cái	2	Đức	A- Kruss P 1000	1999
602	Phân cực kế A- Kruss P1000	Cái	1	Đức	A- Kruss P 1000	1998

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
603	Phân cực kế A-Kruss P1000	Cái	1	Đức	A- Kruss P 1000	2000
604	Phân cực kế Akruess P1000 LED	Cái	4	Đức	Akruss P1000 LED	2017
605	Phân cực kế AKRUSS, P1000-LED	Cái	2	Đức	Akruss P1000 LED	2011
606	Phân cực kế CETI	Cái	1	Bỉ	CETI	2002
607	Phân cực kế để bàn Kruess	Cái	2	Đức	Kruess	2006
608	Phân cực kế Novex Euromex	Cái	2	Hà Lan	Novex Euromex	2005
609	Phân cực kế tự động Akruess P3000	Cái	1	Đức	Akruss P3000	2017
610	Phụ kiện cho máy sấy phun Labplant Anh	Cái	1	Anh	Labplant Anh	2002
611	Pipet máy Nichiryo - Pipet mate Neo	Cái	2	Nhật Bản	Nichiryo -Pipet mate Neo	2015
612	Pipet tự động 1000-5000ml	Cái	2	EU		2012
613	PM kết nối máy tính cho máy quang phổ	Cái	1	Nhật/VN	UV Solution; Hitachi	2014
614	Quang phổ UV-1240 Shimadzu	Cái	1	Nhật	UV-1240 Shimadzu	2002
615	Quang phổ UV- VIS U1800 Hitachi	Cái	2	Nhật	UV- VIS U1800 Hitachi	2005
616	Quang phổ UV-VIS tử ngoại khả kiến EZ 210 kèm máy tính, in	Cái	1	Mỹ	EZ 210	2002
617	Quang phổ UV-VIS U1800 Hitachi	Cái	2	Nhật	U1800 Hitachi	2005
618	Quang phổ UV-VIS Unicam UV 300	Cái	1	Anh	Unicam UV 300	2002
619	Sắc ký khí Fision (Carlo Eva) GC 8000 TOP	Cái	1	Italia	Fision (Carlo Eva) GC 8000 TOP	1998

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
620	Sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC	Cái	1	Mỹ		2004
621	Sắc ký lỏng HPLC Shimadzu	Cái	1	Nhật	Shimadzu	2000
622	Sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao HPTLC Camag+Phụ kiện	Cái	2	Thụy Sĩ	Camag	2011
623	Tank chứa bán thành phẩm 1000l chất liệu Inox	Cái	1	Việt Nam		2017
624	Thiết bị đánh giá giải phóng dược chất thuốc đạn Pharmatest	Cái	1	Đức	Pharmatest	2006
625	Thiết bị đo độ nhớt LVDVE Book fiend Mỹ	Cái	1	Mỹ	LVDVE Book fiend Mỹ	2004
626	Thiết bị đo độ rã thuốc đạn Pharmatest PTS 3E	Cái	1	Đức	Pharmatest PTS 3E	2011
627	Thiết bị đo độ thấm của dược chất qua da HANSON RESEARCH	Cái	1	Mỹ	HANSON RESEARCH	2006
628	Thiết bị đo rối loạn hô hấp của động vật	Cái	2	Việt Nam		2014
629	Thiết bị đồng nhất hóa	Cái	1	Malaysia	T 50 digital ULTRA-TURRAX; IKA	2016
630	Thiết bị đồng nhất hóa liposome bằng PP ép qua màng Mini ..	Cái	1	Mỹ		2013
631	Thiết bị ghi điện 1 kênh	Cái	1	TBN	7020	2007
632	Thiết bị Hydrogen hóa 3911-PAR	Cái	1	Mỹ	3911-PAR	2010
633	Thiết bị Hydro hoá	Cái	1	Việt nam		2007
634	Thiết bị làm lạnh bình phản ứng B6/-85	Cái	1	Đài Loan	B6/-85	2011

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
635	Thiết bị làm ngưng nhanh trong	Cái	1	Mỹ	6206P	2008
636	Thiết bị lọc tuyến tính Spectrumlabs, C02-S050-05-N	Cái	1	Mỹ	Spectrumlabs, C02-S050-05-N	2013
637	Thiết bị phản ứng áp lực LAB AUTOCLAVE	Cái	1	ấn Độ	LAB AUTOCLAVE	2011
638	Thiết bị phản ứng nhiệt độ -80C Greatwall Scientific DHJF800	Cái	1	Mỹ	Greatwall Scientific DHJF800	2012
639	Thiết bị phản ứng sử dụng kỹ thuật vi sóng Sineo Uwave 1000	Cái	1	Thượng Hải	Sineo Uwave 1000	2011
640	Thiết bị phun bao phim Vangaurd	Cái	1	Mỹ	Vangaurd	2015
641	Thiết bị tầng sôi mini Uniglatt	Cái	1	Đức	Uniglatt	2004
642	Thiết bị xử lý mẫu bằng phương pháp chiết pha lỏng-lỏng	Cái	1	Đức/Mỹ/TQ	3006, GFL - Đức	2014
643	Thùng pha chế Inox 1000l ZX-152	Cái	1	Việt Nam	ZX-152	2016
644	Trụ quay Rota-Rod 7650 Ugo basile	Cái	1	Italia	Rota-Rod 7650 Ugo basile	2003
645	Tủ âm 50 TA Vietronic	Cái	1	VN	50 TA Vietronic	2005
646	Tủ âm 53 lít BD53 Binder	Cái	4	Đức	BD53 Binder	2005
647	Tủ âm CO2 (MCO-18AC-PB) Panasonic (520-526NSADBTW)	Cái	2	Nhật	(MCO-18AC-PB) Panasonic	2015
648	Tủ âm CO2 MCO15AC Sanyo	Cái	1	Nhật	MCO15AC Sanyo	2004

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
649	Tủ ấm điều nhiệt và phụ kiện (b.gồm máy nghiền đồng thể)	Cái	1	Đức	INE500	2010
650	Tủ ấm Memmert	Cái	1	Đức	Memmert E500	2000
651	Tủ ấm Memmert	Cái	2	Đức	Memmert E500	2006
652	Tủ ấm Memmert BE-500	Cái	1	Đức	Memmert BE-500	1997
653	Tủ ấm MIR-262-PK Panasonic (520-526NSADBTW)	Cái	1	Nhật	MIR-262-PK Panasonic	2015
654	Tủ ấm nuôi tế bào có gắn bình CO2 MCO-15AC SANYO	Cái	1	Nhật Bản	MCO-15AC SANYO	2010
655	Tủ ấm WIC 50	Cái	4	Hàn Quốc	WIG 50	2008
656	Tủ bảo quản chất chuẩn, chất đối chiếu Haier HYC-940	Cái	1	Trung Quốc	Haier HYC-940	2014
657	Tủ bảo quản mẫu MPR-406	Cái	1	Trung Quốc	MPR-406	2017
658	Tủ đá Gelin Electric	Cái	1	Đài Loan	Gelin Electric	2010
659	Tủ hút UNIL@B FH1300	Cái	1	Trung Quốc	UNIL@B FH1300	2012
660	Tủ hotte và hệ thống xử lý khí đi kèm HH01XL2	Cái	2	Việt Nam	HH01XL2	2014
661	Tủ hút (hood) Unilab B1200	Cái	1	Malaysia	Unilab B1200	2011
662	Tủ lạnh -30*C MDF-U333 SANYO	Cái	1	Nhật Bản	MDF-U333 SANYO	2010
663	Tủ lạnh âm -86 độ C(500l)MDF-594-PB Panasonic 520-526NSADBTW	Cái	1	Nhật	MDF-594-PB Panasonic	2015
664	Tủ lạnh âm sâu 80 độ MR-HV-80-200	Cái	2	Trung Quốc	HV-80-200	2011

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
665	Tủ lạnh bảo quản mẫu Alaska IF21	Cái	5	Việt Nam	Alaska IF21	2014
666	Tủ lạnh bảo quản mẫu Haier HYC-390	Cái	1	Trung Quốc	Haier HYC-390	2016
667	Tủ lạnh MDF 236 Sanyo	Cái	1	Nhật	MDF 236 Sanyo	2005
668	Tủ lạnh sâu 58T-560L Denver	Cái	1	Việt Nam	58T-560L Denver	2010
669	Tủ lạnh sâu bảo quản mẫu sinh học Haier DW-86W420	Cái	1	Trung Quốc	Haier DW-86W420	2014
670	Tủ lạnh sâu Deep Preezer Unioryo Gss	Cái	1	Đức	Deep Preezer Unioryo Gss	2002
671	Tủ lạnh sâu MDF C8V	Cái	1	Nhật Bản	MDF C8V	2008
672	Tủ lạnh sâu MDF SANYO và hệ thống cung cấp nguồn điện	Cái	1	Nhật Bản	MDFS ANYO	2010
673	Tủ lạnh sâu MDF -U333	Cái	1	Nhật Bản	MDF -U333	2009
674	Tủ nuôi cấy vi sinh (520-526NSADBTW)	Cái	1	Hàn Quốc	Wir 150, Daihan Scientific	2015
675	Tủ nuôi cấy vi sinh Biobase, BSC-1300IIA2-X	Cái	1	Trung Quốc	Biobase, BSC-1300IIA2-X	2013
676	Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore) 520-526NSADBTW	Cái	3	Indonesia	SC2-4A1 (Esco-Singapore)	2015
677	Tủ pha chế vô khuẩn Biobase, BSC-1500IIIX	Cái	1	Trung Quốc	Biobase, BSC-1500IIIX	2013
678	Tủ sấy 05-80 TS Vietronic	Cái	2	VN	05-80 TS Vietronic	2005
679	Tủ sấy 100L DAIHAN Scientific WOF-105	Cái	1	Hàn Quốc	DAIHAN Scientific WOF-105	2012
680	Tủ sấy 150 lít Daihan Scientific, WOF-155	Cái	1	Hàn Quốc	Daihan Scientific, WOF-155	2013

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
681	Tủ sấy chân	Cái	1	Hàn Quốc		2009
682	Tủ sấy chân không	Cái	1	Hàn Quốc	WOV-70	2008
683	Tủ sấy chân không Heraeus VTR-5022	Cái	1	Đức	Heraeus VTR-5022	1986
684	Tủ sấy chân không LVO 2040 Daihan Labtech (520-526NSADBTW)	Cái	2	Hàn Quốc	LVO 2040 Daihan Labtech	2015
685	Tủ sấy chân không Shelab 1430	Cái	2	Mỹ	Shelab 1430	2000
686	Tủ sấy chân không WOV-70	Cái	1	Hàn Quốc	WOV-70	2010
687	Tủ sấy chân không WOV-70	Cái	1	Hàn Quốc	WUC-A22	2010
688	Tủ sấy để bàn	Cái	2	Hàn Quốc	WoV-105	2008
689	Tủ sấy để bàn Memmert	Cái	2	Đức	Memmert	2006
690	Tủ sấy để bàn Shelab hiện số 1350 GX	Cái	1	Mỹ	Shelab 1350 GX	2000
691	Tủ sấy để bàn ULM 500 Memmert	Cái	2	Đức	ULM 500 Memmert	2002
692	Tủ sấy để bàn WISEVEN	Cái	3	Hàn Quốc	WISEVEN	2008
693	Tủ sấy để bàn WOF -105 Daihan	Cái	2	Hàn Quốc	WOF -105 Daihan	2010
694	Tủ sấy dt lớn ULM 800 Memmert	Cái	1	Thụy sĩ	ULM 800 Memmert	2002
695	Tủ sấy dt nhỏ ULM 500 Memmert	Cái	1	Thụy sĩ	ULM 500 Memmert	2002
696	Tủ sấy dung tích 1000l	Cái	2	Mỹ	FX282	2009
697	Tủ sấy ED 115 Binder	Cái	4	Đức	ED 115 Binder	2005
698	Tủ sấy Heraeus T5050	Cái	2	Đức	Heraeus T5050	1986
699	Tủ sấy hiện số Shellab 1350 FX-2E	Cái	2	Mỹ	Shellab 1350 FX-2E	1999

STT	Tên Thiết Bị/ Nhóm Thiết Bị	ĐVT	SL	Hãng SX/ Nước SX	Chủng Loại (Model)	Năm đưa vào SD
700	Tủ sấy hiện số Shelaf 1350 FX-2E	Cái	2	Mỹ	Shellab 1350 FX-2E	2001
701	Tủ sấy hiện số Shelaf 1390 FX	Cái	1	Mỹ	Shelaf 1390 FX	1999
702	Tủ sấy hiện số Shellab 1260 FX-2E	Cái	1	Mỹ	Shellab 1260 FX-2E	1999
703	Tủ sấy hiện số WT-BINDER ÊP53	Cái	1	Đức	WT- BINDER ÊP53	1996
704	Tủ sấy Mammert ULM-500	Cái	1	Đức	Mammert ULM-500	1997
705	Tủ sấy Mammert UM-500	Cái	7	Đức	Mammert ULM-500	1998
706	Tủ sấy Memmert UM 400	Cái	1	Đức	Memmert ULM 400	1999
707	Tủ sấy Memmert UM 500 Đức	Cái	2	Đức	Memmert UM 500 Đức	2004
708	Tủ sấy Memmert UN110	Cái	2	Đức	Memmert UN110	2017
709	Tủ sấy UM 500 Memmert	Cái	3	Đức	Memmert ULM 500	2003
710	Tủ vi khí hậu	Cái	1	Đức		2004
711	Tủ vi khí hậu Climacell Deayang TH-180S	Cái	2	Đức	Climacell Deayang TH-180S	2014
712	Tủ vi khí hậu mức 2 5800RHSHP (Contherm) (520-526NSADBTW)	Cái	1	Đức	5800RHSHP	2015
713	Tủ vô trùng (dự án 05)	Cái	1	Đức		2002

2.1.3. Thư viện và học liệu

Trường có 01 thư viện (với diện tích 663m², gồm 02 phòng nghiệp vụ, 01 phòng sinh hoạt khoa học chuyên môn dành cho học viên sau đại học, 01 phòng đọc mở, 02 kho tham khảo và 2 phòng tự học, 01 kho giáo trình).

Hiện nay, thư viện có 04 VC (01 Thạc sĩ và 02 cử nhân chuyên ngành Thông tin thư viện, 01 cử nhân chuyên ngành dân tộc học đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện).

Về học liệu, tính đến Tháng 8/2019, Thư viện đã được trang bị 27.284 tài liệu tham khảo chuyên ngành Dược, y học và hóa học trong đó bao gồm 14.343 tài liệu bản giấy và 12.941 tài liệu số. Thư viện hiện đang lưu 6.757 cuốn luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, luận văn chuyên khoa và khóa luận, 4 đầu tạp chí chuyên ngành Dược trong nước, 19 đầu tạp chí ngoại văn chuyên ngành dược học. Thư viện đã xây dựng được bộ CSDL bài trích tạp chí tiếng Việt với 56.153 bài.

Với cơ sở vật chất và nguồn học liệu như trên, Thư viện hoàn toàn đáp ứng nhu cầu đào tạo cho chuyên ngành cử nhân hóa dược.

Danh mục các học liệu chính liên quan đến chuyên ngành đào tạo cử nhân hóa dược được trình bày trong bảng 2.8 sau:

Bảng 2.8. Danh mục học liệu phục vụ cho các học phần/môn học dự kiến trong Chương trình đào tạo cử nhân hóa dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
1	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Bộ môn Mác-Lênin
2	Giáo trình Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2006	1 bản (LC17000173)	Bộ môn Mác-Lênin
3	Văn kiện Đảng toàn tập	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia		92 bản	Bộ môn Mác-Lênin
4	Hồ Chí Minh toàn tập	Ban Bí thư Trung ương Đảng	Chính trị Quốc gia	2000	1 bản	Bộ môn Mác-Lênin

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
		Cộng sản Việt Nam				
5	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2016	1 bản (LC17000150)	Bộ môn Mác-Lênin
6	Giáo trình triết học Mác Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2006	1 bản (LC17000149)	Bộ môn Mác-Lênin
7	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hội đồng Trung ương	Chính trị Quốc gia	2003	1 bản (LC17000145)	Bộ môn Mác-Lênin
8	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Hội đồng Trung ương	Chính trị Quốc gia	1999	1 bản (LC17000146)	Bộ môn Mác-Lênin
9	Giáo trình Tư tưởng HCM	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Bộ môn Mác-Lênin
10	Giáo trình Tư tưởng HCM	Hội đồng Trung ương	Chính trị Quốc gia	2003	1 bản (LC17000148)	Bộ môn Mác-Lênin
11	Tâm lý học: y học-y đức	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Giáo dục	2010	1 bản (LC17000140)	Bộ môn Mác-Lênin
12	Giáo trình Tâm lý đạo đức y học	Phạm Thị Minh Đức	Giáo dục	2012	1 bản	Bộ môn Mác-Lênin
13	Tâm lý học y học	Nguyễn Văn Nhận	Y học	2006	3 bản (LC17000158 VN18001547 VN09001336)	Bộ môn Mác-Lênin
14	Lịch sử triết học	Nguyễn Hữu Vui	Chính trị Quốc gia	1998	1 bản (LC17000144)	Bộ môn Mác-Lênin
15	New Cutting Edge: Pre- Intermediate (Student's book)	Sarah Cunningham, Peter Moor	Pearson	2005	1 bản (VV18001985)	Ngoại ngữ
16	New Cutting Edge: Pre- Intermediate and	Sarah Cunningham	Pearson	2005	1 bản	Ngoại ngữ

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
	Intermediate (Student's book)	m, Peter Moor				
17	New Cutting Edge: Intermediate (Student's book)	Sarah Cunningham, Peter Moor	Pearson	2005	1 bản (VV1800198)	Ngoại ngữ
18	Oxford learner's grammar	John Eastwood	Oxford University Press	2005	1 bản	Ngoại ngữ
19	Basic English Grammar	Thomas Kurchever Arnold	Goodwill Publishing House		1 bản	Ngoại ngữ
20	English grammar	Peter Collins & Carmella Hollo	Palgrave Macmillan	2010	1 bản	Ngoại ngữ
21	A text-based ESP course for Pharmacy Students	Bộ môn Ngoại ngữ - ĐHDHN	ĐHDHN	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Ngoại ngữ chuyên ngành
22	IELTS strategies and tips	Lin Lougheed	Barron's	2006	1 bản	Ngoại ngữ chuyên ngành
23	Effective Presentation	Jeremy Comfort	Oxford University Press	1997	1 bản	Ngoại ngữ chuyên ngành
24	Comprehensive Pharmacy Review	Leon Shargel, Alan H. Mutnick,...	Lippincott Williams & Wilkins	1997	4 bản (L18002165 L08001766 LY17000148-149)	Ngoại ngữ chuyên ngành
25	Managing Drug Supply, 2 nd edition	Jonathan D. Quick	Kumarian Press	1997	3 bản (L17002162 L09002000 L08001251)	Ngoại ngữ chuyên ngành
26	IELTS Reading strategies for the IELTS test	Trần Vệ Đông	Tổng hợp Tp.HCM	2007	1 bản	Ngoại ngữ chuyên ngành

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
27	Reading for IELTS (4.5 - 6.0)	Sam McCarter, Norman Whitby	Macmillan	2014	1 bản (VV1800198)	Ngoại ngữ chuyên ngành
28	Reading for IELTS (6.0-7.5)	Jane Short	Macmillan	2014	1 bản (VV1800198)	Ngoại ngữ chuyên ngành
29	Oxford learner's grammar	John Eastwood	Oxford University Press	2005	1 bản	Ngoại ngữ chuyên ngành
30	Bóng chuyền - bóng rổ		Thể dục Thể thao	1996	1 bản	Giáo dục thể chất
31	Luật bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển		Thể dục Thể thao	2015	1 bản	Giáo dục thể chất
32	Luật thi đấu bóng rổ		Thể dục Thể thao	2015	1 bản	Giáo dục thể chất
33	Giáo trình cầu lông		Thể dục Thể thao	2015	1 bản	Giáo dục thể chất
34	Luật thi đấu cầu lông		Thể dục Thể thao	2015	1 bản	Giáo dục thể chất
35	Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh (dùng cho sinh viên các trường ĐH, CĐ), Tập 1	Đào Huy Hiệp và CS	Giáo dục	2013	Sách bán tại kho GT	Giáo dục quốc phòng – an ninh
36	Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh (dùng cho sinh viên các trường ĐH, CĐ), Tập 2	Nguyễn Đức Đăng và CS	Giáo dục	2013	Sách bán tại kho GT	Giáo dục quốc phòng – an ninh
37	Giáo án Huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, Tập 1	Bộ tổng tham mưu - Cục quân huấn	Quân đội nhân dân	2012	1 bản	Giáo dục quốc phòng – an ninh
38	Giáo án Huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, Tập 2	Bộ tổng tham mưu -	Quân đội nhân dân	2012	1 bản	Giáo dục quốc phòng – an ninh

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
		Cục quân huấn				
39	Tài liệu huấn luyện súng B41	Bộ tổng tham mưu - Cục quân huấn	Quân đội nhân dân	2015	1 bản	Giáo dục quốc phòng – an ninh
40	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng đại học, cao đẳng (Sách giáo viên)		Giáo dục	2005	1 bản	Giáo dục quốc phòng – an ninh
41	Điều lệnh đội ngũ Quân đội nhân dân Việt Nam	Cục Quân huấn- Bộ tổng tham mưu	Quân đội nhân dân	2008	1 bản	Giáo dục quốc phòng – an ninh
42	Sách dạy sử dụng súng tiểu liên AK	Cục Quân huấn- Bộ tổng tham mưu	Quân đội nhân dân	2003	1 bản	Giáo dục quốc phòng – an ninh
43	Tin học cơ sở	Tổ môn Tin học – Trường ĐHDHN, Thái Nguyễn Hùng Thu (cb.)	ĐHDHN	2005	Sách bán tại kho Giáo trình	Tin học
44	Ứng dụng tin học trong một số công tác được	Tổ môn Tin học – Trường ĐHDHN, Thái Nguyễn Hùng Thu (cb.)	ĐHDHN	2005	1 bản (LC17000022)	Tin học
45	Một số câu hỏi trắc nghiệm tin học	Tổ môn Tin học – Trường	ĐHDHN	2012	Sách bán tại kho Giáo trình	Tin học

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
		ĐHĐHN. Thái Nguyễn Hùng Thu (cb.)				
46	Giáo trình thực hành Microsoft Word: dùng cho các phiên bản	Phạm Quang Hiến, Phạm Phương Hoa	Thanh Niên	2016	1 bản (VN1700152)	Tin học
47	Giáo trình tin học đại cương	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế quốc dân	2012	1 bản (VN1700152)	Tin học
48	Giáo trình tin học ứng dụng	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế quốc dân	2012	1 bản (VN17001521)	Tin học
49	Toán học cao cấp	Nguyễn Đình Thành	Y học	2008	1 bản (VV0800169)	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
50	Xác suất và thống kê	Bộ môn Toán – Tin – Trường ĐHĐHN, Nguyễn Phan Dũng (cb.)	Y học	2018	Sách bán tại kho Giáo trình	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
51	Toán học cao cấp: Đại số và hình học giải tích, Tập 1	Nguyễn Đình Trí (cb.)	Giáo dục	2000	1 bản (LC17000161)	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
52	Toán học cao cấp: Phép tính giải tích một biến số, Tập 2	Nguyễn Đình Trí (cb.)	Giáo dục	2005	1 bản (LC17000162)	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
53	Toán học cao cấp: Phép tính giải tích nhiều biến số, Tập 3	Nguyễn Đình Trí (cb.)	Giáo dục	2001	1 bản (LC17000163)	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
54	Bài tập toán học cao cấp: Đại số và hình học giải tích, Tập 1	Nguyễn Đình Trí (cb.)	Giáo dục	2002	1 bản (LC17000165)	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
55	Bài tập toán học cao cấp: Phép tính giải tích một biến số, Tập 2	Nguyễn Đình Trí (cb.)	Giáo dục	2002	1 bản (LC17000166)	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
56	Bài tập toán học cao cấp: Phép tính giải tích nhiều biến số, Tập 3	Nguyễn Đình Trí (cb.)	Giáo dục	2002	1 bản (LC17000167)	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
57	Bài tập giải tích toán học, Tập 1	B.P.Đêmidôvic	Đại học và Trung học chuyên nghiệp	1975	1 bản	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
58	Bài tập giải tích toán học, Tập 2	B.P.Đêmidôvic	Đại học và Trung học chuyên nghiệp	1975	1 bản	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
59	Thống kê trong nghiên cứu y học, Tập 1	Ngô Như Hòa	Y học	1981	1 bản	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
60	Thống kê trong nghiên cứu y học, Tập 2	Ngô Như Hòa	Y học	1982	1 bản	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
61	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	1 bản (LC17000155)	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm
62	Bài tập lý thuyết xác suất và thống kê toán	Hoàng Hữu Như	Đại học và Trung học chuyên nghiệp	1976	1 bản	Toán thống kê và quy hoạch thực nghiệm

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
63	Vật lý đại cương (dùng cho đào tạo dược sĩ đh)	Phạm Thị Cúc, Tạ Văn Tùng (cb.)	Giáo dục	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Vật lý
64	Thực tập vật lý	BM Vật lý-Hóa lý – Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Vật lý
65	Vật lý đại cương, tập 1	Lương Duyên Bình	Giáo dục	2017	1 bản (VN1800153)	Vật lý
66	Vật lý đại cương, tập 2	Lương Duyên Bình	Giáo dục	2016	1 bản (VN1800153)	Vật lý
67	Vật lý đại cương, tập 2	Lương Duyên Bình	Giáo dục	2015	1 bản (VN1800154)	Vật lý
68	Bài tập Vật lý đại cương, tập 1	Lương Duyên Bình	Giáo dục	2016	1 bản (VN1800153)	Vật lý
69	Bài tập Vật lý đại cương, tập 2	Lương Duyên Bình	Giáo dục	2014	1 bản (VN1800153)	Vật lý
70	Bài tập Vật lý đại cương, tập 3	Lương Duyên Bình	Giáo dục	2014	1 bản (VN1800153)	Vật lý
71	Fundamentals of physics -extended, 10 th edition	David Haliday, Robert Resnick, Jearl Walker	Wiley	2014	Ebook	Vật lý
72	University physics with modern physics, 13th edition	Hugh D. Young, Roger A. Freedman	Pearson	2012	Ebook	Vật lý

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
73	Giáo trình kỹ thuật phân tích vật lý	Phạm Ngọc Nguyên	Khoa học kỹ thuật	2017	1 bản (VN1800199)	Vật lý
74	Vật lý chất rắn	Nguyễn Thế Khôi	Giáo dục	1992	1 bản	Vật lý
75	Materials Science and Engineering: An Introduction, 7 th edition	Callister Jr W.D.	Wiley	2007	Ebook	Vật lý
76	Hóa đại cương vô cơ, Tập 1	Lê Thành Phước (cb.)	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa đại cương
77	Hóa đại cương vô cơ, Tập 2	Lê Thành Phước (cb.)	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa đại cương
78	Thực tập hóa đại cương – vô cơ	Lê Thành Phước (cb.)	ĐHĐHN	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa đại cương
79	Hóa học vô cơ, tập 1: Lý thuyết đại cương về hóa học	Hoàng Nhâm	Giáo dục	2003	4 bản (VV18001617-1620)	Hóa đại cương
80	Hóa học vô cơ, tập 2: Các nguyên tố hóa học điển hình	Hoàng Nhâm	Giáo dục	2003	4 bản (VV18001621-1624)	Hóa đại cương
81	Hóa học vô cơ, tập 3: Các nguyên tố chuyển tiếp	Hoàng Nhâm	Giáo dục	200	4 bản (VV18001625-1628)	Hóa đại cương
82	Hóa lí I: Nguyên tử và liên kết hóa học từ lý thuyết đến ứng dụng	Đào Đình Thức	KHKT	2002	1 bản (VV1800200)	Hóa đại cương
83	Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học	Vũ Đăng Độ	Giáo dục	2016	1 bản (VV1800200)	Hóa đại cương
84	Physical pharmacy: Physical Chemical Principles in the pharmaceutical Sciences, 4 th edition	Alfred Martin	Lippincott Williams & Wilkins	1993	2 bản (L08001508-1509)	Hóa đại cương
85	Chemical Principles, 6 th edition	Steven S.Zumdahl	Houghton Mifflin Company	2009	ebook	Hóa đại cương

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
86	General chemistry, 9th editon	Darrell D. Ebbing, Steven D. Gammon	Houghton Mifflin Company	2009	ebook	Hóa đại cương
87	Hóa đại cương vô cơ, Tập 1	Lê Thành Phước (cb.)	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa vô cơ
88	Hóa đại cương vô cơ, Tập 2	Lê Thành Phước (cb.)	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa vô cơ
89	Thực tập hóa đại cương – vô cơ	Lê Thành Phước (cb.)	ĐHĐHN	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa vô cơ
90	Hóa học vô cơ, tập 1: Lý thuyết đại cương về hóa học	Hoàng Nhâm	Giáo dục	2003	4 bản (VV18001617-1620)	Hóa vô cơ
91	Hóa học vô cơ, tập 2: Các nguyên tố hóa học điển hình	Hoàng Nhâm	Giáo dục	2003	4 bản (VV18001621-1624)	Hóa vô cơ
92	Hóa học vô cơ, tập 3: Các nguyên tố chuyển tiếp	Hoàng Nhâm	Giáo dục	200	4 bản (VV18001625-1628)	Hóa vô cơ
93	Hóa lí I: Nguyên tử và liên kết hóa học từ lý thuyết đến ứng dụng	Đào Đình Thức	KHKT	2002	1 bản (VV18002003)	Hóa vô cơ
94	Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học	Vũ Đăng Độ	Giáo dục	2016	1 bản (VV18002002)	Hóa vô cơ
95	Physical pharmacy: Physical Chemical Principles in the pharmaceutical Sciences, 4 th edition	Alfred Martin	Lippincott Williams & Wilkins	1993	2 bản (L08001508-1509)	Hóa vô cơ
96	Chemical Principles, 6 th edition	Steven S.Zumdahl	Houghton Mifflin Company	2009	ebook	Hóa vô cơ
97	General chemistry, 9th editon	Darrell D. Ebbing, Steven D. Gammon	Houghton Mifflin Company	2009	ebook	Hóa vô cơ

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
98	Sinh học đại cương	Cao Văn Thu (cb.)	Giáo dục	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Sinh học
99	Thực tập sinh học	Bộ môn Vi sinh & Sinh học – Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Sinh học
101	Sinh học đại cương, Tập 1: Sinh học phân tử – tế bào	Hoàng Đức Cự	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	1 bản (LC17000156)	Sinh học
102	Sinh học đại cương, Tập 2: Sinh học cơ thể thực vật	Hoàng Đức Cự	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	1 bản (LC17000157)	Sinh học
103	Tế bào học	Nguyễn Như Hiền	Đại học Quốc gia	2009	1 bản (VV1800154)	Sinh học
104	Cơ sở di truyền học	Lê Đình Lương	Giáo dục	2000	1 bản (VV0800087)	Sinh học
105	Sinh học, Tập 1	W.D. Phillips	Giáo dục	2002	5 bản (VV08001837-1841)	Sinh học
106	Sinh học, Tập 2	W.D. Phillips	Giáo dục	2006	5 bản (VV08001842-1846)	Sinh học
107	Essential cell biology, 4th edition	Alberts B., Bray D., Hopkin K., et al	Garland Science	2014	ebook	Sinh học
108	Essential histology	Cormack D.H.	Lippincott William & Wilkins	1997	4 bản (L08001633 – 1634 LY17000251 LY17000874)	Sinh học
109	Molecular cell biology, 7th edition,	Lodish H., Berk A. Kaiser C.A. et al	W.H. Freeman	2013	ebook	Sinh học

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
110	Molecular biology of the cell, 6 th edition	B.Alberts, A.Johnson, J. Lewis, et al	Garland Science	2015	ebook	Sinh học
111	Campbell's biology , 10th edition	Reece J.B., Urry L.A., Cain M.L., et al	Pearson	2014	ebook	Sinh học
112	Giáo trình pháp luật đại cương	Nguyễn Hữu Viện	Giáo dục	1998	1 bản (VN0800079)	Pháp luật đại cương
113	Sinh lý bệnh và miễn dịch (phần sinh lý bệnh học)	Bộ Y tế	Y học	2015	1 bản (VV1800197)	Sinh lý bệnh – Miễn dịch
114	Sinh lý bệnh và miễn dịch (phần miễn dịch học)	Bộ y tế	Y học	2011	1 bản	Sinh lý bệnh – Miễn dịch
115	Sinh lý bệnh (dùng cho đào tạo cử nhân điều dưỡng)	Bộ y tế	Giáo dục	2015	1 bản (VV1700193)	Sinh lý bệnh – Miễn dịch
116	Miễn dịch học	Trường Đại học Y Hà Nội	Y học	2003	1 bản (VV0800104)	Sinh lý bệnh – Miễn dịch
117	Miễn dịch học	Mai Văn Điền	Y học	2009	1 bản	Sinh lý bệnh – Miễn dịch
118	Robbins & Cotran Pathologic basis of disease, 9th edition	Vinay Kumar, Abul K. Abbas, Jon C. Aster	Elsevier	2015	ebook	Sinh lý bệnh – Miễn dịch
119	Pathophysiology of disease: an introduction to clinical medicine, 7th edition.	Gary D.Hammer, Stephen J. Mcphee	Mc Graw-Hill	2014	ebook	Sinh lý bệnh – Miễn dịch
120	Giải phẫu sinh lý người	Bộ y tế	Giáo dục	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Giải phẫu – Sinh lý bệnh

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
121	Thực tập sinh lý	Bộ môn Y học cơ sở - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
122	Sinh lý học (sách đào tạo bác sỹ đa khoa)	Bộ Y tế	Y học	2017	1 bản (VV1700193)	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
123	Giải phẫu người	Trường Đại học Y Hà Nội	Y học	2017	1 bản (VV1800197)	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
124	Bài giảng Giải phẫu học, Tập 1	Đại học Y Dược TP. HCM	Y học	2017	1 bản (VV1800197)	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
125	Bài giảng Giải phẫu học, Tập 2	Đại học Y Dược TP. HCM	Y học	2017	1 bản (VV1800197)	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
126	Sinh lý học y khoa	Đại học Y Dược TP. HCM	Y học	2016	1 bản (VV1700193)	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
127	Giáo trình thực tập sinh lý học	Bộ môn sinh lý học - Trường Đại học Y Dược TP.HCM	Y học	2013	1 bản (VV1700193)	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
128	Guyton & Hall Textbook of medical physiology, 13 th edition	John E. Hall	Elsrvier	2016	ebook	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
129	Human anatomy, 3rd edition	Michael McKinley, Valerie Dean O'Loughlin	McGraw-Hill	2012	ebook	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
130	Fundamentals of human physiology, 4th edition	Lauralee Sherwood	Cengage Learning	2012	ebook	Giải phẫu – Sinh lý bệnh

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
131	Human anatomy and physiology, 7th edition	Elaine N.Marieb, Katja Hoehn	Pearson	2007	ebook	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
132	Ganong's Review of Medical Physiology, 24 th edition	Kim E. Barret et al	McGraw-Hill	2012	ebook	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
133	Principles of anatomy & physiology, 13th edition	Gerard J. Tortora, Bryan Derrickson	Wiley	2012	ebook	Giải phẫu – Sinh lý bệnh
134	Câu hỏi trắc nghiệm hóa hữu cơ	Nguyễn Quang Đạt, Đinh Thị Thanh Hải (cb.)	Y học	2018	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa hữu cơ 1
135	Cơ sở Hóa học hữu cơ, T1	Thái Doãn Tĩnh	KHKT	2009	2 bản (VV11001893 KM11000968)	Hóa hữu cơ 1
136	Cơ sở Hóa học hữu cơ, T2	Thái Doãn Tĩnh	KHKT	2006	2 bản (VV11001894 KM11000969)	Hóa hữu cơ 1
137	Cơ sở Hóa học hữu cơ, T3	Thái Doãn Tĩnh	KHKT	2008	2 bản (VV11001895 KM11000970)	Hóa hữu cơ 1
138	Hóa học hữu cơ, T1	Nguyễn Hữu Đĩnh (cb.)	Giáo dục	2014	1 bản (VV1800194)	Hóa hữu cơ 1
139	Hóa học hữu cơ, T2	Đỗ Đình Răng (cb.)	Giáo dục	2015	1 bản (VV1800194)	Hóa hữu cơ 1
140	Hóa học hữu cơ, T3	Đỗ Đình Răng (cb.)	Giáo dục	2013	1 bản (VV1800194)	Hóa hữu cơ 1
141	Organic chemistry, 10th edition	F. Carey, R. Giuliano	McGraw-Hill	2017	ebook	Hóa hữu cơ 1
142	Organic chemistry, 9th edition	John McMurry	Cengage Learning	2016	ebook	Hóa hữu cơ 1

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
143	Laboratory experiments for introduction to general, organic and biochemistry, 7 th edition	F.A. Bettelheim	Cengage Learning	2010	ebook	Hóa hữu cơ 1
144	Hóa học hữu cơ, tập 1	Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt (cb.)	Y học	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa hữu cơ 2
145	Hóa học hữu cơ, tập 2	Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt (cb.)	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa hữu cơ 2
146	Thực tập Hóa hữu cơ	Bộ môn Hóa hữu cơ – Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa hữu cơ 2
147	Câu hỏi trắc nghiệm hóa hữu cơ	Nguyễn Quang Đạt, Đinh Thị Thanh Hải (cb.)	Y học	2018	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa hữu cơ 2
148	Hóa học hữu cơ, Tập 1	Đặng Như Tại, Ngô Thị Thuận	Giáo dục	2016	1 bản (VV1800194)	Hóa hữu cơ 2
149	Hóa học hữu cơ, Tập 2	Đặng Như Tại, Ngô Thị Thuận	Giáo dục	2016	1 bản (VV1800194)	Hóa hữu cơ 2
150	Hóa học hữu cơ, T1	Nguyễn Hữu Đĩnh (cb.)	Giáo dục	2014	1 bản (VV1800194)	Hóa hữu cơ 2
151	Hóa học hữu cơ, T2	Đỗ Đình Răng (cb.)	Giáo dục	2015	1 bản (VV1800194)	Hóa hữu cơ 2

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
152	Hóa học hữu cơ, T3	Đỗ Đình Răng (cb.)	Giáo dục	2013	1 bản (VV1800194)	Hóa hữu cơ 2
153	Organic chemistry, 10th edition	F. Carey, R. Giuliano	McGraw-Hill	2017	ebook	Hóa hữu cơ 2
154	Organic chemistry, 9th edition	John McMurry	Cengage Learning	2016	ebook	Hóa hữu cơ 2
155	Laboratory experiments for introduction to general, organic and biochemistry, 7 th edition	F.A. Bettelheim	Cengage Learning	2010	ebook	Hóa hữu cơ 2
156	Vogel's Textbook of practical organic chemistry, 5th edition	Arthur Israel Vogel	Longman	1989	ebook	Hóa hữu cơ 2
157	Hóa lý dược	Phạm Ngọc Bùng (cb.)	Y học	2014	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa lý dược
158	Giáo trình Hóa lí, Tập 1	Nguyễn Đình Huệ	Giáo dục	2012	1 bản (VV1800153)	Hóa lý dược
159	Giáo trình Hóa lí, Tập 2	Nguyễn Đình Huệ	Giáo dục	2012	1 bản (VV1800153)	Hóa lý dược
160	Hóa lí	Trần Văn Nhân	Giáo dục	2011	1 bản (VV18001992-1994 (Tập 2,3,4))	Hóa lý dược
161	Physical pharmacy: Physical Chemical Principles in the Pharmaceutical Sciences, 4th edition	Alfred Martin	Lippincott Williams & Wilkins	1993	2 bản (L08001508, L08001509)	Hóa lý dược
162	Martin's physical pharmacy and pharmaceutical sciences, 6th edition	Patrick J.Sinko	Lipincott William & Wilkins	2011	ebook	Hóa lý dược
163	Physicochemical principles of pharmacy, 5th edition	Alexander T.Florence,	Pharmaceutical Press	2011	ebook	Hóa lý dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
		David Attwood				
164	Hóa lý& hóa keo	Nguyễn Hữu Phú	KHKT	2009	2 bản (VV11001890 KM11000890)	Hóa lý dược
165	Physical chemistry	P. W. Atkins	Oxford University Press	1990	1 bản (L08001267)	Hóa lý dược
166	Hóa phân tích, Tập 1	Trần Tử An (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa phân tích 1
167	Fundamentals of analytical chemistry, 9th edition	D.A. Skoog	Cengage Learning	2014	ebook	Hóa phân tích 1
168	Hóa phân tích, Tập 2	Trần Tử An (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa phân tích 2
169	Fundamentals of analytical chemistry, 9th edition	D.A. Skoog	Cengage Learning	2014	ebook	Hóa phân tích 2
170	Quantitative chemical analysis, 8th edition	D.C Harris	W.H. Freeman and Company New York	2010	ebook	Hóa phân tích 2
171	Hóa sinh	Nguyễn Văn Rư, Nguyễn Xuân Thắng (cb.)	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa sinh
172	Lehninger Principles of Biochemistry, 7th edition	David L.Nelson, Michael M.Cox.	W.H. Freeman and Company	2017	ebook	Hóa sinh
173	Hóa sinh	Nguyễn Nghiêm Luật	Y học	2007	4 bản (KM08000092 VV080001320 -1322)	Hóa sinh

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
174	Vi sinh vật học	Cao Văn Thu (cb.)	Giáo dục	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Vi sinh – Ký sinh
175	Thực tập vi sinh - ký sinh	Bộ môn Vi sinh & Sinh học - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Vi sinh – Ký sinh
176	Vi sinh vật học, Phần 1: Thế giới vi sinh vật	Nguyễn Lâm Dũng	KHKT	2012	2 bản (VV12001915 KM12001023)	Vi sinh – Ký sinh
177	Vi sinh vật học, Phần 2: Sinh lý học, sinh hóa học, di truyền học, miễn dịch học và sinh thái học vi sinh vật	Nguyễn Lâm Dũng	KHKT	2012	2 bản (VV12001916 KM12001024)	Vi sinh – Ký sinh
178	Vi sinh y học	Bộ môn Vi sinh vật- ĐHYHN	Y học	2003	2 bản (VV08001064 -1065)	Vi sinh – Ký sinh
179	Ký sinh trùng	Lê Thị Thu Hương (cb.)	Giáo dục	2013	Sách bán tại kho Giáo trình	Vi sinh – Ký sinh
180	Ký sinh trùng	Kiều Khắc Đôn	ĐHDHN	2004	Sách bán tại kho Giáo trình	Vi sinh – Ký sinh
181	Ký sinh trùng y học	Bộ môn Ký sinh trùng - ĐHYHN	Y học	2001	1 bản (VV0800106)	Vi sinh – Ký sinh
182	Ký sinh trùng và côn trùng y học nhiệt đới	Bộ môn Ký sinh trùng – Trường ĐH Y khoa Thái Bình	Y học	2007	1 bản (VV1800200)	Vi sinh – Ký sinh
183	Dược lý học, Tập 1	Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (cb.)	Y học	2007	2 bản (VV08001356, 1358)	Dược động học

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
184	Dược lý học, Tập 2	Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho giáo trình	Dược động học
185	Thực tập dược lý	Bộ môn Dược lý - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2016	Sách bán tại kho giáo trình	Dược động học
186	Dược động học: Những kiến thức cơ bản	Hoàng Thị Kim Huyền (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho giáo trình	Dược động học
187	Introduction to pharmacokinetics and pharmacodynamics: The Quantitative basis of drug therapy	Thomas L. Tozer, Malcolm Rowland	Lipincott William & Wilkins	2006	1 bản (L09002005)	Dược động học
188	Applied Clinical pharmacokinetics, 3rd edition	Larry A. Baurer	McGraw-Hill	2014	1 bản (L18002183)	Dược động học
189	Dược lâm sàng	Hoàng Thị Kim Huyền (cb.)	Y học	2011	1 bản (LC17000106)	Dược động học
190	Dược động học lâm sàng	Trần Thị Thu Hằng	Phuong Đông	2008	1 bản (Mượn BM)	Dược động học
191	Clinical pharmacokinetics: Concepts and Applications, 3rd edition	Malcolm Rowland, Thomas L. Tozer	Lippincott William & Wilkins	1995	1 bản (L09002006)	Dược động học
192	Nghiên cứu phát triển thuốc mới	Nguyễn Hải Nam	ĐHDHN	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Nghiên cứu phát triển thuốc mới
193	An Introduction to Medicinal Chemistry, 5th edition	Graham L. Patrick	Oxford University Press.	2013	ebook	Nghiên cứu phát triển thuốc mới
194	The Practice of Medicinal Chemistry, 2nd edition	Camille G. Wermuth	Academic Press	2003	1 bản (L08001733)	Nghiên cứu phát triển thuốc mới

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
195	Hóa dược, tập 1	Trần Đức Hậu (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Nghiên cứu phát triển thuốc mới
196	Hóa dược, tập 2	Trần Đức Hậu (cb.)	Y học	2014	Sách bán tại kho Giáo trình	Nghiên cứu phát triển thuốc mới
197	Hóa dược, tập 1	Trần Đức Hậu (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa dược 1
198	Hóa dược, tập 2	Trần Đức Hậu (cb.)	Y học	2014	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa dược 1
199	Dược điển Việt Nam V, tập 1 & 2	Bộ y tế	Y học	2017	2 bản (VV18001978-1979 KM18001099-1100)	Hóa dược 1
200	Dược lý học	Trường ĐH YHN	Y học	2001	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa dược 1
201	Wilson and Gisvold's textbook of organic medicinal and pharmaceutical chemistry, 10th edition	J.N.Delgado, WA. Remers	Lippincott William & Wilkins	1998	1 bản	Hóa dược 1
202	Harrison's Principles of Internal Medicine, 19th edition	Dennis L. Kasper, Anthony S. Fauci, Stephen L. Hauser,...	McGraw-Hill	2015	ebook	Hóa dược 1
203	Goodman & Gilman's The Pharmacological Basis of Therapeutics, 13th edition	Laurence L. Brunton	McGraw-Hill	2018	1 bản (L18002173)	Hóa dược 1
204	Remington: The science and practice of pharmacy, 22th edition	The Philadelphia College of Pharmacy	Philadelphia Press	2013	1 bản (L12002132-2133)	Hóa dược 1

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
205	British Pharmacopoeia	The Stationery Office	The Stationery Office	2016	ebook	Hóa dược 1
206	The United states pharmacopeia 38/ The national formulary 33	United States Pharmacopoeial Convention	United Book Press, Inc.	2015	ebook	Hóa dược 1
207	Thực tập hóa dược	Thái Duy Thìn (cb.)	ĐHĐHN	2018	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa dược 1
208	Hóa dược, tập 1	Trần Đức Hậu (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa dược 2
209	Hóa dược, tập 2	Trần Đức Hậu (cb.)	Y học	2014	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa dược 2
210	Dược điển Việt Nam V, tập 1 & 2	Bộ y tế	Y học	2017	2 bản (VV18001978-1979 KM18001099-1100)	Hóa dược 2
211	Dược lý học	Trường ĐHYHN	Y học	2001	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa dược 2
212	Wilson and Gisvold's textbook of organic medicinal and pharmaceutical chemistry, 10th edition	J.N.Delgado, WA. Remers	Lippincott William & Wilkins	1998	1 bản	Hóa dược 2
213	Harison's Principles of Internal Medicine, 19th edition	Dennis L. Kasper, Anthony S. Fauci, Stephen L. Hauser,...	McGraw-Hill	2015	ebook	Hóa dược 2
214	Goodman & Gilman's The Pharmacological Basis of Therapeutics, 13th edition	Laurence L. Brunton	McGraw-Hill	2018	1 bản (L18002173)	Hóa dược 2

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
215	Remington: The science and practice of pharmacy, 22th edition	The Philadenph ia College of Pharmacy	Philadelp hia Press	2013	1 bản (L12002132-2133)	Hóa dược 2
216	British Pharmacopoeia	The Stationery Office	The Stationery Office	2016	ebook	Hóa dược 2
217	The United states pharmacopeia 38/ The national formulary 33	United States Pharmacop eial Convention	United Book Press, Inc.	2015	ebook	Hóa dược 2
218	Thực tập hóa dược	Thái Duy Thin (cb.)	ĐHĐHN	2018	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa dược 2
219	Kỹ thuật bào chế & sinh dược học các dạng thuốc, Tập 1	Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Bào chế
220	Kỹ thuật bào chế & sinh dược học các dạng thuốc, Tập 2	Võ Xuân Minh, Nguyễn Văn Long (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Bào chế
221	Thực tập bào chế	Bộ môn Bào chế - Trường ĐHĐHN	ĐHĐHN	2018	Sách bán tại kho Giáo trình	Bào chế
222	Bộ câu hỏi trắc nghiệm môn bào chế và sinh dược học	Bộ môn Bào chế - Trường ĐHĐHN	ĐHĐHN	2013	Sách bán tại kho Giáo trình	Bào chế
223	Pharmaceutics - Dosage Form and Design	David Jones	Pharmaceut ical Press	2008	1 bản (L08002013)	Bào chế

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
224	Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc từ dược liệu	Phạm Thị Minh Huệ (cb.)	Y học	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Bào chế
225	Kỹ thuật chế biến và bào chế thuốc cổ truyền	Bộ môn Dược học cổ truyền - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2006	Sách bán tại kho Giáo trình	Bào chế
226	Kiểm nghiệm dược phẩm	Bộ Y tế	Y học	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Kiểm nghiệm
227	Dược điển Việt Nam V, tập 1 & 2	Bộ y tế	Y học	2017	2 bản (VV18001978-1979 KM18001099-1100)	Kiểm nghiệm
228	British Pharmacopoeia	The Stationery Office	The Stationery Office	2016	ebook	Kiểm nghiệm
229	The United states pharmacopeia 38/ The national formulary 33	United States Pharmacopoeial Convention	United Book Press, Inc.	2015	ebook	Kiểm nghiệm
230	Một số quá trình và thiết bị trong công nghiệp dược phẩm	Nguyễn Đình Luyện (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa dược phẩm
231	Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm, Tập 1	Nguyễn Bin	KHKT	2013	1 bản (VN1800152)	Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa dược phẩm
232	Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm, Tập 2	Nguyễn Bin	KHKT	2013	1 bản (VN1800152)	Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa dược phẩm
233	Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa	Nguyễn Bin	KHKT	2013	1 bản (VN1800153)	Một số quá trình và thiết bị trong

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
	chất và thực phẩm, Tập 3					công nghệ hóa dược phẩm
234	Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm, Tập 4	Nguyễn Bin	KHKT	2011	1 bản (VN1800153)	Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa dược phẩm
235	Handbook of pharmaceutical granulation technology, 3rd edition	Dilip.M. Parikh	Informa Healthcare	2010	ebook	Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa dược phẩm
236	Pharmaceutical Process Scale - Up	Michael Levin	CMC Press	2011	ebook	Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa dược phẩm
237	Sterility, Sterilisation and Sterility Assurance for Pharmaceuticals: Technology, Validation and Current Regulations (Woodhead Publishing Series in Biomedicine),	T. Sandle	Elsevier	2013	ebook	Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa dược phẩm
238	Kỹ thuật hóa dược, Tập 1	Nguyễn Đình Luyện	Y học	2014	Sách bán tại kho Giáo trình	Kỹ thuật tổng hợp hóa dược
239	Kỹ thuật hóa dược, Tập 2	Nguyễn Đình Luyện	Y học	2014	Sách bán tại kho Giáo trình	Kỹ thuật tổng hợp hóa dược
240	Thực tập kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Bộ môn Công nghiệp dược - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Kỹ thuật tổng hợp hóa dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
241	Gyógyzerkémia II	Toke László, Szeghy Lajos	Tankönyv kiado	1992	1 bản	Kỹ thuật tổng hợp hóa dược
242	Gyógyzerkémia technologia	Soos Rudolf, Fogassy Elemer, Szeghy Lajos	Muegyete mi Kiado	1994	1 bản	Kỹ thuật tổng hợp hóa dược
243	Gyogyszerkemiai alapfolyamatok	Fogassy E., Kadas I., Szabo G.T	Muegyete mi Kiado	1993	1 bản	Kỹ thuật tổng hợp hóa dược
244	Hóa học hữu cơ, tập 1	Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt (cb.)	Y học	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Kỹ thuật tổng hợp hóa dược
245	Các quá trình cơ bản tổng hợp các thuốc hóa dược hữu cơ	Phan Đình Châu	KHKT	2003	1 bản	Kỹ thuật tổng hợp hóa dược
246	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Từ Minh Koóng, Nguyễn Đình Luyện (cb.)	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Công nghệ vi sinh trong sản xuất dược phẩm
247	Thực tập kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Bộ môn Công nghiệp dược - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Công nghệ vi sinh trong sản xuất dược phẩm
248	Cơ sở công nghệ sinh học trong sản xuất dược phẩm	Từ Minh Koóng, Đàm Thanh Xuân	ĐHDHN	2014	Sách bán tại kho Giáo trình	Công nghệ vi sinh trong sản xuất dược phẩm

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
249	Giáo trình công nghệ lên men	Lương Đức Phẩm	Giáo dục	2012	1 bản (VV1800198)	Công nghệ vi sinh trong sản xuất dược phẩm
250	Công nghệ lên men các chất kháng sinh	Nguyễn Văn Cách	KHKT	2004	1 bản (VV0800110)	Công nghệ vi sinh trong sản xuất dược phẩm
251	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	Nguyễn Văn Hân (cb.)	Y học	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu
252	Thực tập kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Bộ môn Công nghiệp dược - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu
253	Bioactive natural products: Detection, isolation and structural determination, 2 nd edition	Steven M. Colegate, Russell J. Molyneux	CRC Press	2008	ebook	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu
254	Artemisia annua - Pharmacology and Biotechnology	Tariq Aftab	Springer	2014	ebook	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu
255	Hóa dược, tập 1	Trần Đức Hậu (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược
256	Hóa dược, tập 2	Trần Đức Hậu (cb.)	Y học	2014	Sách bán tại kho Giáo trình	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược
257	Dược điển Việt Nam V, tập 1 & 2	Bộ y tế	Y học	2017	2 bản (VV18001978-1979 KM18001099-1100)	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
258	British Pharmacopoeia	The Stationery Office	The Stationery Office	2016	ebook	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược
259	The United states pharmacopeia 38/ The national formulary 33	United States Pharmacopoeial Convention	United Book Press, Inc.	2015	ebook	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược
260	Thực tập bào chế	Bộ môn Bào chế - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2018	Sách bán tại kho Giáo trình	Hóa mỹ phẩm
261	Introduction to cosmetic formulation and technology	Gabriella Baki, Kenneth S. Alexander	Wiley	2015	ebook	Hóa mỹ phẩm
262	Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	Nguyễn Hải Nam (cb.)	Y học	2011	Sách bán tại kho Giáo trình	Các mô hình nghiên cứu liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học
263	An Introduction to Medicinal Chemistry, 5th edition	Graham L. Patrick	Oxford University Press.	2013	ebook	Các mô hình nghiên cứu liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học
264	The Practice of Medicinal Chemistry, 2nd edition	Camille G. Wermuth	Academic Press	2003	1 bản (L08001733)	Các mô hình nghiên cứu liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học
265	Hóa dược, tập 1	Trần Đức Hậu (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Các mô hình nghiên cứu liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
266	Hóa dược, tập 2	Trần Đức Hậu (cb.)	Y học	2014	Sách bán tại kho Giáo trình	Các mô hình nghiên cứu liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học
267	Drug Discovery and Evaluation: Pharmacological Assays, 3rd edition	H. Gerhard Vogel	Springer	2008	ebook	Các mô hình nghiên cứu liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học
268	Cơ sở của hóa học các hợp chất cao phân tử	A.A. Streepikheep	KHKT	1977	1 bản (VV0800031)	Hóa học các hợp chất cao phân tử
269	Spectrometric Identification of Organic Copounds, 7th edition	Robert M. Silvestein	Willey	2005	ebook	Phương pháp phổ trong xác định cấu trúc hợp chất hữu cơ
270	Các phương pháp phân tích Vật lý và Hóa lý	Nguyễn Đình Triệu	KHKT	2001	1 bản (VV0800090)	Phương pháp phổ trong xác định cấu trúc hợp chất hữu cơ
271	Tổng hợp bất đối xứng và ứng dụng trong tổng hợp thuốc	Đinh Thị Thanh Hải, Nguyễn Quang Đạt (cb.)	Y học	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Tổng hợp bất đối
272	An Introduction to Medicinal Chemistry, 5th edition	Graham L. Patrick	Oxford University Press.	2013	ebook	Tổng hợp thuốc tim mạch
273	The Practice of Medicinal Chemistry, 2nd edition	Camille G.Wermuth	Academic Press	2003	1 bản (L08001733)	Tổng hợp thuốc tim mạch
274	Synthesis of Essential Drugs	Ruben Vardanya and Victor Hruby	Elsevier	2006	ebook	Tổng hợp thuốc tim mạch

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
275	The art of drug synthesis	Douglas S. Jonhson, Jie Jack Li	Wiley	2007	ebook	Tổng hợp thuốc tim mạch
276	An Introduction to Medicinal Chemistry, 5th edition	Graham L. Patrick	Oxford University Press.	2013	ebook	Tổng hợp thuốc điều trị tiểu đường
277	The Practice of Medicinal Chemistry, 2nd edition	Camille G. Wermuth	Academic Press	2003	1 bản (L08001733)	Tổng hợp thuốc điều trị tiểu đường
278	Phương pháp nghiên cứu tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo	Viện Dược liệu	KHKT	2006	1 bản (KM1000078)	Các mô hình dược lý trong thử nghiệm thuốc
279	Bioassay techniques for drug development	Atta-ur-Rahman, Choudhary MI, Thomsen WJ	Academic Publisher	2001	ebook	Các mô hình dược lý trong thử nghiệm thuốc
280	In vitro methods in pharmaceutical research	Castell JV, Gomez-Lechon MJ	Academic Press	1997	ebook	Các mô hình dược lý trong thử nghiệm thuốc
281	Statistics in drug research: Methodologies and recent development	Chow SC.	CRC	2002	ebook	Các mô hình dược lý trong thử nghiệm thuốc
282	Drug discovery and evaluation: Pharmacological assay, 3rd edition	Vogel HG.	Springer	2008	ebook	Các mô hình dược lý trong thử nghiệm thuốc
283	Drug synergism and dose-effect data analysis	Tallarida JR	Chapman & Hall/CRC	2000	1 bản (L08001786)	Các mô hình dược lý trong thử nghiệm thuốc
284	Preclinical drug development	Rogger MC, Taft DR	Taylor & Francis Group	2005	ebook	Các mô hình dược lý trong thử nghiệm thuốc

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
285	Drug Safety Evaluation	Shayne C. Gad	Wiley	2002	1 bản (L08001965 (vol.1) L08001966 (vol.2))	Các mô hình dược lí trong thử nghiệm thuốc
286	Giáo trình quản lý học	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	ĐHKQTQ D	2016	1 bản (VV1800200)	Quản lý học đại cương
287	Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam	Đỗ Tất Lợi	Y học	1999	2 bản (TRC0800007 5-76)	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN
288	Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập 2	Viện dược liệu	KHKT	2006	1 bản (TRC0800000)	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN
289	Những tinh dầu lưu hành trên thị trường	Nguyễn Thị Tâm	KHKT	2003	1 bản (LC17000153)	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN
290	Tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Việt Nam, tập 1	Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật	Nông nghiệp	2001	1 bản	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN
291	Tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Việt Nam, tập 2	Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật	Nông nghiệp	2002	1 bản	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN
292	Tài nguyên thực vật Việt Nam	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Khoa học tự nhiên và công nghệ	2013	1 bản (VN1800152)	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN
293	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Từ Minh Koóng, Nguyễn Đình Luyện	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Bào chế công nghiệp
294	Thực tập kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Bộ môn Công	ĐHDHN	2017	Sách bán tại kho Giáo trình	Bào chế công nghiệp

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
		nghiệp dược - Trường ĐHDHN				
295	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm, Tập 3	Từ Minh Koóng (cb.)	Y học	2009	1 bản (LC17000069)	Bào chế công nghiệp
296	Kỹ thuật bào chế & sinh dược học các dạng thuốc, Tập 1	Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Bào chế công nghiệp
297	Kỹ thuật bào chế & sinh dược học các dạng thuốc, Tập 2	Võ Xuân Minh, Nguyễn Văn Long (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Bào chế công nghiệp
298	Encyclopedia of Pharmaceutical Technology, Tập 1,2,3	James Swarbrick, James C.Boylan	Marcel Dekker	2002	1 bản (L08001736- 1737-1738)	Bào chế công nghiệp
299	Thực hành tốt sản xuất dược phẩm các nguyên tắc cơ bản/	WHO / (bản dịch Cục quản lý dược - Bộ y tế)			sách miễn phí của Cục quản lý dược	Thực hành tốt sản xuất (GMP)
300	Good manufacturing practices for pharmaceutical products	WHO			Sách miễn phí của WHO	Thực hành tốt sản xuất (GMP)
301	Thực hành tốt phòng tốt phòng thí nghiệm (GLP)	Thái Nguyễn Hùng Thu (cb.)	Y học	2018	Sách bán tại kho Giáo trình	Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)
302	Quyết định số 1570/2000/QĐ-BYT ngày 22/5/2000 về việc triển khai áp	Bộ Y tế		2000		Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
	dụng nguyên tắc " thực hành tốt phòng thí nghiệm thuốc"					
303	OECD principles on Good laboratory practice, ENV/MC/CHEM(98) 17				Tài liệu miễn phí trên mạng	Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)
304	Dược điển Việt Nam V, tập 1 & 2	Bộ y tế	Y học	2017	2 bản (VV18001978 -1979 KM18001099-1100)	Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)
305	Quyết định số 2585/1996/QĐ-BYT ngày 28/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ kiểm nghiệm, xác định chất lượng mỹ phẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người.	Bộ Y tế		1996		Kiểm nghiệm mỹ phẩm
306	Quyết định số 24/2006/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc triển khai, áp dụng và hướng dẫn thực hành các nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm" của Hiệp hội các nước Đông Nam Á.	Bộ Y tế		2006		Kiểm nghiệm mỹ phẩm
307	Thông tư số 06/2011/TT-BYT, ngày 25/01/2011 của	Bộ Y tế		2011		Kiểm nghiệm mỹ phẩm

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
	Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Quản lý mỹ phẩm					
308	Analysis of cosmetic products	Amparo Salvado and Alberto Chisvert	Elsevier	2007	ebook	Kiểm nghiệm mỹ phẩm
309	Hóa phân tích, Tập 2 (phân tích dụng cụ)	Trần Tử An (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch sinh học
310	The analysis of drugs in Biological fluids, 2nd edition	Chamberlain J.	CRC press	1995	2 bản (L08001498 L08001540)	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch sinh học
311	Quantitative chemical analysis, 8th edition	Harris D.C	W.H. Freeman and Company	2010	ebook	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch sinh học
312	Principles and practice of bioanalysis, 2nd edition	Venn, R.F.	CRC Press	2008	1 bản (L09002012)	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch sinh học
313	Dược điển Việt Nam V, tập 1 & 2	Bộ y tế	Y học	2017	2 bản (VV18001978-1979 KM18001099-1100)	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu
314	Dược liệu học, Tập 1	Ngô Văn Thu, Trần Hùng (cb.)	Y học	2011	1 bản (LC17000107)	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu
315	Dược liệu học, Tập 2	Phạm Thanh Kỳ (cb.)	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu
316	Điện di mao quản	Thái Nguyễn	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Điện di và phân tích nhiệt

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
		Hùng Thu, Phạm Gia Huệ (cb.)				
317	Hóa phân tích, Tập 2 (phân tích dụng cụ)	Trần Tử An (cb.)	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Điện di và phân tích nhiệt
318	Quantitative chemical analysis, 8th edition	Harris D.C	W.H.Free man and Company	2010	ebook	Điện di và phân tích nhiệt
319	Thermal analysis of pharmaceuticals	Duncan Q.M. Craig, Mike Reading	CRC Press	2006	ebook	Điện di và phân tích nhiệt
320	Capillary Electrophoresis: Principle and practice	Kuhn R., Hoffstetter-kun S.	1993	Spinger	ebook	Điện di và phân tích nhiệt
321	Hướng dẫn của ICH (International Conference on Harmonisation) ICH Q2A và Q2B về thẩm định phương pháp phân tích				Tài liệu miễn phí trên mạng	Xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích
322	Dược lý học, Tập 1,2	Bộ Y tế	Y học	2016	Sách bán tại kho Giáo trình	Dược lý
323	Goodman & Gilman's The Pharmacological Basis of Therapeutics, 13th edition	Laurence L. Brunton	McGraw-Hill	2018	1 bản (L18002173)	Dược lý
324	Basis and Clinical Pharmacology 13th ed,	Katzung B.G., Trevor A.J.	McGraw-Hill	2015	ebook	Dược lý
325	Rang and Dale's Pharmacology, 8th edition	Rang H.P., Ritter J.M., Flower R.J	Elsevier	2016	ebook	Dược lý
326	Lipincott Illustrated Reviews:	Karen Whalen	Wolters Kluwer	2015	ebook	Dược lý

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
	Pharmacology, 6th edition					
327	Principles of clinical pharmacology, 3rd edition	Arthur J. Atkinson Jr. et al	Elsevier	2014	ebook	Dược lý
328	Clinical pharmacology, 11th edition	Bennett P.N., Brown M.J.	Elsevier	2012	ebook	Dược lý
329	Pharmacotherapy - a pathophysiologic approach, 10th edition	Dipiro J.T. et al	McGraw-hill	2017	ebook	Dược lý
330	Harrison's Principles of Internal Medicine, 19th edition	Dennis L. Kasper, Anthony S. Fauci, Stephen L. Hauser,...	McGraw-Hill	2015	ebook	Dược lý
331	Applied Therapeutics: The Clinical Use of Drugs, 10th edition	Koda-Kimble M.A. et al	Lipincott William & Wilkins	2013	ebook	Dược lý
332	Drugs in use	Linda J. Dodds	Pharmaceutical Press	2010	1 bản (L12002090)	Dược lý
333	Clinical Pharmacy and therapeutics, 5th edition	Roger W., Catherine W.	Elsevier	2012	ebook	Dược lý
334	Katzung & Trevor's Pharmacology Examination & Board Review, 10th edition	Trevor A. J., Katzung B.G. et al	McGraw-Hill	2013	ebook	Dược lý
335	Blueprints Notes and Case Pharmacology	Yang K.Y., Graff L.R., Caughey A.B.	Blackwell Publishing	2004	ebook	Dược lý

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
336	Thực tập bào chế	Bộ môn Bào chế - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2018	Sách bán tại kho Giáo trình	Mỹ phẩm
337	Introduction to cosmetic formulation and technology	Gabriella Baki, Kenneth S. Alexander	Wiley	2015	ebook	Mỹ phẩm
338	Quản lý và kinh tế dược	Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Việt Hùng (cb.)	Y học	2007	1 bản (LC17000065)	Marketing Dược
339	Quản trị marketing	Philip Kotler	Lao động xã hội	2008	1 bản (KM11000937)	Marketing Dược
340	Quản trị marketing	Trương Đình Chiến	ĐHKQTQ D	2014	1 bản (VV18001998)	Marketing Dược
341	Marketing dược	Vũ Trí Dũng, Phan Mỹ Linh	ĐHKQTQ D	2014	1 bản (Mược BM)	Marketing Dược
342	Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc	Nguyễn Ngọc Chiến (cb.)	Y học	2019	Sách bán tại kho Giáo trình	Công nghệ nano và sản xuất thuốc
343	Dược liệu học, Tập 1	Ngô Văn Thu, Trần Hùng (cb.)	Y học	2011	1 bản (LC17000107)	Phương pháp nghiên cứu cây thuốc
344	Dược liệu học, Tập 2	Phạm Thanh Kỳ (cb.)	Y học	2015	Sách bán tại kho Giáo trình	Phương pháp nghiên cứu cây thuốc
345	Phương pháp nghiên cứu hóa học cây thuốc	Nguyễn Văn Đán, Nguyễn Việt Tựu	KHKT	1986	1 bản (TRC08000083)	Phương pháp nghiên cứu cây thuốc

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng ấn bản	Dự kiến dùng cho môn học/học phần hoặc các học phần do bộ môn phụ trách
346	Thuốc bảo vệ thực vật và sinh cảnh	Lê Trương	KHKT	1985	1 bản (VN08000453)	Thuốc bảo vệ thực vật

2.1.4. Cơ sở thực hành, thực tế

Trường hiện có rất nhiều thỏa thuận hợp tác với các cơ sở thực hành, thực tế trong đó 3 cơ sở trực tiếp phục vụ cho thực hành, thực tế của chuyên ngành Hóa dược. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo như sau:

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Hợp đồng đào tạo thực hành: Có/Không
1	Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung Ương	48 Hai Bà Trưng, Hà Nội	Có
2	Công ty cổ phần Dược phẩm Traphaco	75 Yên Ninh, Ba Đình, Hà Nội	Có
3	Công ty cổ phần Hóa Dược Việt Nam	237 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	Có

2.2. Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo (bao gồm cả đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu)

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Đại học ngành Hóa dược

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Hóa dược

Loại hình đào tạo: Chính quy

Mã ngành: 7720203

*(Ban hành tại Quyết định số 1311 /QĐ-DHN ngày 12 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)*

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Chủ trương của Nhà trường

Nghị quyết 10/NQ-ĐU của Đảng ủy Trường Đại học Dược Hà Nội ngày 10/8/2018 thông qua chủ trương mở thêm hai ngành đào tạo: Hóa dược và Công nghệ sinh học.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Giáo dục đại học sửa đổi số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội.
- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia.
- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

3. Khung chương trình đào tạo cử nhân Hóa dược của các cơ sở giáo dục đào tạo

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Hóa dược, trình độ đại học, Trường đã tham khảo một số chương trình cùng ngành trong và ngoài nước:

- Chương trình cử nhân Hóa dược của Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG Hà Nội.

- Chương trình cử nhân Hóa dược và hóa chất bảo vệ thực vật của Đại học Bách khoa Hà Nội.
- Chương trình cử nhân Hóa dược của Đại học Montana, Mỹ.
- Chương trình cử nhân Hóa dược của Đại học Wayne (Wayne State University), Mỹ.
- Chương trình cử nhân Hóa dược của Đại học New York tại Buffalo (The State University of New York at Buffalo).

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình Cử nhân hóa dược trình độ đại học có mục tiêu đào Cử nhân hóa dược với những năng lực và phẩm chất sau:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, hóa học, y dược học cơ sở; có kiến thức chuyên môn cốt lõi về nghiên cứu phát triển, sản xuất nguyên liệu làm thuốc, hóa mỹ phẩm và xây dựng tiêu chuẩn, kiểm nghiệm chất lượng nguyên liệu làm thuốc, thuốc, hóa mỹ phẩm.
- Có kỹ năng thực hành tốt, có khả năng sử dụng một số thiết bị hiện đại trong nghiên cứu phát triển, sản xuất nguyên liệu làm thuốc, hóa mỹ phẩm và xây dựng tiêu chuẩn, kiểm nghiệm chất lượng nguyên liệu làm thuốc, thuốc, hóa mỹ phẩm; có khả năng sử dụng hiệu quả tin học và tiếng Anh trong thực hành nghề nghiệp.
- Có phẩm chất đạo đức tốt, lòng say mê khoa học, tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.
- Có đủ năng lực làm việc tại các trường Đại học, các cơ quan quản lý, các Viện và Trung tâm nghiên cứu khoa học, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, kiểm nghiệm nguyên liệu hóa dược, dược phẩm, hóa mỹ phẩm; có đủ khả năng để liên thông với các chương trình đào tạo ngành khác có liên quan và/hoặc tiếp tục đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

III. CHUẨN ĐẦU RA

1. Yêu cầu về kiến thức

1.1. Về chính trị

Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2. Về ngoại ngữ

Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

1.3. Về tin học

Có kiến thức tin học cơ bản về soạn thảo, trình bày văn bản, tính toán, thống kê và một số phần mềm thông dụng dùng trong hóa học và hóa dược.

1.4. Về chuyên môn

- Có kiến thức cơ bản về các chủ trương, chính sách và các quy định của pháp luật liên quan đến công tác nghiên cứu phát triển, sản xuất nguyên liệu làm thuốc, hóa mỹ phẩm và xây dựng tiêu chuẩn, kiểm nghiệm chất lượng nguyên liệu làm thuốc, thuốc, hóa mỹ phẩm.

- Có kiến thức khoa học cơ bản, hóa học, dược học cơ sở và phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học.

- Có kiến thức chuyên môn về nghiên cứu phát triển, sản xuất nguyên liệu làm thuốc, hóa mỹ phẩm và xây dựng tiêu chuẩn, kiểm nghiệm chất lượng nguyên liệu làm thuốc, thuốc, hóa mỹ phẩm.

2. Yêu cầu về kỹ năng

2.1. Có khả năng thiết lập kế hoạch, tổ chức, quản lý và ra quyết định liên quan đến lĩnh vực hóa dược, hóa mỹ phẩm để làm việc một cách hiệu quả.

2.2. Có khả năng tham gia tổ chức và triển khai các công việc liên quan đến nghiên cứu phát triển nguyên liệu làm thuốc, hóa mỹ phẩm.

2.3. Có khả năng tham gia tổ chức, quản lý, xây dựng, triển khai và vận hành được các quy trình sản xuất nguyên liệu làm thuốc, hóa mỹ phẩm.

2.4. Có khả năng tham gia tổ chức và triển khai các công việc liên quan đến xây dựng tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu làm thuốc, kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc, thuốc và hóa mỹ phẩm.

2.5. Có khả năng tham gia xử lý các vấn đề chuyên môn phù hợp với điều kiện của địa phương, vùng miền.

2.6. Có khả năng tham gia đào tạo, nghiên cứu, triển khai, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở nghiên cứu và đào tạo thuộc lĩnh vực hóa dược, hóa mỹ phẩm.

2.7. Có kỹ năng tìm kiếm, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và vận dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế trong ngành hóa dược, hóa mỹ phẩm.

2.8. Có khả năng triển khai thực hiện các văn bản pháp quy về nghiên cứu phát triển, sản xuất nguyên liệu làm thuốc, thuốc, hóa mỹ phẩm và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

2.9. Có kỹ năng tiếng Anh ở mức có thể hiểu ý chính của một bài báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc của ngành hóa dược, kiểm nghiệm; có thể diễn đạt, xử lý

một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

2.10. Có khả năng giao tiếp, biên soạn, thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ tình huống.

2.11. Có khả năng khai thác, sử dụng một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực hóa học, hóa dược và các dịch vụ cơ bản của internet.

3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

3.2. Có khả năng đưa ra được các kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật của lĩnh vực hóa dược và hóa mỹ phẩm.

3.3. Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm.

3.4. Có động cơ học tập và làm việc đúng đắn, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức, kỹ năng liên tục.

3.5. Có đạo đức nghề nghiệp, hành nghề đúng pháp luật, trung thực, khách quan.

3.6. Có trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng.

3.7. Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

3.8. Nhận thức rõ và có ý thức bảo vệ môi trường.

3.9. Có ý thức rèn luyện sức khỏe, bảo vệ an ninh quốc phòng.

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

4.1. Làm việc ở vị trí nghiên cứu trong các viện nghiên cứu, trung tâm hoặc phòng thí nghiệm thuộc các trường đại học có hoạt động nghiên cứu phát triển nguyên liệu làm thuốc, hóa mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.

4.2. Làm việc ở vị trí nghiên cứu và phát triển trong các doanh nghiệp có tổ chức nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh về nguyên liệu làm thuốc, thuốc, hóa mỹ phẩm, thuốc thú y và thực phẩm chức năng.

4.3. Làm việc tại bộ phận sản xuất trong các cơ sở sản xuất nguyên liệu làm thuốc, hóa mỹ phẩm, thuốc thú y và thực phẩm chức năng.

4.4. Làm việc tại các bộ phận kiểm nghiệm, đảm bảo chất lượng trong các viện kiểm nghiệm, trung tâm kiểm nghiệm, nhà máy sản xuất nguyên liệu làm thuốc, thuốc, hóa mỹ phẩm, thuốc thú y và thực phẩm chức năng.

4.5. Đảm nhiệm các vị trí chuyên môn trong cơ quan quản lý về hóa chất, nguyên liệu làm thuốc, hóa mỹ phẩm, thuốc thú y, thực phẩm chức năng.

4.6. Đảm nhiệm vị trí kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hóa chất, nguyên liệu làm thuốc, thuốc, hóa mỹ phẩm, thuốc thú y và thực phẩm chức năng.

4.7. Tham gia hướng dẫn thực tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu chuyên môn hóa học, hóa dược, hóa mỹ phẩm, thuốc thú y và thực phẩm chức năng.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

5.1. Có khả năng tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn; duy trì, cải thiện các kỹ năng mềm.

5.2. Có khả năng theo học văn bằng hai đại học ngành Dược học và các ngành khác liên quan.

5.3. Có khả năng tham gia các khóa đào tạo liên tục, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5.4. Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học trong và ngoài nước.

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối lượng kiến thức, thời gian đào tạo, đối tượng và dự kiến tuyển sinh ba năm đầu

- Khối lượng kiến thức: 135 tín chỉ (bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 6 Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy ban hành theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/1/2017 và sửa đổi tại Điểm 1, Điều 1 Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Không tuyển thí sinh dị tật, khuyết tật chân tay.

- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

- Phương thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia - bài thi Toán học và môn thi Vật lý, Hóa học của bài thi Khoa học tự nhiên.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: dự kiến chỉ tiêu đại học chính quy ngành Hóa dược trong ba năm đầu là 70 chỉ tiêu mỗi năm.

- Tổ chức tuyển sinh: xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo tín chỉ; việc kiểm tra, thi kết thúc học phần và thực hiện khóa luận tốt nghiệp (nếu có) thực hiện theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số giờ	
			LT	TH/Se
1	Kiến thức giáo dục đại cương (Chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	32		
	- Các môn chung (Chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	17		
	- Các môn cơ sở khối ngành	15		
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	84		
	- Kiến thức cơ sở ngành	19		
	- Kiến thức ngành	65		
	+ Kiến thức cố định	46		
	+ Kiến thức tự chọn	16		
	+ Thực tế	3		
3	Khóa luận tốt nghiệp/ học phần tích lũy tốt nghiệp	8		
	Tổng cộng	124		

V. DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN

1. Kiến thức giáo dục đại cương (32 tín chỉ, không kể GDQP-AN và GDTC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ	
			LT	TH/Se
	<i>Các môn chung</i>			
1	Triết học Mác - Lênin	3	33	12
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	9
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	9
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9
6	Ngoại ngữ 1	2	30	0
7	Ngoại ngữ 2	2	30	0
8	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	30	0
9	Giáo dục thể chất (*)	3	0	45
10	Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)	8	105	30
	Tổng (không kể GDQP-AN và GDTC)	17		
	<i>Các môn cơ sở khối ngành</i>			
11	Tin học	3	21	24

STT	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ	
			LT	TH/Se
12	Toán thống kê y dược	3	45	0
13	Vật lý đại cương 1	2	20	10
14	Hóa đại cương vô cơ	4	40	20
15	Sinh học	3	33	12
	Tổng	15		

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành (19 tín chỉ)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ	
			LT	TH/Se
1	Hoá hữu cơ 1	3	33	12
2	Hoá hữu cơ 2	2	18	12
3	Hoá lý dược	3	31	14
4	Hoá phân tích 1	3	29	16
5	Hoá phân tích 2	3	29	16
6	Hóa sinh	3	29	16
7	Pháp luật đại cương và các quy định trong ngành dược	2	22	8
	Tổng	19		

2.2. Kiến thức ngành (65 tín chỉ)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ	
			LT	TH/Se
1	Hóa dược 1	3	31	14
2	Hóa dược 2	2	16	14
3	Dược lý đại cương	2	22	8
4	Dược liệu 1	3	27	18
5	Dược liệu 2	2	16	14
6	Bào chế đại cương	3	29	16
7	Kiểm nghiệm dược phẩm	3	25	20
8	Kỹ thuật hóa dược	3	29	16
9	Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ dược phẩm	3	45	0
10	Công nghệ vi sinh trong sản xuất dược phẩm	3	33	12
11	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược	2	30	0
12	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	3	29	16

STT	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ	
			LT	TH/Se
13	Kỹ thuật pha chế một số chế phẩm hóa mỹ phẩm	2	20	10
14	Nghiên cứu phát triển thuốc mới 1	2	30	0
15	Nghiên cứu phát triển thuốc mới 2	3	45	0
16	Các mô hình nghiên cứu liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	2	26	4
17	Hóa học các hợp chất cao phân tử	2	26	4
18	Phương pháp phổ trong xác định cấu trúc hợp chất hữu cơ	3	45	0
19	Thực tế	3	0	45
20	Các môn tự chọn	16		
	Tổng	65		

2.3. Danh mục các học phần tự chọn (16 tín chỉ)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ	
			LT	TH/Se
1	Bào chế công nghiệp 1	2	20	10
2	Bào chế công nghiệp 2	3	29	16
3	Bào chế và sinh dược học 1	3	29	16
4	Bào chế và sinh dược học 2	3	29	16
5	Bệnh học	3	31	14
6	Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc	2	30	0
7	Công nghệ sản xuất vaccin	2	30	0
8	Công nghệ sinh học dược cơ bản	2	30	0
9	Điện di và phân tích nhiệt	2	26	4
10	Độc chất học	2	24	6
11	Dược động học	2	18	12
12	Dược học cổ truyền	3	29	16
13	Dược lý 2	3	35	10
14	Giải phẫu - Sinh lý	4	42	18
15	GMP trong sản xuất nguyên liệu thuốc	2	30	0
16	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	3	45	0
17	Hóa tổ hợp	2	26	4

STT	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ	
			LT	TH/Se
18	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu	2	16	14
19	Kiểm nghiệm mỹ phẩm	2	26	4
20	Marketing Dược	2	24	6
21	Môi trường	1	15	0
22	Mỹ phẩm	2	20	10
23	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN	2	30	0
24	Phương pháp nghiên cứu cây thuốc	2	30	0
25	Phương pháp nghiên cứu độ ổn định của nguyên liệu hóa dược	2	30	0
26	Quản lý học đại cương	2	22	8
27	Quản trị doanh nghiệp dược	2	22	8
28	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	33	12
29	Tâm lý, đạo đức và vấn đề dược xã hội học	2	26	4
30	Thực hành tốt sản xuất thuốc và Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GMP & GLP)	2	30	0
31	Thực vật	3	29	16
32	Tổng hợp bất đối xứng và ứng dụng trong tổng hợp thuốc	2	30	0
33	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch sinh học	3	37	8
34	Vật lý đại cương 2	2	20	10
35	Vi sinh - Ký sinh trùng 1	2	22	8
36	Vi sinh - Ký sinh trùng 2	2	22	8

**Sinh viên chọn ít nhất 16 tín chỉ.*

2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần tích lũy tốt nghiệp (8 tín chỉ)

Sinh viên đạt mức quy định của Trường được lựa chọn thực hiện Khóa luận tốt nghiệp tương đương 8 tín chỉ. Các sinh viên không đủ điều kiện hoặc đủ điều kiện nhưng không muốn làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi một số học phần từ các học phần tự chọn ở mục 2.3, số tín chỉ yêu cầu tích lũy là 8 tín chỉ.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình

Chương trình đào tạo cử nhân Hóa dược do nhà trường xây dựng gồm 135 tín chỉ, trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 43 tín chỉ (bao gồm cả học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 tín chỉ (gồm 19 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, 65 tín chỉ thuộc khối kiến thức ngành).
- Kiến thức tốt nghiệp: 8 tín chỉ.

Căn cứ tình hình cụ thể, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với điều kiện, đảm bảo sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức quy định trong chương trình đào tạo.

2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và thời gian

Phòng Đào tạo chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học trong các học kỳ, đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo và học phần tiên quyết của các học phần.

3. Thực hành, thực tế

- Thực hành: tổ chức tại phòng thí nghiệm tại trường hoặc tại các cơ sở tham gia trong quá trình đào tạo. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, trọng số của điểm thực hành được quy định cụ thể trong cách tính điểm trong chương trình chi tiết của từng học phần.

- Thực tế: được tổ chức vào học kỳ VII (năm thứ 4), sau khi sinh viên đã học xong các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

4. Phương pháp dạy - học

Yêu cầu đặt ra về phương pháp đào tạo là:

Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của sinh viên. Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện truy cập thông tin qua mạng internet...

Đảm bảo giáo trình và tài liệu tham khảo cho người học.

Đối với giảng dạy lý thuyết: tăng cường các phương tiện nghe, nhìn phục vụ giảng dạy; dạy và học theo phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm.

Đối với thực hành: được thực hiện tại các phòng thí nghiệm, đảm bảo dụng cụ, trang thiết bị, hóa chất phục vụ thực hành; tổ chức kiểm tra sau mỗi buổi thực tập.

Đối với thực tế tại cơ sở: phân công giảng viên bộ môn kết hợp với cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tế hướng dẫn, giám sát, đánh giá sinh viên.

Kiểm tra, thi kết thúc học phần theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo

dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ) và những quy định cụ thể của Trường Đại học Dược Hà Nội.

5. Thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung:

Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khóa luận tốt nghiệp: cuối học kỳ VII của khóa học, căn cứ vào điểm trung bình lần 1 của sinh viên trong 6 học kỳ và danh sách đề tài do bộ môn đề xuất, Nhà trường quyết định danh sách sinh viên được giao đề tài khóa luận tốt nghiệp.

- Các sinh viên không được giao đề tài khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học một số học phần tự chọn để tích lũy thêm đủ 8 tín chỉ.

6. Xét và công nhận tốt nghiệp:

Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và những quy định cụ thể của Trường Đại học Dược Hà Nội.

VII. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bắt buộc:

1. Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Triết học Mác - Lênin gồm 3 chương trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Nội dung chương trình gồm 6 chương, trong đó: Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Nội dung học gồm 7 chương: Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học

Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin theo mục tiêu học phần.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả

nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần gồm 6 chương: chương I trình bày về khái niệm, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; chương II trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của Tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương III đến chương VI trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

6. Ngoại ngữ 1 (2 tín chỉ)

- Sinh viên áp dụng kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, từ vựng thông qua các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết.
- Ngữ pháp: Sinh viên được học và luyện tập những quy tắc ngữ pháp từ đơn giản đến phức tạp như các cấu trúc về thời, về động từ khuyết thiếu, các loại câu điều kiện, câu so sánh với nhiều cấu trúc với các loại động từ, danh từ, tính từ.....
- Từ vựng: Sinh viên được cung cấp khoảng 1.500 từ về các chủ đề xã hội, sở thích, công việc và cuộc sống hàng ngày.
- Kỹ năng đọc: Sinh viên được tiếp cận với các bài đọc có độ dài và độ khó phù hợp với mục tiêu của học phần thuộc các chủ đề khác nhau; từ đó có thể củng cố kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã học.
- Kỹ năng viết: Học phần Tiếng Anh 1 chú trọng đến viết đúng câu đơn, câu phức thông qua một số dạng bài luyện tập như chuyển câu giữ nguyên ý, chữa lỗi, viết lại câu dùng các từ cho sẵn.
- Kỹ năng nghe: Có khả năng nghe hiểu được các đoạn hội thoại với chủ đề đơn giản trong giáo trình.

7. Ngoại ngữ 2 (2 tín chỉ)

- Sinh viên áp dụng kiến thức ngôn ngữ đã học thông qua các kỹ năng nghe nói đọc viết.
- Ngữ pháp: Sinh viên tiếp tục được học và luyện tập các hình thức cấu trúc như: danh từ, động từ, cụm danh từ, cụm động từ, tính từ, trạng từ, các mẫu câu so sánh chưa học trước đây, đại từ quan hệ, cấu trúc câu trực tiếp và gián tiếp và một số mẫu câu khác.
- Từ vựng: Sinh viên được cung cấp khoảng 1.500 từ mở rộng về các chủ đề về các khía cạnh của cuộc sống hàng ngày cũng như công việc.

- Kỹ năng đọc: Sinh viên được tiếp cận với các bài đọc có độ dài và độ khó phù hợp với mục tiêu của học phần thuộc các chủ đề khác nhau từ đó có thể củng cố kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã học.
- Kỹ năng viết: Học phần Tiếng Anh 2 chú trọng đến viết đúng câu phức thông qua một số dạng bài luyện tập như chuyển câu giữ nguyên ý, chữa lỗi, viết lại câu dùng các từ cho sẵn.
- Kỹ năng nghe: Có khả năng nghe hiểu được các đoạn hội thoại với chủ đề trong giáo trình.

8. Ngoại ngữ chuyên ngành (2 tín chỉ)

- Từ vựng: Sinh viên được cung cấp khoảng 1000 từ về định hướng chuyên ngành Hóa dược.
- Kỹ năng đọc: Học phần tiếng Anh chuyên ngành (ESP) lấy kỹ năng đọc là kỹ năng học tập cơ bản thông qua kỹ năng này sinh viên sẽ tiếp cận với các bài đọc thuộc các chủ đề khác nhau liên quan đến chuyên ngành Hóa dược.
- Dịch được một vài phần cơ bản trong bài đọc và các bài đọc bổ trợ có liên quan đến định hướng chuyên ngành.

9. Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)

- Các kỹ thuật cơ bản: di động chuyển bắt bóng bằng hai tay trước ngực, tại chỗ ném rổ một tay trên vai và hai tay trước ngực, di động ném rổ một tay trên vai và hai tay trước ngực.
- Luật bóng rổ: sân bãi dụng cụ, cách tính điểm, các lỗi thường gặp...
- Các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền, chuyền bóng chính diện cao tay, thấp tay và phát bóng cao tay, thấp tay chính diện.
- Luật bóng chuyền: sân bãi dụng cụ, cách tính điểm, các lỗi thường gặp...
- Các kỹ thuật cơ bản môn cầu lông: KT phát cầu phải, trái. KT Đánh cầu thấp và cao tay. Cách di chuyển trong cầu lông.
- Luật bóng cầu lông: sân bãi dụng cụ, cách tính điểm, các lỗi thường gặp...

10. Giáo dục quốc phòng – an ninh (8 tín chỉ)

- Học phần 1. Đường lối quân sự của Đảng (3 TC).
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh; quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt

Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.

- Học phần 2. Công tác quốc phòng, an ninh (2 TC).

Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Học phần 3. Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (3 TC).

Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

11. Tin học (3 tín chỉ)

- Học phần này tập trung vào các nội dung chính: Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint và ChemDraw.

- Microsoft Word: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cũng như cách làm việc với chương trình soạn thảo văn bản như: nhập và trình bày văn bản, sử dụng các chức năng, các thao tác định dạng văn bản để sửa chữa, trang trí văn bản, vẽ biểu đồ.

- Microsoft Excel: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và cách làm việc với chương trình bảng tính điện tử như: thiết lập, trang trí bảng tính... và dựa vào một số hàm để viết công thức tính toán, xử lý số liệu và cách thức quản lý các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ.

- Microsoft PowerPoint: Cung cấp cho sinh viên cách tạo ra các slide, trình bày các slide để tạo ra các bản báo cáo và cách trình chiếu các bản báo cáo.

- ChemDraw: Cung cấp cho sinh viên cách vẽ các công thức hóa học dựa vào các công cụ có sẵn trong chemDraw.

12. Toán thống kê y dược (3 tín chỉ)

- Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về toán cao cấp: Tích phân, hàm số nhiều biến số.

- Cung cấp được các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê: Các định lý cơ bản về xác suất, biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên. Mẫu thống kê và các số đặc trưng của mẫu, ước lượng tham số thống kê, kiểm định giả thuyết thống kê.

13. Vật lý đại cương 1 (2 tín chỉ)

Học phần Vật lý đại cương 1 cung cấp kiến thức cơ bản trong các phần cơ học, nhiệt học, điện từ học thường được sử dụng để xác định các tính chất vật lý của các chế phẩm trong ngành hóa dược. Phần lý thuyết đề cập đến các định nghĩa, công thức, định luật và các ứng dụng. Phần thực tập người học được đo và vận dụng các phương pháp phân tích để xác định các đại lượng vật lý cơ bản như khối lượng, khối lượng riêng, tỷ trọng, hệ số nhớt, hệ số sức căng mặt ngoài, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, điện trở.

14. Hóa đại cương vô cơ (4 tín chỉ)

Môn học Hóa Đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất theo cơ học lượng tử; các qui luật của nhiệt động hóa học; các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng, trạng thái cân bằng hóa học; sự hình thành và tính chất của dung dịch phân tử, dung dịch điện li; xác định chiều hướng và mức độ của các phản ứng oxi hóa – khử.

15. Sinh học (3 tín chỉ)

Môn Sinh học nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về: Sinh học tế bào, quá trình trao đổi chất trong sinh học, di truyền và biến dị, sinh học phân tử và nguyên lý công nghệ sinh học trong Y-Dược, đa dạng sinh học.

16. Hoá hữu cơ 1 (3 tín chỉ)

Hóa hữu cơ 1 gồm 2 phần lý thuyết và thực hành. Lý thuyết Hóa hữu cơ 1 giúp người học có kiến thức cơ bản về các hiệu ứng điện tử trong hoá hữu cơ, các loại đồng phân của hợp chất hữu cơ, các phản ứng hữu cơ, phương pháp xác định cấu trúc hợp chất hữu cơ, đồng thời cung cấp những kiến thức về cấu trúc, danh pháp, tính chất, phương pháp điều chế, ứng dụng...của các nhóm hợp chất hữu cơ quan trọng (hydrocarbon, dẫn chất halogen và các hợp chất cơ kim, dẫn chất sulfon hoá và nitro hoá của hydrocarbon thơm, alcol, phenol, ether oxyd, aldehyd, ceton, quinon, acid carboxylic và các dẫn chất). Phần thực hành Hóa hữu cơ 1 cung cấp cho người học một số kỹ năng tiến hành thực nghiệm định tính một số hoá chức hữu cơ cơ bản.

17. Hoá hữu cơ 2 (2 tín chỉ)

Hóa hữu cơ gồm 2 phần lý thuyết và thực hành. Lý thuyết Hóa hữu cơ giúp người học có kiến thức cơ bản về cấu trúc, danh pháp, phương pháp điều chế, tính chất, ứng

dụng...của các nhóm hợp chất hữu cơ quan trọng như hydroxy-acid, phenolacid, aldehyd acid, cetoacid, dẫn chất của acid carbonic, hợp chất amin, hợp chất diazoic và azoic, hợp chất màu, lipid, carbohydrat, aminoacid, peptid, hợp chất dị vòng. Phần thực hành Hóa hữu cơ cung cấp cho người học một số kỹ thuật cơ bản trong thực hành tổng hợp hữu cơ, bao gồm: kỹ năng tổng hợp hữu cơ và tổng hợp chất thuốc điển hình.

18. Hoá lý dược (3 tín chỉ)

Môn học Hóa lý dược cung cấp các kiến thức cơ bản và những nguyên tắc hóa lý ứng dụng trong thực hành và nghiên cứu Hóa dược. Phần lý thuyết đề cập đến các hiện tượng, các khái niệm và các qui luật cơ bản của Hóa lý ứng dụng trong ngành Hóa dược. Phần lý thuyết cũng sẽ đề cập đến tính chất, diễn biến của một số quá trình hóa lý và đặc điểm cấu tạo của một số hệ phân tán. Phần thực hành sinh viên sẽ làm thí nghiệm xác định một số đại lượng hóa lý cơ bản và khảo sát một số đặc điểm, tính chất của hệ.

19. Hoá phân tích 1 (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về các cân bằng đồng thể và dị thể trong dung dịch đồng thời tính toán được pH, nồng độ các cấu tử trong các cân bằng này. Rèn luyện kỹ năng trong thực hiện một số chuẩn độ thông dụng.

20. Hoá phân tích 2 (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học nguyên tắc, đặc điểm, phạm vi ứng dụng của một số kỹ thuật được sử dụng phổ biến trong phân tích dụng cụ. Rèn luyện cho người học kỹ năng thực hành các phân tích hóa lý cơ bản và sử dụng được một số thiết bị thông dụng.

21. Hóa sinh (3 tín chỉ)

Học phần Hóa sinh là môn cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu trúc, vai trò, thoái hóa và sinh tổng hợp của các nhóm hợp chất chủ yếu trong cơ thể, các cơ chế xúc tác sinh học, các cơ chế điều hòa chuyển hóa. Các kiến thức về những nhóm chất và quá trình hóa sinh trong cơ thể người là cần thiết để có thể hiểu về bệnh lý và thuốc dùng cho con người. Do vậy, các kiến thức và kỹ năng trong học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục học các môn học chuyên ngành như bào chế, dược lý, dược lâm sàng, kiểm nghiệm thuốc, dược động học, độc chất học, dược liệu. Các kiến thức và kỹ năng này có thể được áp dụng trong các lĩnh vực sản xuất, đảm bảo chất lượng, kinh doanh, phân phối, hướng dẫn sử dụng thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và chế phẩm có nguồn gốc dược liệu, chế phẩm có nguồn gốc sinh học...

22. Pháp luật đại cương và các quy định trong ngành dược (2 tín chỉ)

Pháp luật đại cương và quy định trong ngành Dược là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và các văn bản

pháp quy trong ngành Dược, cách thức áp dụng các qui định này để giải quyết các tình huống thực tế trong hoạt động nghề nghiệp của người Dược sĩ. Từ đó, người học có thể vận dụng và tuân thủ các qui định trong ngành khi hành nghề dược.

23. Hóa dược 1 (3 tín chỉ)

Học phần Hóa dược I cung cấp cho sinh viên các kiến thức:

- Nguồn gốc, phân loại, cấu tạo hoá học, liên quan cấu trúc - tác dụng sinh học, tính chất lý, hoá học chung và tác dụng, chỉ định chung của các nhóm thuốc hóa dược cơ bản.
- Cấu tạo hóa học, phương pháp điều chế chính, tính chất lý hóa, phương pháp kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản, tác dụng và chỉ định của các thuốc chính trong các nhóm thuốc hóa dược cơ bản.

24. Hóa dược 2 (2 tín chỉ)

Học phần Hóa dược II cung cấp cho sinh viên các kiến thức:

- Nguồn gốc, phân loại, cấu tạo hoá học, liên quan cấu trúc - tác dụng sinh học, tính chất lý, hoá học chung và tác dụng, chỉ định chung của các nhóm thuốc hóa dược cơ bản.
- Cấu tạo hóa học, phương pháp điều chế chính, tính chất lý hóa, phương pháp kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản, tác dụng và chỉ định của các thuốc chính trong các nhóm thuốc hóa dược cơ bản.

25. Dược lý đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Dược lý gồm 2 nội dung chính: Dược lý học đại cương (tác dụng, cơ chế tác dụng, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng, phản ứng có hại của thuốc) và Dược lý nhóm thuốc tác dụng trên thần kinh thực vật, nhóm thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương (dược lý dẫn truyền trên hệ thần kinh thực vật, dược lý dẫn truyền trên hệ thần kinh trung ương, dược động học, cơ chế tác dụng, tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, thận trọng/cảnh báo khi dùng thuốc, chống chỉ định, tương tác thuốc của một số đại diện).

26. Dược liệu 1 (3 tín chỉ)

Học phần gồm 2 phần :

- Phần lý thuyết cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dược liệu và các nhóm hợp chất tự nhiên trong dược liệu.
- Phần thực hành gồm 9 bài thực tập, cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thực hành về: nhận thức và hướng dẫn sử dụng những dược liệu thường dùng; nhận biết một số đặc điểm hiển vi thường gặp của dược liệu là lá, hoa, rễ, thân rễ; định tính, định lượng một số nhóm hợp chất tự nhiên trong dược liệu.

27. Dược liệu 2 (2 tín chỉ)

Học phần gồm 2 phần :

- Phần lý thuyết cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các nhóm hợp chất alcaloid và tinh dầu trong dược liệu.
- Phần thực hành gồm 7 bài thực tập, cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thực hành về: nhận thức và hướng dẫn sử dụng 60 dược liệu thường dùng; nhận biết một số đặc điểm hiển vi thường gặp của dược liệu là vỏ thân, quả, hạt, bộ phận trên mặt đất; định tính, định lượng alcaloid và tinh dầu trong dược liệu.

28. Bào chế đại cương (3 tín chỉ)

Phần lý thuyết cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại, ưu - nhược điểm, cách dùng, thành phần, phương pháp bào chế, yêu cầu chất lượng và bảo quản các dạng thuốc thông dụng.

Phần thực hành nhằm minh họa cho lý thuyết, giúp người học làm quen với các kỹ thuật bào chế cơ bản và bào chế được một số dạng thuốc thông thường ở quy mô phòng thí nghiệm.

29. Kiểm nghiệm dược phẩm (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản của hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc và các nguyên tắc của một số phương pháp hóa học, hóa lý, vi sinh thường sử dụng trong kiểm nghiệm. Do vậy, môn học yêu cầu người học vận dụng thực hành một số chỉ tiêu chế phẩm theo các chuyên luận của Dược điển.

30. Kỹ thuật hóa dược (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về sản xuất nguyên liệu làm thuốc bằng phương pháp tổng hợp hóa học: Lý thuyết về các phản ứng dùng trong Kỹ thuật tổng hợp hóa dược, phương pháp tổng hợp một số nhóm Hóa dược chính, kỹ năng thực hành sản xuất một số Hóa dược.

31. Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ dược phẩm (3 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý, phương pháp và thiết bị thực hiện một số quá trình thường gặp trong công nghiệp dược phẩm.

32. Công nghệ vi sinh trong sản xuất dược phẩm (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật cơ bản trong sản xuất nguyên liệu làm thuốc và chế phẩm sinh học bằng phương pháp lên men vi sinh vật.

33. Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược (2 tín chỉ)

Học phần Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược cung cấp cho SV các kiến thức về:

- Cách phân tích cấu trúc để tìm ra các nhóm chức cơ bản quyết định tính chất lý hóa của dược chất.
- Các chỉ tiêu chất lượng chính của nguyên liệu hóa dược và cách xây dựng tiêu chuẩn chất lượng cho nguyên liệu hóa dược. Cách thẩm định phương pháp phân tích nguyên liệu hóa dược.
- Quy trình thiết lập chất chuẩn đối chiếu dùng trong kiểm nghiệm thuốc.

34. Kỹ thuật chiết xuất dược liệu (3 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ thuật cơ bản về phương pháp chiết xuất dược liệu, phương pháp sản xuất cao dược liệu và một số hợp chất tự nhiên làm thuốc.

35. Kỹ thuật pha chế một số chế phẩm hóa mỹ phẩm (2 tín chỉ)

Phần lý thuyết cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về thành phần, kỹ thuật pha chế, kiểm tra chất lượng các chế phẩm tẩy rửa và vệ sinh thông dụng.

Phần thực hành nhằm minh họa cho lý thuyết, giúp người học pha chế được một số chế phẩm tẩy rửa và vệ sinh ở quy mô phòng thí nghiệm.

36. Nghiên cứu phát triển thuốc mới 1 (2 tín chỉ)

Học phần Nghiên cứu và phát triển thuốc mới I cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương về nghiên cứu phát triển thuốc mới:

- Vị trí, vai trò của nghiên cứu phát triển thuốc mới trong ngành công nghiệp dược hiện nay.
- Quá trình nghiên cứu và phát triển một số nhóm thuốc điển hình
- Các cách tiếp cận trong nghiên cứu phát triển thuốc mới.
- Các bước trong nghiên cứu phát triển thuốc mới hiện nay.

37. Nghiên cứu phát triển thuốc mới 2 (3 tín chỉ)

Học phần Nghiên cứu và phát triển thuốc mới II cung cấp cho sinh viên các phương pháp/kỹ thuật chính sử dụng trong nghiên cứu phát triển thuốc mới hiện nay: các phương pháp chung trong thiết kế cấu trúc thuốc; các phương pháp thiết kế cấu trúc chất ức chế enzyme, chất chủ vận/đối kháng thụ thể; các phương pháp thiết kế cấu trúc tiền thuốc; các phương pháp thiết kế cấu trúc để thay đổi dược động học. Ngoài ra môn học cũng giới thiệu sơ qua một số kỹ thuật hiện đại trong nghiên cứu phát triển thuốc mới hiện nay. Học phần cũng giúp cho sinh viên có thể vận dụng các phương pháp/kỹ thuật đã học để đề xuất/phân tích cấu trúc một số thuốc điển hình.

38. Các mô hình nghiên cứu liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học (2 tín chỉ)

Môn học giới thiệu các loại liên quan cấu trúc tác dụng sinh học, vị trí, vai trò của liên quan cấu trúc tác dụng sinh học trong nghiên cứu phát triển thuốc mới; các

phương pháp phổ biến trong nghiên cứu liên quan cấu trúc tác dụng sinh học hiện nay; các mô hình hiện sử dụng trong nghiên cứu liên quan định lượng giữa cấu trúc và tác dụng sinh học và ứng dụng của các mô hình này trong thiết kế cấu trúc các hợp chất có tiềm năng hoạt tính sinh học để định hướng phát triển thành thuốc mới.

39. Hóa học các hợp chất cao phân tử (2 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản và hiện đại về cấu trúc, danh pháp, phân loại, đặc tính, phương pháp điều chế, các hoá tính của các hợp chất cao phân tử có nguồn gốc thiên nhiên đến các polime tổng hợp. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên các kiến thức về ứng dụng của hợp chất cao phân tử trong cuộc sống, trong lĩnh vực dược, y sinh và một số lĩnh vực khác.

40. Phương pháp phổ trong xác định cấu trúc hợp chất hữu cơ (3 tín chỉ)

Môn học giúp người học có kiến thức cơ bản về các phương pháp phổ. Từ đó giúp người học có thể vận dụng trong việc xác định cấu trúc phân tử của hợp chất hữu cơ được tổng hợp hoặc được chiết tách từ trong tự nhiên.

41. Thực tế (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng thực tế trong thực hành nghề nghiệp. Sinh viên học tập ở các cơ sở thực tế: cơ sở sản xuất, kinh doanh về hóa chất, hóa dược; các cơ quan về nghiên cứu, kiểm nghiệm hóa dược, dược phẩm... dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn thực tế của trường và cán bộ tại cơ sở thực tế.

Học phần tự chọn:

1. Bào chế công nghiệp 1 (2 tín chỉ)

Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong sản xuất dược phẩm, một số kiến thức về bao bì đóng gói dược phẩm, thẩm định quy trình sản xuất và kỹ thuật sản xuất viên tròn ở qui mô công nghiệp.

Phần thực hành giúp người học rèn luyện kỹ năng lựa chọn và đánh giá đặc tính của bao bì đóng gói, kỹ năng sản xuất viên tròn bằng phương pháp bồi dần.

2. Bào chế công nghiệp 2 (3 tín chỉ)

Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản xuất pellet, viên nén, viên nang, thuốc tiêm và kỹ thuật bao viên.

Phần thực hành giúp người học làm quen với các kỹ thuật bào chế pellet và viên nén trên các thiết bị công nghiệp.

3. Bào chế và sinh dược học 1 (3 tín chỉ)

Phần lý thuyết cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc, nhũ tương thuốc, hỗn dịch thuốc, thuốc tiêm - tiêm truyền, thuốc nhỏ mắt, thuốc dùng qua đường hô hấp.

Phần thực hành nhằm minh họa cho lý thuyết, giúp người học làm quen với các kỹ thuật bào chế cơ bản và bào chế được một số dạng thuốc thông thường ở quy mô phòng thí nghiệm.

4. Bào chế và sinh dược học 2 (3 tín chỉ)

Phần lý thuyết cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: thuốc qua da, thuốc đặt, thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang.

Phần thực hành nhằm minh họa cho lý thuyết, giúp người học làm quen với các kỹ thuật bào chế cơ bản và bào chế được một số dạng thuốc thông thường ở quy mô phòng thí nghiệm.

5. Bệnh học (3 tín chỉ)

Môn bệnh học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: định nghĩa, nguyên nhân, điều kiện thuận lợi, đường lây truyền, yếu tố nguy cơ, triệu chứng, biện pháp điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp của các hệ cơ quan: tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nội tiết, tiết niệu, thần kinh; bệnh về máu và cơ quan tạo máu, bệnh truyền nhiễm, bệnh dị ứng – miễn dịch.

6. Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc (2 tín chỉ)

Môn học đề cập đến khái niệm, vai trò triển vọng của công nghệ nano, tá dược và phương pháp bào chế một số hệ tiểu phân nano, đặc điểm và ứng dụng một số dạng bào chế áp dụng công nghệ nano.

7. Công nghệ sản xuất vaccin (2 tín chỉ)

Môn học đề cập đến khái niệm, vai trò, đặc điểm, phân loại, ưu nhược điểm và nguyên tắc cơ bản trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm và phân phối vaccin.

8. Công nghệ sinh học dược cơ bản (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng công nghệ sinh học để sản xuất một số nguyên liệu của ngành dược và nêu được ưu thế của công nghệ sinh học so với tổng hợp hóa dược trong SX một số nguyên liệu của ngành dược.

9. Điện di và phân tích nhiệt (2 tín chỉ)

Giới thiệu nguyên lý một số phương pháp và kỹ thuật điện di và ứng dụng của các kỹ thuật này trong phân tích dược và y sinh học.

Giới thiệu nguyên tắc ứng dụng của phân tích nhiệt (DSC, TGA) trong đánh giá chất lượng các nguyên liệu làm thuốc cũng như tiêu chuẩn hóa một số dạng bào chế. Người học sẽ được làm quen với các trang thiết bị hiện đại và bước đầu đọc hiểu các thông số thực nghiệm thu được.

10. Độc chất học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chất độc và độc chất học: những kiến thức về cách phát hiện và xác định hàm lượng các chất độc, triệu chứng lâm sàng và cách xử trí với một số chất độc thường gặp.

11. Dược động học (2 tín chỉ)

Nội dung của môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về dược động học các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa thải trừ thuốc và các thông số liên quan, mô hình hóa trong dược động học, tính toán thông số từ dữ liệu nồng độ, dược động học theo đường dùng và chế độ dùng thuốc.

12. Dược học cổ truyền (3 tín chỉ)

Môn học dược học cổ truyền cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lý luận cơ bản y dược học cổ truyền một số khái niệm cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc theo nguyên lý y dược học cổ truyền; đặc trưng của vị thuốc cổ truyền (tính, vị, quy kinh, khuynh hướng tác dụng và tương tác thuốc); đặc điểm tính vị, công năng chủ trị, chú ý khi sử dụng chung của các nhóm thuốc cổ truyền và các vị thuốc; các phương pháp cơ bản chế biến thuốc cổ truyền và một số quy trình chế biến vị thuốc. Phân thực hành giúp người học chế biến được một số vị thuốc theo phương pháp cổ truyền và phân tích, hướng dẫn sử dụng thuốc cổ truyền trong một số tình huống cụ thể.

13. Dược lý 2 (3 tín chỉ)

Nội dung của học phần bao gồm đặc tính dược lý (dược động học, cơ chế tác dụng, tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, thận trọng/cảnh báo khi dùng thuốc, chống chỉ định, tương tác thuốc, chế phẩm và liều dùng) của các nhóm thuốc tác dụng trên hệ tim mạch, tác dụng trên quá trình đông máu, thuốc điều trị rối loạn lipid máu, thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa, kháng sinh, hóa trị liệu, hormon và các thuốc liên quan, vitamin, thuốc kháng histamin, thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm, thuốc điều trị bệnh gút.

14. Giải phẫu - Sinh lý (4 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về vị trí, cấu tạo và hoạt động chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể người: tuần hoàn, máu, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, sinh dục, thần kinh.

15. GMP trong sản xuất nguyên liệu thuốc (2 tín chỉ)

Chuyên đề cung cấp các nội dung cốt lõi về thực hành tốt sản xuất nguyên liệu hóa dược (từ các nguồn tổng hợp hóa học, chiết xuất dược liệu và công nghệ sinh học) theo các văn bản mới nhất của Bộ Y Tế Việt Nam, Tổ chức y tế thế giới (WHO) và một số nước phát triển.

16. Hóa học các hợp chất thiên nhiên (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguồn gốc, sinh tổng hợp, đặc điểm cấu trúc, tính chất lý hóa, phương pháp chiết xuất, hoạt tính sinh học và ứng dụng của các nhóm hợp chất tự nhiên thường gặp (terpenoid, phenol thực vật, alkaloid và các hợp chất có nitơ khác, carbohydrat, các hợp chất có nguồn gốc sinh vật biển).

17. Hóa tổ hợp (2 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho người học có kiến thức cơ bản và hiện đại về hoá tổ hợp như các hợp phần tham gia quá trình hoá tổ hợp (chất mang, linker), các phản ứng hoá học sử dụng trong hoá tổ hợp (phản ứng gốc, thế, cộng, tách loại, khử hoá, oxy hoá, ..), các kỹ thuật hoá tổ hợp (tổng hợp pha rắn, pha lỏng, hiệu năng cao, tinh chế, phân tích, giải tích), các thiết bị, hoá tổ hợp trong xây dựng thư viện chất và sàng lọc ảo.

18. Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu (2 tín chỉ)

Học phần gồm 2 phần:

- Phần lý thuyết cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thực trạng chất lượng dược liệu hiện nay, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dược liệu và chế phẩm dược liệu, một số nguyên tắc kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu.
- Phần thực hành gồm 7 bài thực tập, cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu theo tiêu chuẩn.

19. Kiểm nghiệm mỹ phẩm (2 tín chỉ)

Học phần này giới thiệu một số nội dung cơ bản về công tác quản lý chất lượng mỹ phẩm tại Việt Nam; đặc điểm và các phương pháp phân tích một số nhóm đối tượng không được phép có hoặc chỉ được sử dụng ở giới hạn hàm lượng nhất định trong mỹ phẩm.

Học phần này cũng cho phép sinh viên được thực hành phân tích một số chất cấm hoặc có giới hạn hàm lượng trong mỹ phẩm.

20. Marketing Dược (2 tín chỉ)

Là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động marketing dược, từ đó sinh viên có thể phân tích và nhận dạng một số chiến lược marketing đang được áp dụng trong kinh doanh dược phẩm.

21. Môi trường (1 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về môi trường, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và biện pháp xử lý chất ô nhiễm môi trường.

Liên hệ được các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối dược phẩm và dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe với môi trường sống. Từ đó giáo dục ý thức làm việc thân thiện, có trách nhiệm với môi trường của dược sĩ.

22. Mỹ phẩm (2 tín chỉ)

Phần lý thuyết cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bào chế, đánh giá các chế phẩm mỹ phẩm dùng cho da, răng, tóc, khử mùi và trang điểm màu.

Phần thực hành nhằm minh họa cho lý thuyết, giúp người học bào chế được một số chế phẩm mỹ phẩm ở quy mô phòng thí nghiệm.

23. Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tình hình nghiên cứu và phát triển, giá trị thương mại, ứng dụng, tiềm năng khai thác của một số cây thuốc được sử dụng là nguyên liệu chiết xuất các hợp chất tinh khiết, một số cây thuốc được trồng ở quy mô công nghiệp và một số cây chứa tinh dầu ở Việt Nam. Giá trị thương mại và ứng dụng của một số tinh dầu.

24. Phương pháp nghiên cứu cây thuốc (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quát trong lĩnh vực nghiên cứu cây thuốc: tổng quan tài liệu, các yêu cầu chung đối với mẫu cây thuốc nghiên cứu, các phương pháp định tính, định lượng ứng dụng trong nghiên cứu cây thuốc, phương pháp phân lập các hợp chất tự nhiên. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc chung để đánh giá tác dụng sinh học của cây thuốc.

25. Phương pháp nghiên cứu độ ổn định của nguyên liệu hóa dược (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp các kiến thức chung về nghiên cứu độ ổn định của nguyên liệu hóa dược và hướng dẫn các bước tiến hành đánh giá độ ổn định của nguyên liệu hóa dược.

26. Quản lý học đại cương (2 tín chỉ)

Quản lý học cung cấp những kiến thức quản lý cơ bản áp dụng trong ngành dược, từ đó người học vận dụng nguyên tắc, phương pháp để triển khai các chức năng quản lý một cách hiệu quả. Ứng dụng trong ra quyết định dựa trên các nguồn thông tin thu được trong một số tình huống cụ thể.

27. Quản trị doanh nghiệp dược (2 tín chỉ)

Là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quy định đối với doanh nghiệp và doanh nghiệp dược, từ đó sinh viên có kỹ năng thực hành về quản trị doanh nghiệp theo hướng tập trung vào các tình huống sẽ gặp trên thực tế hành nghề kinh doanh dược phẩm.

28. Sinh lý bệnh - Miễn dịch (3 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho người học: khái niệm cơ bản về sinh lý bệnh, cơ chế bệnh sinh của quá trình viêm, rối loạn chuyển hóa nước và điện giải, rối loạn chuyển hóa chất (glucid, protid, lipid); rối loạn cân bằng acid - base, rối loạn thân nhiệt, rối loạn chức năng của các hệ cơ quan: tuần hoàn, vi tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp, máu, gan mật, thận. Đồng thời cung cấp các khái niệm cơ bản về miễn dịch, đặc điểm và vai trò của hệ thống miễn dịch của cơ thể và cơ chế của một số bệnh lý miễn dịch: quá mẫn, thiếu năng miễn dịch, bệnh tự miễn.

29. Tâm lý, đạo đức và vấn đề dược xã hội học (2 tín chỉ)

Học phần Tâm lý, đạo đức và các vấn đề dược xã hội học cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về tâm lý, đạo đức và những kiến thức cơ bản về lịch sử, hệ thống tổ chức của ngành Dược, các quan điểm, đường lối, chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực Y tế; cơ sở khoa học và phương pháp luận trong lĩnh vực truyền thông, giáo dục và tư vấn về sử dụng thuốc trong cộng đồng, hướng cộng đồng tới việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

30. Thực hành tốt sản xuất thuốc và thực hành tốt phòng thí nghiệm (GMP & GLP) (2 tín chỉ)

Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về mục tiêu, ý nghĩa, các nội dung cơ bản của Thực hành tốt sản xuất và thực hành tốt phòng thí nghiệm theo khuyến cáo của Tổ chức y tế thế giới và qui chuẩn quốc tế.

31. Thực vật (3 tín chỉ)

Để đáp ứng nhu cầu thực tế của ngành y tế về việc phát triển thuốc có nguồn gốc thiên nhiên, học phần Thực vật trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thực vật học, làm cơ sở cho các môn học liên quan đến tài nguyên cây thuốc và dược liệu làm thuốc. Học phần này bao gồm phần lý thuyết và thực hành:

Phần lý thuyết bao gồm 29 tiết đem lại cho người học các kiến thức về cách đọc và viết tên Latin của cây thuốc và dược liệu; các khái niệm về đại cương thực vật học; phân loại ngành nấm, ngành thực vật và các khái niệm cơ bản về tài nguyên cây thuốc.

Phần thực hành được thiết kế với 8 bài thực hành nhằm minh họa lý thuyết, giúp người học có các kỹ năng: đọc và viết đúng tên Latin của cây thuốc; thực hiện được các thao tác nghiên cứu đặc điểm vi học, đặc điểm hình thái của cây thuốc và nhận biết được một số cây thuốc thông dụng.

32. Tổng hợp bất đối xứng và ứng dụng trong tổng hợp thuốc (2 tín chỉ)

Các thuốc tổng hợp có hiện tượng đối quang (chirality) thể hiện sự khác nhau về hoạt tính sinh học như tác dụng dược lý, độc tính, dược động học, chuyển hóa,... Vì thế môn học giúp sinh viên có kiến thức về ý nghĩa thực tế của đồng phân quang học của hợp chất hữu cơ; về tổng hợp bất đối; về các phương pháp xác định độ tinh khiết của đồng phân quang học; về các phương pháp tạo hợp chất tinh khiết quang học và các ứng dụng của tổng hợp bất đối trong tổng hợp thuốc.

33. Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch sinh học (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học các ứng dụng của HPLC, TLC và GC trong kiểm nghiệm Dược phẩm và đánh giá tương tự sinh học của thuốc. Đồng thời, cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản đánh giá điều kiện sắc ký phù hợp đối tượng phân tích và định lượng thuốc trong chế phẩm và dịch sinh học.

34. Vật lý đại cương 2 (2 tín chỉ)

Học phần Vật lý đại cương 2 cung cấp kiến thức cơ bản trong các phần quang học, vật lý hạt nhân thường được sử dụng để xác định các tính chất vật lý của các chế phẩm dược học. Phần lý thuyết đề cập đến các định nghĩa, công thức, định luật và các ứng dụng. Phần thực tập người học được đo, vận dụng các phương pháp phân tích để xác định các đại lượng vật lý cơ bản như chiết suất, góc quay cực, độ hấp thụ, độ truyền qua, kích thước tiểu phần.

35. Vi sinh - Ký sinh trùng 1 (2 tín chỉ)

Học phần Vi sinh - Ký sinh trùng 1 nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về:

- Phân bố, hình thái và cấu tạo tế bào vi sinh vật.
- Đặc điểm sinh trưởng, trao đổi chất và di truyền của vi sinh vật.
- Nhiễm trùng và miễn dịch vi sinh.
- Virus và vi nấm gây bệnh thường gặp.

36. Vi sinh - Ký sinh trùng 2 (2 tín chỉ)

Học phần Vi sinh - Ký sinh trùng 2 nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về:

- Vi khuẩn gây bệnh ở người thường gặp.

- Giun ký sinh và gây bệnh ở người.
- Sán ký sinh và gây bệnh ở người.
- Đơn bào ký sinh và gây bệnh ở người.
- Tiết túc y học.

VIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Phụ lục đính kèm)

2.3. Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua đề án mở ngành đào tạo

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-DHN

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2019

BIÊN BẢN HỌP **HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO THÁNG 12-2019**

Thời gian: 14h00 ngày 09/12/2019

Địa điểm: phòng Hội thảo 1, Trường Đại học Dược Hà Nội

Thành phần:

Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường: 16/21 thành viên (Vắng: GS. TS. Thái Nguyễn Hùng Thu, PGS. TS. Nguyễn Việt Thân, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chiến, PGS. TS. Nguyễn Mạnh Tuyển, PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh).

Chủ tịch Hội đồng: GS. TS. Nguyễn Thanh Bình.

Thư ký đào tạo: TS. Vũ Xuân Giang

Nội dung phiên họp: Thông qua Đề án mở mã ngành Hóa dược trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Diễn biến phiên họp:

1. GS. TS. Nguyễn Hải Nam báo cáo tóm tắt Đề án mở mã ngành Hóa dược trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Cơ sở vật chất và nguồn lực hiện tại của Trường đã đáp ứng tốt cho đào tạo hiện nay và hoàn toàn có thể mở rộng quy mô. Căn cứ Nghị quyết 10-NQ/ĐU của Đảng ủy ngày 10/8/2018, Trường Đại học Dược Hà Nội đã lên kế hoạch triển khai mở mã ngành Hóa dược, trình độ đại học.

Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo ngành Hóa dược trình độ đại học đã được xây dựng với 4 mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực làm việc và ý thức trách nhiệm.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Hóa dược trình độ đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội đã được ban hành và công bố trong quyết định số 673/QĐ-DHN ngày 09/7/2019; bao gồm 5 lĩnh vực và 35 tiêu chuẩn.

Dự thảo Chương trình đào tạo ngành Hóa dược trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua. Chương trình đào

tạo gồm 124 tín chỉ (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương (32 tín chỉ),
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (84 tín chỉ),
- Khóa luận tốt nghiệp/ học phần tích lũy tốt nghiệp (8 tín chỉ).

Dự kiến thời gian đào tạo trong 4 năm.

2. Hội đồng thảo luận và đóng góp ý kiến

- GS. TS. Nguyễn Thanh Bình: khẩn trương hoàn thiện Đề án để có được quyết định mở ngành Hóa dược của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước Tết âm lịch 2020.
- PGS. TS. Nguyễn Đăng Hòa: Hoàn thành mở ngành Hóa Dược là làm được một công việc trong nghị quyết Đảng ủy nhà trường nhiệm kỳ 2015-2020 về việc mở ngành đào tạo mới. Hàng năm trong quá trình đào tạo cần tiếp tục tiến hành rà soát chương trình. Sửa một số lỗi đánh máy.
- GS. TS. Nguyễn Thanh Bình: bổ sung quyết định thành lập Hội đồng Trường.
- PGS. TS. Đào Thị Vui: công tác xây dựng ngành Hóa dược của Trường đã tiến hành rất khẩn trương, tích cực. Cần thống nhất cách viết tên Bộ môn, phòng thực hành trong bảng 2.5.
- PGS. TS. Nguyễn Thị Kiều Anh: bổ sung thuốc generic trong phần I.

3. Kết luận

Sau khi thảo luận, Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã tiến hành biểu quyết thông qua Đề án mở mã ngành Hóa dược trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Kết quả: 100% thành viên tham dự nhất trí thông qua Đề án đã báo cáo.

Chủ tọa GS. TS. Nguyễn Thanh Bình kết luận thông qua Đề án mã ngành Hóa dược trình độ đại học và tiến hành nộp báo cáo hai Bộ: Bộ Y tế và Bộ Giáo dục & Đào tạo theo đúng quy định.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h00 cùng ngày. Biên bản này được gửi đến Ban Giám hiệu và lưu tại phòng Đào tạo, Hành chính tổng hợp.

THƯ KÝ	CHỦ TỊCH
	HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
(<i>đã ký</i>)	(<i>đã ký</i>)

Vũ Xuân Giang

Nguyễn Thanh Bình

III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

3.1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học

<http://www.hup.edu.vn/Pages/default.aspx#section=generalw>

3.2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét thẩm định Hồ sơ Đề án và cho phép Trường Đại học Dược Hà Nội được mở mã ngành đào tạo cử nhân Hóa dược.

3.3. Cam kết triển khai thực hiện

Trường Đại học Dược Hà Nội cam kết tuân thủ các điều kiện hiện hành về việc mở mã ngành và triển khai thực hiện Chương trình đào tạo như đăng ký.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT;

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

CÁC PHỤ LỤC

1. Hồ sơ xây dựng và thẩm định Chương trình giáo dục đại học ngành Hóa dược và Đề cương chi tiết các học phần trong Chương trình giáo dục đại học ngành Hóa dược
2. Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành và Hồ sơ kiểm tra cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên phục vụ cho chương trình đào tạo Hóa dược trình độ đại học
3. Lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên